

Bí ẩn

NHIỀU TÁC GIẢ

mãi mãi là bí ẩn

In lần thứ 32



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Bí ẩn

mãi mãi là bí ẩn

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN

Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn. T.2 / Nhiều tác giả s.t. - In lần thứ 32. - TP. Hồ Chí Minh
: Trẻ, 2018.

184 tr. : hình ảnh ; 19cm.

1. Điều bí ẩn. 2. Hiện tượng bí ẩn.

001.94 -- dc 22
B577

Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn 2



NHIỀU TÁC GIẢ sưu tầm và biên soạn

Bí ẩn

mãi mãi là bí ẩn

2

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

Bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia

Hơn 40 năm trước, các thợ đào huyệt ở một ngôi làng Colombia đã mở một số quan tài cũ ra và kinh ngạc: những xác người bên trong đã khô quắt lại và còn nguyên hình dáng. Làm thế nào những thi thể đó vẫn nguyên vẹn đến nay còn là một điều bí ẩn đối với các nhà khoa học.



Xác ướp bên trong hầm mộ ở nghĩa trang San Bernardo

Phát hiện này đã biến nghĩa trang San Bernardo thành một điểm dừng chân cho khách du lịch, nơi họ có thể chiêm ngưỡng xác ướp trong những chiếc hòm kính: tóc, răng và móng chân, tay vẫn còn nguyên vẹn. Một dòng chữ ở bên trên có ghi: "Lạy Chúa, xin cho họ được yên nghỉ ở cõi vĩnh hằng".

Những xác ướp được phát hiện khi công nhân mở nắp quan tài để chuyển thi thể sang bình đựng di cốt, một thủ tục thông thường để dọn chỗ trong các nghĩa địa ở Colombia. Các nhà khoa học vẫn chưa tìm được cách giải thích thuyết phục cho việc những xác ướp ở nghĩa trang San Bernardo, nằm ở một thung lũng màu mỡ cách thủ đô Bogota 72km về phía tây nam, không bị phân rã mà lại héo khô như vậy.

Người dân địa phương cho rằng thành phần hoá học trong đất ở khu vực, sự phân huỷ của loài quả bản xứ nhiều gai gọi là guatila, và khí hậu khô cần đã giúp bảo quản những thi thể này.

Vì sao chúng ta sợ?

Anna-Li Yaron sẽ không bao giờ quên được lần đầu tiên cô nghe tiếng bom nổ. Nó xảy ra vào đầu tháng 1/2003 khi cô đang ngồi học ở trường trung học Charles Smith tại Jerusalem. Giáo viên đã báo trước cho cả lớp biết cuộc diễn tập nhưng khi tiếng còi hú kéo dài, cô bé Yaron 16 tuổi vẫn run lên vì sợ.

Cả lớp cười chế nhạo cô. Chính cô cũng thấy buồn cười vì sự nhút nhát của mình. Đó là một phần tâm lý của Yaron và cả thế giới xung quanh. Gia đình cô đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết để đề phòng chiến tranh Iraq. Nhà trường cũng diễn tập sơ tán các học sinh đến nơi trú ẩn. Họ luôn căng thẳng về những diễn biến xảy ra trên thế giới. Ở Nhật, người ta lo lắng về nền kinh tế suy sụp trong nước. Ở Anh và Mỹ, người ta lo sợ khủng bố như ngày 11/9. Và ở đâu cũng có những nỗi lo sợ...

Những nỗi sợ như thế làm giảm tính miễn dịch, khiến ta kém ăn, mất ngủ, nổi mụn hoặc có khối u. Tình trạng tâm lý ảnh hưởng tới nội tiết tố sinh học của con người. Những người lo lắng dễ gặp tai nạn, dễ cảm lạnh hoặc bị bệnh tim. Kỳ lạ là càng sợ người ta lại càng ăn nhiều. Đó là nghịch lý của nỗi sợ. Đó là phản ứng cơ bản với sự sinh tồn. Chúng có hại đối với chúng ta, làm giảm thọ, thậm chí là giết chết con người.

Trước đây, không ai biết não nảy sinh cảm giác sợ hãi hoặc lo lắng bằng cách nào. Cuối thập niên 1970, khoa học gia về thần kinh Joseph LeDoux thuộc Đại học New York, Mỹ, đã nghiên cứu về lĩnh vực này.

Cảm giác sợ hãi mơ hồ khác với cảm giác sợ hãi khi ở trong ngôi nhà đang cháy hoặc ở trên chiếc máy bay bị cướp. Nhưng chúng không tách biệt. Nỗi sợ và nỗi lo xuất hiện theo dây chuyền, bắt nguồn từ sinh lý và có hệ quả tương tự.

Não bộ không chỉ là “cỗ máy suy nghĩ”, nó còn là quá trình phỏng sinh học, được cấu tạo để thúc đẩy sự sinh tồn trong môi trường. Cấu trúc não xử lý công việc trước hoạt động nhận thức. LeDoux gọi “não cảm xúc” là “mạng lưới mạch” được điều chỉnh theo các tín hiệu của sự nguy hiểm cực độ.

Nỗi sợ càng kéo dài thì càng nguy hiểm cho sức khỏe. Nó khởi nguồn từ vùng phản ứng tới gần vùng hạ đồi trong khi sản sinh chất CRF (corticotropin releasing factor). Nó luân phiên phát tín hiệu cho các tuyến nhờn và tuyến thượng thận để đưa các chất epinephrine (adrenaline), norepinephrine và cortisol vào mạch máu. Các hormone gây căng thẳng này “đóng” các hoạt động “không khẩn cấp” như tiêu hoá và miễn dịch để “trực chiến” hoặc “trốn chạy”. Tim đập, phổi bơm và cơ bắp nhận glucose.

Norepinephrine độc hại đối với các mô, nhất là tim.

Israel thống kê được gần 100 ca tử vong trong cuộc tấn công bằng tên lửa Scud của Iraq trong cuộc chiến vùng Vịnh lần I, họ không chết vì bom mà vì đau tim, do sợ hãi và căng thẳng. Sau vụ 11/9, số bệnh nhân tim quanh vùng New York đã tăng gấp đôi. Chất adrenaline làm hại tim, và chất cortisol làm hại hệ miễn nhiễm, do vậy mà người ta dễ bị nhiễm trùng, dễ bị bệnh truyền nhiễm và ung thư. Các hormone gây căng thẳng làm tổn thương não, làm suy yếu liên kết neuron. Cả ở người lẫn động vật, càng căng thẳng thì não càng suy yếu.

Trẻ em rất nhạy bén với nỗi sợ và nỗi lo, vì não của chúng đang phát triển, ảnh hưởng đến tính khí. Hàng triệu người bị ám ảnh, nhất là phụ nữ. Ít nhất có khoảng hơn 300 chứng sợ hãi. Càng ngày con người càng có thêm nhiều nỗi lo sợ khác.

Sự lựa chọn bí ẩn của tự nhiên

Nếu tự nhiên là một cô gái thì người ấy sẽ có hai tay trái và hai chân phải - một cơ thể không cân đối. Thật vậy, các phân tử không thể thiếu cho sự sống, các acid amin của protein hoặc nucleotide của ADN, chỉ tồn tại trong một hình dạng không gian duy nhất, chỉ bên phải hoặc chỉ bên trái của hai hình đối nhau qua gương.

Nếu đã tồn tại dạng này, thì dạng kia sẽ không có trong tự nhiên nữa. Tại sao vậy? Có lẽ lời giải ẩn chứa trong từ trường của các ngôi sao.

Từ lâu, vấn đề “cùng tay” của tự nhiên đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà sinh vật học và hóa học, bởi hình dáng của các phân tử sẽ quyết định đến hiệu quả sử dụng của nó. Chẳng hạn, một số loại dược phẩm chỉ có thể sử dụng các phân tử có cấu tạo trans hoặc cis mà thôi. Louis Pasteur cũng từng cố gắng tạo ra dạng của acid tartric có trong nước nho, nhưng vô ích.

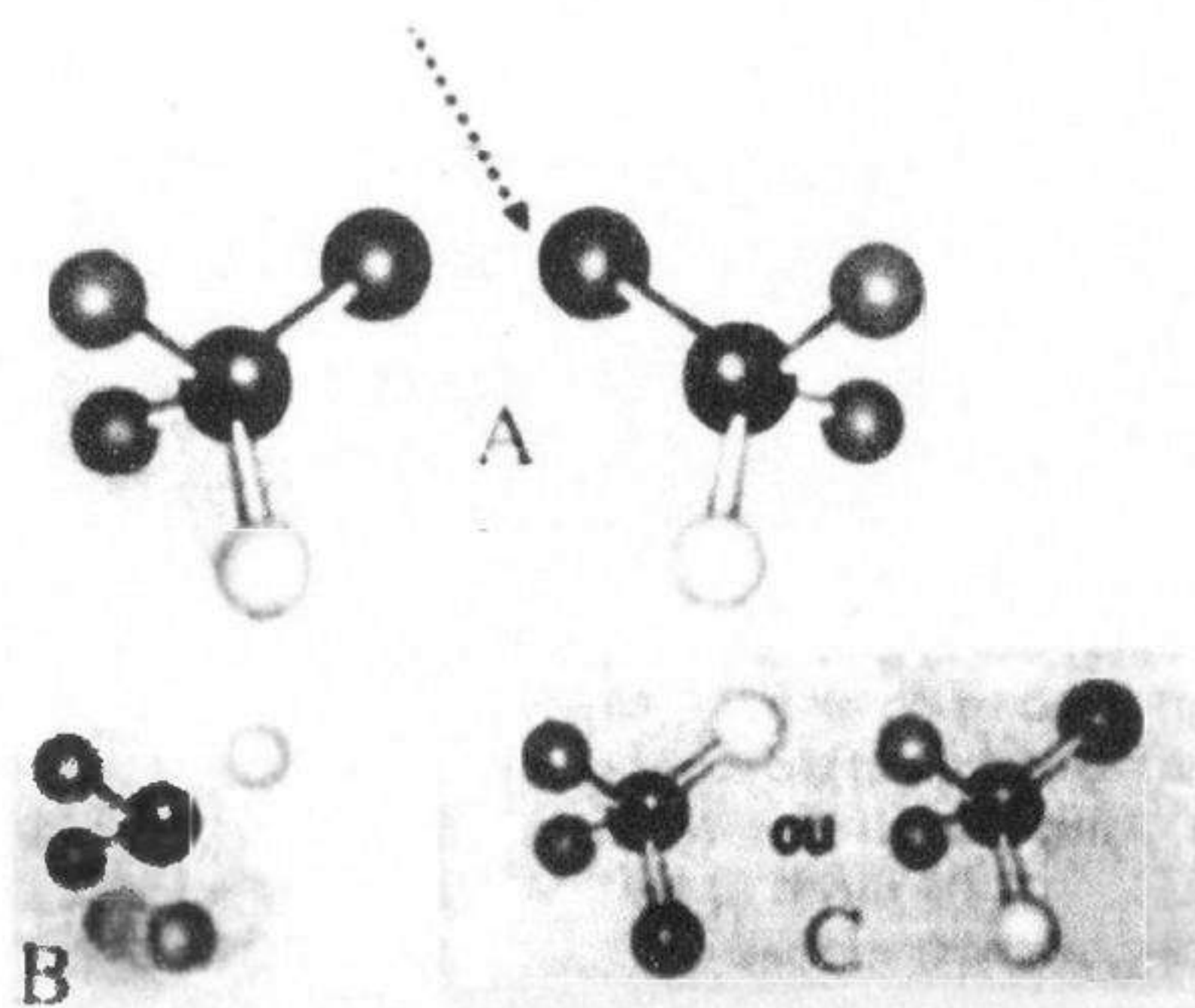
Giải thích cho vấn đề cùng phía này, một số nhà sinh học cho rằng, trước kia, số các phân tử cis và trans bằng nhau, rồi tự nhiên đã lựa chọn để chỉ giữ lại một dạng duy nhất. Tuy nhiên, họ không có bằng chứng thực nghiệm về điều này. Nhiều nhà hóa học khác lại tin là sự sống chỉ

xuất hiện trong một môi trường bất đối xứng lớn. Chẳng hạn, sự trùng đôi của ADN không thể có trong một môi trường mà các phân tử cis và trans bằng nhau.

Như vậy, sự thật cần được tìm ra theo cách khác, đó là các lực bên ngoài tác động vào phân tử. Mới đây, hai nhà nghiên cứu thuộc phòng thí nghiệm từ trường ở Grenoble (Pháp) Geert Rikken và Ernst Raupach, đã lựa chọn ánh sáng và từ trường để làm việc này.

Từ lâu người ta đã biết rằng để nhận biết các phân tử trans và cis, cách tốt nhất là dùng máy chiếu. Bởi mức độ hấp thụ ánh sáng phụ thuộc vào những đặc tính điện của phân tử, hay cấu trúc không gian của chúng. Bằng việc phối hợp rất hợp lý giữa ánh sáng và từ trường, Rikken và Raupach đã thành công khi phá vỡ thế cân bằng của một nhóm các phân

tử hóa học ban đầu, gồm các phân tử cis và trans với số lượng như nhau. Các phân tử này hấp thụ ánh sáng khác nhau trong điều kiện có từ trường song song với tia sáng. Kết quả là



Ánh sáng và từ trường tác động cùng lúc vào các phân tử trans và cis với số lượng như nhau (A). Những liên kết bị phá vỡ (B) để tạo nên một dạng phân tử trans hoặc cis (C).

cân bằng bị phá vỡ, các phân tử được tạo ra hoặc chỉ cùng cis, hoặc cùng trans. Từ trường càng mạnh thì sự mất cân bằng càng lớn.

Từ phát hiện này, các nhà nghiên cứu cho rằng rất có thể dạng "tay một phía" - phân tử cùng cis hoặc cùng trans - đã xuất hiện trong các ngôi sao (nơi có từ trường mạnh hơn hàng triệu lần so với trong thí nghiệm và hàng nghìn tỉ lần so với trên trái đất).

Nghiên cứu còn dẫn tới một khám phá thú vị khác. Đó là chỉ cần tạo sự vượt trội rất nhỏ về số lượng của một loại so với loại kia (một phân tử trans được thêm trên 1.000 phân tử cis có trước), thế cũng đủ để làm đảo lộn trật tự các phân tử. Kết quả là chúng đều ở một phía của gương.

Tuy nhiên, để chứng minh được tầm quan trọng của hiện tượng này, hai nhà nghiên cứu còn phải làm được việc tương tự với những phân tử chuyển hóa, như các acid amin. Vấn đề đặt ra ở đây là thiếu phương tiện và một số người phản đối, bởi theo họ, thí nghiệm này đụng chạm đến "nguồn gốc của sự sống".

Bí ẩn về những ngọn đèn vĩnh cửu

Đèn cháy hết bấc và hết dầu thì phải tắt, ấy vậy mà vẫn có những ngọn đèn rực sáng qua hàng thiên niên kỷ với cả “dầu” lẫn bấc còn nguyên. Phải chăng, người xưa đã tìm ra kỹ thuật cháy trong chân không hay có thể duy trì sự cháy mà không cần oxy.



“Đèn” của người Ai Cập cổ đại.

Nhà thơ trào phúng Hy Lạp Lucian (120-180) là người thích chu du. Một lần, khi đặt chân đến Syria và thăm thú khu vực Heirapolis, ông thấy một pho tượng rất lớn đặt giữa một ngôi đền. Trên trán pho tượng là một viên ngọc sáng rực, soi rõ cả khu vực vào ban đêm. Trên bàn tay phải là một ngọn đèn vĩnh cửu. Theo lời kể của dân địa phương thì “không ai biết ngọn đèn ấy cháy từ bao giờ và khi nào tắt”. Hoàng đế Numa Pompilius (La Mã) cũng có một ngọn đèn vĩnh cửu và không hề tiết lộ tại sao nó cứ cháy mãi.

Từ thế kỷ thứ nhất, triết gia La Mã Pliny đã cho rằng ngọn đèn vĩnh cửu phải được thắp bằng một loại dầu đặc biệt và có một sợi bấc cũng hết sức khác thường. Lời kết luận mơ hồ này được các nhà khoa học ngày nay bổ sung như sau: đó là một loại dầu cực kỳ tinh khiết (không hề có tạp chất), còn bấc có lẽ được làm từ amiante (asbestos). Tất nhiên, để được gọi là ngọn đèn vĩnh cửu thì nó phải phát sáng ít nhất là vài chục năm mà không cần châm dầu, thay bấc.

Thế kỷ thứ hai, nhà nghiên cứu Pausanius đã mô tả khá chi tiết một ngọn đèn vĩnh cửu trong tác phẩm *Atticus*. Sự trùng hợp nằm ở chỗ, có khoảng vài trăm tư liệu khác cũng nói về cây đèn này. Nó nằm trong ngôi đền Minerva Polias ở Athens (Hy Lạp), do một người có tên là Callimachus sáng chế. Nhiều tác phẩm cổ xưa của Hy Lạp đôi khi cũng nhắc đến nhân vật này: “... Một người tài hoa, biết chế tạo những dụng cụ hết sức kỳ lạ, đặc biệt

là những ngọn đèn vĩnh cửu. Ông ta có loại dầu đặc biệt, nó cho phép những ngọn đèn này cháy mãi". Trên bệ thờ ở đền Apollo Carneus và đền Aberdain cũng có một ngọn đèn vĩnh cửu.

Nhưng cháy mãi là một chuyện, còn cháy trong gió mưa lại là bí ẩn lớn hơn nhiều.

St. Augustine (354-430) đã mô tả về một ngọn đèn vĩnh cửu trong ngôi đền thờ thần Isis (Ai Cập). Điều khó hiểu nhất là nó nằm ở nơi không có mái che, bất chấp gió mưa. Tương tự như thế, ngọn đèn ở Edessa (Syria) đã cháy suốt 500 năm trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Năm 1300, lý thuyết "dầu đặc biệt" được soi rõ phần nào, khi nhà nghiên cứu Marcus Grecus viết trong tác phẩm *Liber Ignium* (Sách lửa) rằng một số ngọn đèn vĩnh cửu đã dùng nhiên liệu đặc biệt. Đó không phải là dầu mà chỉ là một loại bột mịn được tạo ra từ những "con sâu phát sáng", nhưng là loại sâu gì thì Marcus không biết và bí ẩn mãi mãi bị chôn vùi. Marcus chỉ nói rằng: "Ta đã quan sát sợi bấc, nó dài bằng cánh tay ta. Rất lâu sau đó, ta quay lại và thấy chiều dài của nó vẫn thế, chẳng có ai thay bấc mới hay trút thêm bột".

Năm 1401, trong mộ phần Pallas (con trai vua Evander - La Mã), người ta tìm được một ngọn đèn vĩnh cửu và cho rằng nó đã cháy được 2.600 năm. Để dập tắt nó, theo các bậc cao niên, chỉ có cách đập vỡ tất cả hoặc trút ngược "dầu" của nó.

Năm 1450, một nông dân ở Padoue (Italy), trong lúc cày xới cánh đồng của mình đã tìm được một cái bình bằng đất nung, kế đó là hai bình nhỏ bằng kim loại, một bằng vàng và một bằng bạc. Trong hai hũ này là một loại chất nhờn kỳ lạ, nửa như dầu nửa như mật ong. Bên trong cái bình bằng đất nung là một cái bình đất nung khác đựng một ngọn đèn vĩnh cửu vẫn đang cháy. Bị chôn dưới đất (không biết từ bao giờ) và cháy trong điều kiện ít oxy như vậy, đó quả là một bí ẩn.

Năm 1610, nhà nghiên cứu Ludovicus Vives khẳng định ông đã từng nhìn thấy một ngọn đèn vĩnh cửu (cháy qua 1.500 năm) và bị đám thợ gốm đập vỡ. Nhà sử học Cambden (Anh) vào năm 1586 cũng nhắc về một ngọn đèn vĩnh cửu tại phần mộ của Constantius Chlorus, cha của Costantine Đại đế. Chlorus qua đời năm 306 ở Anh và từ đó, có một ngọn đèn vĩnh cửu được đặt trong phần mộ của ông. Vua Henry VIII vào năm 1539 đã giải tán rất nhiều nhà thờ và tu viện ở Anh, từ đó, có rất nhiều ngọn đèn vĩnh cửu được thắp lên và không bao giờ tắt, trừ khi bị đập vỡ. Ở Tây Ban Nha, cũng có một ngọn đèn vĩnh cửu được tìm thấy tại Cordoue vào năm 1846.

Các phát hiện nói trên chứng tỏ những ngọn đèn kỳ bí này không phải là sản phẩm của riêng Hy Lạp, Ai Cập hay La Mã. Linh mục Evariste - Regis Huc (1813-1860) là người rất thích du ngoạn ở châu Á và đã tìm được một ngọn đèn bất tử như vậy ở Tây Tạng vào năm 1853.

Nhưng tại sao thông tin về loại đèn bí ẩn này lại ít ỏi

đến vậy? Một số người cho rằng chúng chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng, vì người xưa không thể nào tạo ra những kỳ tích như thế. Tuy nhiên, một số nhà sử học lại lập luận rằng: “Vậy bằng cách nào, người ta có thể tạo ra kim tự tháp khi mà cần cầu, xe nâng hay xe tải chưa xuất hiện?”. Nhà hóa học Brand (Hambourg - Đức) vào năm 1669 cho rằng những ngọn đèn vĩnh cửu này cháy lâu như thế là do phosphor. Người khác lại cho rằng chúng cháy lâu là do không cần không khí, ngược lại, nếu tiếp xúc với không khí chúng sẽ tắt. Nếu quả ý kiến này là đúng, thì lẽ nào người xưa đã biết kỹ thuật hút chân không? Và chẳng, lửa cháy không cần oxy là chuyện hết sức khó hiểu.

Những cuộc tranh luận này buộc người ta quay về một bí ẩn khác: kỹ thuật chiếu sáng của người Ai Cập. Trên các đường phố Ai Cập cổ, người ta dùng đèn dầu và đuốc. Nhiên liệu là những cặn bã có nhiều chất béo và chất nhờn. Nhưng ở những hầm mộ được đào sâu vào núi đến 100 mét thì các nô lệ và nhà điêu khắc đã làm việc với ánh sáng gì? Trong các hầm mộ này, không hề có dấu vết của ngọn đèn hay ngọn đuốc nào. Vậy phải chăng người Ai Cập đã dùng các loại gương để phản chiếu ánh sáng mặt trời? Nhưng các loại “gương” thời ấy chỉ bằng bạc, và chỉ có thể phản chiếu 40% ánh sáng, nghĩa là ở độ sâu vài chục mét, bóng tối sẽ lại bao phủ hoàn toàn.

Và rồi một phát hiện đã gây chấn động giới khảo cổ: tại đền Hator ở Denderah (được xây dựng cách đây hơn

4.200 năm) có một gian phòng nằm rất sâu. Trong đó có những bức vẽ cho thấy người Ai Cập đã sử dụng những dụng cụ kỳ lạ trông như bóng đèn điện ngày nay! Phải chăng đây chính là kỹ thuật ánh sáng bí ẩn. Nhà khoa học Erich Von Daniken (Đức) đang cố công tái tạo những bóng đèn to tướng này trong phòng thí nghiệm, nhưng vẫn chưa tìm được cốt lõi của vấn đề. Các nhà Ai Cập học cũng chào thua, vì rõ ràng thời ấy chưa có điện. Vậy, những ngọn đèn ấy được thắp sáng bằng gì? Giải được bài toán này, chúng ta cũng sẽ có câu trả lời cho bí ẩn về những ngọn đèn vĩnh cửu.

Bí ẩn của những tượng đá trên đảo Phục Sinh

Trên hòn đảo nhỏ ở nam Thái Bình Dương này, hàng trăm bức tượng đá cao từ 7-10 mét (mỗi bức nặng gần 90 tấn) vẫn ngoảnh mặt ra biển như đợi chờ một điều gì đó trong suốt mấy nghìn năm qua. Đến nay, người ta vẫn chưa hiểu vì sao các cư dân cổ xưa có thể dựng được những bức tượng khổng lồ này.



Các bức tượng trên đảo Phục Sinh.

Đúng vào ngày lễ Phục sinh năm 1772, một đoàn thám hiểm Hà Lan do đô đốc hải quân Jacob Roggeveen dẫn đầu đã đặt chân lên hòn đảo rộng chưa đầy 18km, dài 24km này. Họ vô cùng kinh ngạc khi thấy vòng quanh đảo có trên 600 pho tượng mặt người, to nhỏ khác nhau, sắp thành hàng trên các bệ đá. Có bức cao tới trên 20 mét và nặng vài trăm tấn. Các bệ đá đều vuông vức, cao trên 4 mét. Tổng cộng có hơn 100 bệ, mỗi bệ đặt từ 4-6 pho tượng.

Điều giống nhau ở các pho tượng đá là đều có khuôn mặt dài, hai mắt lõm sâu, lông mày rậm rịt, miệng nhỏ, tai dài, sống mũi cao gồ. Chúng có đôi tay dài, nhất loạt đặt trước bụng, mặt hướng ra biển như trông ngóng một điều gì đó.

Ngoài ra, đoàn thám hiểm của Roggeveen còn phát hiện trên 300 pho tượng mặt người trong tình trạng chế tác dang dở ở phía đông nam đảo. Pho lớn nhất cao tới 21 mét, nặng khoảng 300 tấn.

Quanh các pho tượng còn dấu tích của đá gọt rải rác cùng 40 hố sâu giống nhau phân bố khắp vùng. Các nhà khoa học trong đoàn không sao lý giải nổi nguồn gốc các pho tượng này. Sau này, nhớ lại thời điểm đặt chân lên đảo, Roggeveen đã đặt tên nó là đảo Phục Sinh.

Bí ẩn của các tượng đá trên đảo Phục Sinh đã cuốn hút sự quan tâm của các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực trong suốt ba thế kỷ qua. Các chuyên gia về văn hóa cổ

thuộc Đại học Hoàng gia Anh cho rằng, những tác phẩm điêu khắc trên đảo Phục Sinh là một bộ phận không thể tách rời của nền văn hóa cổ Polynesia ở Thái Bình Dương.

Cùng quan điểm trên, vào năm 1926, tác giả chuyên viết thể loại huyền bí kiêm nhà phát minh James Churchward cho xuất bản quyển sách *The lost continent of Mu Motherland of man*. Trong đó, ông cho rằng Mu là cái nôi của loài người. 50.000 năm trước, số dân ở đây lên tới 64 triệu người, và đã có một nền văn minh phát triển khá cao.

Mu là đại lục có lịch sử lâu đời. Do những vận động của vỏ trái đất, đại lục này đã bị chìm xuống đáy biển kéo theo toàn bộ sinh linh cùng với nền văn minh của họ. Phần còn lại của "đại lục" chính là quần đảo Polynesia, thuộc vùng biển Thái Bình Dương.

Theo Churchward, phía đông đại lục Mu là vùng quần đảo Polynesia (trong đó có đảo Phục Sinh), phía tây tiếp giáp Philippines, phía bắc giáp đảo Hawaii. Diện tích đại lục Mu tương đương với Nam Mỹ. Phần lớn đại lục là bình nguyên, phù hợp với nghề trồng trọt và chăn nuôi. Với nền văn minh phát triển cao, người dân Mu đã xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ, trong đó có những tượng đá lớn đặt khắp nơi trên lãnh thổ của họ. Thế nhưng thảm họa đã xảy ra và nhấn chìm hầu hết diện tích đại lục. Riêng đảo Phục Sinh, một góc nhỏ nhoi ở vòng ngoài lục địa, đã may mắn còn sót lại vài trăm cư dân và cả ngàn pho tượng đá mặt người.

Tuy nhiên, những bức tượng đá đồ sộ như vậy đã được tạo dựng như thế nào vẫn còn là một bí ẩn. Với cả ngàn pho tượng, ít nhất cũng phải tập trung hàng nghìn người trên công trường, đòi hỏi công tác hậu cần, tổ chức, chỉ huy... rất chặt chẽ. Các nhà khoa học một lần nữa đứng trước câu hỏi lớn, tương tự như khi người ta khảo sát kỹ thuật xây dựng các kim tự tháp của người Ai Cập cổ.

Khi xác định niên đại nền văn minh cự thạch trên đảo Phục Sinh, giới khảo cổ học rất chú ý tới ý kiến của nhà hóa lý Willard Libby (Mỹ). Họ đã dùng phương pháp đồng vị phóng xạ C_{14} của Libby xác định được tuổi của các đồng than củi còn sót lại trên đảo là từ 4.000 năm trước Công nguyên. Như vậy, các tượng đá mặt người trên đảo Phục Sinh tính đến nay đã 6.000 tuổi.

Một số nhà khoa học đưa ra ý kiến rằng nền văn minh cự thạch kỳ lạ tồn tại ở đây không có mối liên quan nào với nền văn minh của cư dân quần đảo Polynesia. Bởi vì "đảo Phục Sinh mới có người cư trú từ trên dưới 1.000 năm nay", nên họ không thể là tác giả của các pho tượng đá đã trên 6.000 năm tuổi. Vậy nên, nhà điêu khắc đích thực của chúng phải là "người ngoài hành tinh". Nhóm khoa học này đã đưa ra các lý lẽ sau:

- Giả sử 6.000 năm trước, đảo Phục Sinh có người nguyên thủy sinh sống, thì những công trình kỳ vĩ trên đảo đã vượt xa khả năng của họ, như thiết bị xây dựng siêu nặng, công nghệ chế tạo phương tiện vận chuyển hết sức tinh vi...

- Theo truyền thuyết của thổ dân vùng nam Thái Bình Dương, ở đây từng có người bay từ trên trời xuống đảo.

Nhóm khoa học trên đưa ra giả thuyết khá thuyết phục sau: Khoảng 6.000 năm trước, đoàn thám hiểm của người hành tinh lạ đã dùng phi thuyền bay đến trái đất, và nơi hạ cánh đầu tiên của họ là đảo Phục Sinh. Để đánh dấu chuyến viếng thăm này, họ đã dựng lại hàng loạt tượng đá với công nghệ rất cao. Bằng ngôn ngữ là các pho tượng, họ muốn đánh dấu tọa độ đổ bộ và muốn thông tin với người trái đất về sức mạnh của họ. Nhưng đã 6.000 năm trôi qua, tại sao chủ nhân của những pho tượng này không một lần quay lại? Bí ẩn của 1.000 pho tượng đá trên đảo Phục Sinh vẫn chưa có lời giải.

Bí ẩn của hiện tượng đa phu

Quan sát thế giới loài vật, ông tổ của thuyết tiến hóa Darwin cho rằng con cái thường nhút nhát, ít thích giao phối hơn con đực và chỉ chọn một con đực nào nổi bật nhất. Từ học thuyết này, Darwin đã suy ra phụ nữ cũng có thái độ ửng xử như vậy. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu gần đây lại nhìn nhận khác.

Trên một số của tạp chí khoa học *Proceeding of Royal Society*, nhà tâm lý học - sinh học Steven Gangestad, Đại học New Mexico (Mỹ), đã giới thiệu một công trình nghiên cứu bằng phương pháp vấn đáp và xét nghiệm hormone đối với 51 phụ nữ. Ông rút ra kết luận: trong chu kỳ rụng trứng, phụ nữ có khuynh hướng bị những người đàn ông khác thu hút hơn chồng mình, và đôi lúc sẵn sàng ngoại tình. Tuy chỉ một số ít phụ nữ được Steven Gangestad khảo sát, nhưng kết luận này lại được nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận, vì nó phù hợp với nhiều phỏng đoán lâu nay. Giáo sư sinh học nổi tiếng Jared Diamond, Đại học Y khoa Los Angeles (Mỹ), đã từng đưa ra một nhận định tương tự.

Một cuộc khảo sát khác đã được các nhà xã hội học Mỹ thực hiện trong các vũ trường cho thấy, trong thời kỳ

mang thai, phụ nữ thường thích ăn mặc hở hang hơn bình thường. Một nghiên cứu tiếp theo về phụ nữ thuộc bộ tộc du mục Bushman sống trong sa mạc Kalahari ở miền nam châu Phi kết luận: trong thời kỳ rụng trứng, bản năng tình dục của phụ nữ gia tăng, vì vậy họ sẵn lòng ban phát tình dục thoải mái cho chồng cũng như nhiều người đàn ông khác. Trước đó, một công trình nghiên cứu ở Anh chứng minh rằng, phụ nữ đồng tính luyến ái vẫn cảm thấy "sung" hơn trong thời kỳ rụng trứng.

Hàng ngàn năm nay, nam giới thường dùng mọi biện pháp kiểm soát khả năng sinh sản và bản năng tình dục của phụ nữ. Dù vậy, xu hướng ngoại tình theo chu kỳ kinh nguyệt vẫn tồn tại vì xét về di truyền học, xu hướng này là di sản còn sót lại của lịch sử tiến hóa. Đến giữa thế kỷ 20, các công trình nghiên cứu di truyền học vẫn tiếp tục củng cố học thuyết của Darwin. Qua nghiên cứu trên ruồi giấm, các nhà khoa học kết luận: con đực cải thiện giống nòi bằng cách giao phối với con cái càng nhiều càng tốt. Trong khi đó, con cái không bao giờ lại hành động buông tuồng như vậy. Nhà sinh học Angus John Bateman dùng phương pháp loại suy từ loài vật sang loài người và kết luận: con đực càng "háo sắc" bao nhiêu thì con cái càng thụ động bấy nhiêu. Theo Bateman, con đực rất dễ sản xuất tinh dịch nên càng phung phí tinh dịch bao nhiêu càng có nhiều con cháu bấy nhiêu, trong khi con cái sản xuất ít trứng hơn, do đó rất chăm chút tìm kiếm con đực thích hợp mới cho trứng.

Tuy nhiên, hiện nay luận thuyết của Bateman đang bị nhiều nhà nghiên cứu về sinh học phản bác. Thậm chí họ còn yêu cầu xem xét lại học thuyết chọn lọc giới tính của Darwin. Nhà nhân chủng học và nghiên cứu linh trưởng học Sarah Blaffer Hrdy thuộc Đại học California-Davis (Mỹ) đã nhận xét: trong thời kỳ có thể thụ thai, khỉ đực cái chỉ chờ khỉ đực đầu đàn xoay lưng đi sẽ giao phối ngay với con đực trẻ trung khác. Trong thập niên 1980, Hrdy là một trong những người đầu tiên bác bỏ hình mẫu con cái luôn thụ động trong quan hệ giới tính của Darwin qua nhiều bằng chứng: khỉ langur cái háo hức đi bắt cặp với nhiều khỉ đực, hoặc khỉ cái dù mang thai vẫn tranh nhau giao phối với con đực vừa tranh cướp được ngôi vị đầu đàn. Theo bà, khỉ cái làm thế để che giấu gốc tích cha ruột của khỉ con, vì nạn sát hại con rất phổ biến trong thế giới loài khỉ.

... Vào thời bấy giờ, cộng đồng khoa học rất hoài nghi luận điểm của Sarah Blaffer Hrdy, khi bà bác bỏ quan niệm con cái luôn thụ động trong quan hệ giới tính. Nhưng sau đó, nhiều nghiên cứu khác cũng đưa ra kết luận rằng, con cái có "máu đa tình" không khác gì con đực đa thê.

Lâu nay, các nhà khoa học cứ nghĩ chỉ có con đực mới đánh nhau vì "bạn gái". Nhưng Jakob Bro-Jorgensen, Hội Động vật học London (Anh), đã quan sát thấy trong quần thể linh dương Tây Phi, con đực thường tập trung vào

một khu vực trong mùa giao phối, và chờ các con cái đánh nhau chí tử giành lấy con đực nổi trội nhất.

Đối với một số loài vật, khả năng duy trì nòi giống phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tìm kiếm nhiều bạn tình của con cái. Ở loài khỉ, con cái càng tìm kiếm được nhiều bạn tình, thì thế hệ con của nó càng được “bảo hiểm” tốt hơn. Ngoài ra, do chúng sống theo chế độ tỳ thiếp của khỉ đực, nên ngoại tình sẽ giúp chúng tránh khỏi hiện tượng đồng huyết.

John Hoogland ở Đại học Maryland (Mỹ) đã chứng minh rằng chó cái giống *Cynomys gunnisoni* sẵn sàng giao phối với nhiều con đực. Ngoài mục đích sinh sản nhiều hơn, chúng còn muốn con sinh ra có sức khỏe tốt hơn so với của những con cái chỉ giao phối với một con đực duy nhất. Một nghiên cứu mới đây của Đại học Leeds (Anh) trên loài dế *Gryllus bimaculatus* cũng cho thấy, chất lượng tinh trùng quyết định đến sức khỏe của đời con: Người ta đã cho nhóm dế cái thứ nhất giao phối với một con đực anh em và nhóm thứ hai giao phối một con đực khác không cùng dòng họ. Kết quả là, nhóm thứ hai sinh con mạnh khỏe hơn. Các công trình nghiên cứu trên thằn lằn sa mạc *Lacerta agilis* và rắn viper mõm tròn *Vipera berus* cũng cho ra kết luận tương tự.

“Sở dĩ con cái ngoại tình là để chúng có cơ hội tìm được một con đực tương thích với chúng về mặt di truyền”, Jeanne và David Zeh, thuộc Đại học Nevada (Mỹ), suy đoán. Để khẳng định giả thuyết này, họ cho nhện bọ cạp

cái giống *Cordylocheres scorpoides* giao phối hai lần với một con đực hoặc một lần với hai con đực khác nhau. Theo cách này, mọi con cái đều nhận được một lượng tinh dịch như nhau, nhưng con cái nào giao phối với nhiều con đực hơn sẽ có tỷ lệ nhện con sống sót đến giai đoạn trưởng thành cao hơn.

Đương nhiên, các kết quả nghiên cứu trên loài vật không thể sử dụng để bắc cầu sang loài người. Nhưng một nghiên cứu gần đây cũng ghi nhận: phụ nữ có khả năng ngửi mùi và biết được người đàn ông nào có hệ miễn dịch thích hợp với mình.

Trong tác phẩm *Lý thuyết và thực tế của vai trò người cha tại Nam Mỹ* (*The theory and practice of partible paternity in Lowland South America*), hai nhà nhân chủng học Stephen Beckerman ở Đại học bang Pennsylvania (Mỹ) và Paul Valentine ở Đại học London (Anh) đã đúc kết 20 năm nghiên cứu của họ bằng hình ảnh sau: “Một đứa bé chào đời. Người mẹ công khai nêu tên một hoặc nhiều người đàn ông mà bà đã quan hệ tình dục. Nếu người đàn ông nào chịu trách nhiệm làm cha, dân làng sẽ đồng ý cho người ấy chăm sóc bà mẹ và cháu bé”.

Theo công trình nghiên cứu này, trong một số bộ tộc Nam Mỹ, người mẹ muốn bảo vệ con cái khỏi đói kém hoặc mồ côi đã hợp thức hóa vai trò của người tình như người cha thứ hai trong gia đình. Họ tự do làm điều ấy vì theo một truyền thuyết rất phổ biến ở khu vực Mỹ Latinh, bào thai do tinh trùng của nhiều người đàn ông tạo

thành. Trẻ em thuộc các bộ tộc Bari ở Venezuela hoặc Ache ở Paraguay được nhiều người cha cùng chăm sóc nên tỷ lệ sống sót cao hơn những đứa trẻ sống với một người cha duy nhất. Theo kết quả khảo sát của nhà nhân chủng học Kim Hill, 63% trẻ em thuộc bộ tộc Ache đều có một hoặc hai người cha phụ. Còn trong bộ tộc Bari, Stephen Beckerman đã ghi nhận 80% trong số 194 trẻ được nghiên cứu có nhiều cha phụ sẽ sống tối thiểu 15 tuổi, trong khi chỉ có 64% trong 628 trẻ có một người cha duy nhất sống đến lứa tuổi này.

Tùy theo vị trí của người phụ nữ trong bộ tộc, họ có quyền lựa chọn thêm người cha cho con cái. Trong bộ tộc Curripaco ở Colombia, nam giới giữ cương vị chủ gia đình. Con cái ra đời mà không chắc chắn mang dòng máu của người cha trong nhà sẽ bị ngược đãi và thường chết sớm. Ngược lại, trong bộ tộc Canela, dân chúng lại nghĩ rằng làm cho phụ nữ mang thai là nhiệm vụ hết sức quan trọng và khó khăn mà một người đàn ông duy nhất khó đảm đương nổi. Tập tục phải có nhiều người đàn ông giúp một phụ nữ mang thai cũng phổ biến ở châu Phi. Đối với người phụ nữ khó khăn, một người cha không thể giúp nuôi nổi gia đình, hai người cha sẽ là điều kiện đảm bảo hơn và ba người cha gần như chắc chắn sẽ mang lại cuộc sống ấm no cho những đứa con.

Mô hình gia đình đa phu như vậy không chỉ tồn tại trong các bộ tộc lạc hậu, mà còn phổ biến trong những tầng lớp nghèo khó trong xã hội văn minh và đã xuất

hiện từ xa xưa. Một số bà mẹ trong vùng đô thị châu Phi, các khu phố nghèo ở Nam Mỹ hoặc Bắc Mỹ sẵn sàng quan hệ tình dục với nhiều người để đảm bảo cuộc sống sung túc hơn. Nhà di truyền học Bryan Sykes ở Đại học Oxford đã sử dụng phương pháp phân tích di truyền và phát hiện 50% thành viên trong dòng họ của ông không mang gene đặc thù của dòng họ. Trong vòng 700 năm qua, cứ mỗi thế hệ lại có 1,3% trẻ em chào đời trong dòng họ Sykes là con ngoại hôn. Một báo cáo của Hiệp hội Ngân hàng Máu ở Mỹ ghi nhận, trong năm 1999, đã có 250.000 ca xét nghiệm ADN tìm quan hệ cha con được thực hiện ở Mỹ. Trong số này có 28% trường hợp không phải là cha ruột. Ở Thụy Điển, tỷ lệ ngoại hôn dao động từ 1-10%. Ở Anh, tỷ lệ này là 5,9%.

Vũ trụ luôn chống lại chúng ta

Sợ đi làm muộn, bạn vội vàng lục ngăn kéo nhưng không kiếm được hai chiếc tất cùng đôi. Trong nhà bếp, lát bánh mì trượt khỏi đĩa xuống sàn - đáng buồn nhất là mặt phết bơ úp xuống đất...

Đó chỉ là ngẫu nhiên hay đó là cách vận hành của vũ trụ? Có thể ngạc nhiên nhưng bạn cần làm quen với một sự thật không vui là, vũ trụ luôn chống lại con người. Quan niệm này đã được biết từ lâu, thậm chí có hẳn tên gọi là Định luật Murphy: *Nếu một việc có thể diễn tiến xấu, nó sẽ diễn tiến đúng như thế.* Ở một số nước phương Đông, cũng thấy quan niệm tương tự, dù cách diễn giải hơi khác: *phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí.*

Trong khi hầu hết mọi người thừa nhận quy luật này thì giới khoa học thường xem đó là kết quả của "ký ức chọn lọc", do những sự việc đáng buồn luôn ăn sâu trong tâm trí. Tuy nhiên, một số nhà khoa học, như Robert Matthews của Đại học Aston tại Birmingham (Anh), đã dùng kiến thức của nhiều ngành khoa học để khám phá và nhận thấy, nhiều ví dụ nổi tiếng của định luật Murphy là có cơ sở.

Định luật Murphy xuất hiện năm 1949, có nguồn gốc từ một nghiên cứu của không quân Mỹ về tác động của quá

trình giảm tốc nhanh đối với các phi công lái máy bay phản lực. Người tình nguyện bị buộc trong xe trượt tuyết gắn động cơ phản lực, và phản ứng của họ khi xe dừng đột ngột sẽ được ghi lại nhờ hệ thống điện cực gắn khít vào bộ ghế ngồi do đại úy Edward A. Murphy thiết kế. Tuy nhiên, Murphy đã không ghi được số liệu nào sau một thử nghiệm tưởng chừng không có sai sót. Thì ra, một điện cực bị mắc sai. Sai lầm hy hữu này khiến Murphy phải thốt lên: *"Nếu trong nhiều cách có một cách sai - sẽ có người thực hiện cách sai đó"*. Tại một cuộc họp báo, quan sát của Murphy được các kỹ sư dự án trình bày như một giả thuyết làm việc tuyệt vời trong các kỹ thuật đòi hỏi sự an toàn cao nhất.

Nhưng không phải đến Murphy người ta mới nhận ra tính bướng bỉnh của các sự biến. Nhiều phiên bản của định luật đã có từ những thế kỷ trước. Chẳng hạn, nó được nhà thơ Scotland Robert Burns phát biểu từ năm 1786: *"Tôi chưa từng có một mẩu bánh/Đủ dài và đủ lớn/Nhưng khi rơi xuống nền cát/Mặt phết bơ luôn rơi xuống trước"*.

Năm 1994, xuất hiện một thông báo về hiện tượng sách rơi từ trên bàn xuống đất. Một bạn đọc tuyên bố cuốn sách nằm ngửa trên bàn khi bị trượt và rơi xuống đất sẽ luôn bị úp sấp, và thắc mắc, hiện tượng đó có gì chung với lát bánh mì phết bơ không.

Phản ứng ban đầu của giới khoa học là, khả năng sách rơi sấp hay ngửa đều như nhau và bạn không thể lặp lại

nhiều thí nghiệm để rút ra một quy luật. Tuy nhiên, người ta nhanh chóng nhận ra rằng, hiện tượng sách rơi khác xa sự ngẫu nhiên. Kết luận cuối cùng được đưa ra là, tốc độ quay của cuốn sách quá nhỏ để nó có thể quay tròn một vòng - điều kiện để nó có thể nằm ngửa như khi trên mặt bàn. Đó là do lực xoắn của trường hấp dẫn trái đất tác động lên các vật như sách, lát bánh mì... khá nhỏ, nên tốc độ quay không đủ nhanh.

Những nghiên cứu của Matthews cho thấy có một mối liên hệ sâu xa giữa "hành động" của lát bánh mì và các hằng số cơ bản của vũ trụ. Rõ ràng là mặt phết bơ của lát bánh mì sẽ không úp xuống đất nếu chiếc bàn đủ cao (để lát bánh quay tròn một vòng). Nhưng tại sao bàn không đủ cao? Vì nó phải phù hợp với chiều cao con người. Vậy tại sao chúng ta lại có chiều cao đang có? Giáo sư vật lý thiên văn William H. Press của Đại học Harvard chỉ ra rằng, chúng ta là loài động vật có xương sống đứng bằng hai chân nên rất dễ ngã. Nếu quá cao, chúng ta sẽ bị chấn thương sọ não mỗi khi ngã. Và loài người sẽ diệt vong vì một nguyên nhân khá tầm thường là bị ngã! Để tránh thảm họa tuyệt chủng đó, chúng ta không được cao quá một giới hạn nào đó, và giới hạn chiều cao con người được quy định bằng độ lớn tương đối giữa các liên kết hóa học và vật lý của hộp sọ đối với lực hấp dẫn của trái đất.

Đến lượt mình, các liên kết của hộp sọ lại là kết quả của các hằng số cơ bản khác, chẳng hạn điện tích của điện tử. Mà giá trị của mười mấy hằng số cơ bản trong vũ trụ thì

được cố định tại thời điểm vũ trụ bùng nổ (Big Bang) 15 tỉ năm trước. Từ các giá trị đó, Matthews tính được rằng, chiều cao cực đại của con người chỉ vào khoảng 3 mét, thấp hơn nhiều giá trị cần thiết để mặt phết bơ của lát bánh mì không úp xuống đất. Nói một cách khoa học, mặt bánh mì phết bơ úp xuống đất phù hợp với quy luật của vũ trụ.

Kết luận trên được đăng trên Tạp chí Vật lý châu Âu và thu hút sự chú ý đặc biệt của công chúng.

Người ta đề nghị Matthews giải thích các ví dụ khác của định luật Murphy: Tại sao thời tiết thường xấu vào ngày nghỉ, còn ô tô thường hỏng trên đường tới một cuộc họp quan trọng? Trong khi mau chóng chỉ ra rằng, đó chỉ là kết quả của "kỳ ức chọn lọc", Matthews cũng thấy nhiều trường hợp khẳng định hiệu lực của định luật Murphy.

Ví dụ điển hình là Quy luật Bản đồ: "Nếu địa điểm bạn tìm có thể nằm ở những vị trí không thuận lợi trên bản đồ, nó sẽ nằm ở đó". Căn nguyên của quy luật là sự kết hợp lý thú giữa xác suất và ảo giác quang học. Hãy giả định bản đồ hình vuông, khi đó "vùng Murphy" gồm các phần nằm ở rìa và phía dưới bản đồ, nơi hệ thống đường sá dẫn tới chúng phần lớn là bất tiện.

Hình học trực quan cho thấy, nếu độ rộng vùng Murphy chỉ bằng 1/10 độ rộng tấm bản đồ thì nó đã

chiếm hơn phân nửa diện tích cả bản đồ. Như vậy, một điểm bất kỳ cũng có xác suất rơi vào vùng Murphy lớn hơn 50%. Ngoài ra là ảo giác quang học: cho dù vùng Murphy khá hẹp, ranh giới của nó được kẻ trên phần lớn tấm bản đồ, khiến ta tưởng nó chiếm một diện tích lớn.

Một ví dụ khác là Quy luật Xếp hàng: "*Hàng bên cạnh thường kết thúc trước*". Tất nhiên nếu bạn xếp sau một gia đình đông người đi mua sắm đồ cuối năm, sẽ chẳng ngạc nhiên nếu các hàng khác kết thúc trước. Nhưng nếu bạn đứng ở một hàng cùng độ dài và thành phần như các hàng khác thì sao? Bạn có thoát khỏi sức ám ảnh kỳ lạ của Quy luật Murphy hay không?

Rất tiếc là không. Lấy trung bình thì mọi hàng đều kết thúc như nhau, nhưng các sự biến ngẫu nhiên luôn có thể xảy ra: máy tính tiền hỏng, người thu ngân bấm nhầm, vị khách hàng muốn kiểm tra hóa đơn... Nhưng khi xếp hàng trong siêu thị, ta không quan tâm tới các giá trị trung bình, ta chỉ muốn kết thúc sớm. Và xác suất chọn đúng hàng để xếp là $1/N$, với N là tổng số hàng trong siêu thị.

Trong trường hợp này, thậm chí chỉ so sánh với hai hàng kế bên, cơ may của ta cũng chỉ là một phần ba. Nói cách khác, ta thường thua vì trong hai phần ba trường hợp, ta chọn phải hàng sai!

Xác suất và lý thuyết tổ hợp giữ vai trò chìa khóa trong một quy luật Murphy khác: "*Nếu tất có thể không cùng đôi, nó sẽ không cùng đôi*". Nếu ban đầu bạn có 10 đôi tất, sau

một thời gian bạn mất một nửa, thì khả năng bạn có một ngăn kéo toàn tất cộc cạch nhiều gấp bốn lần khả năng bạn có hai chiếc cùng đôi. Chính vì vậy, khó tìm được một đôi tất hoàn chỉnh trong lúc vội đi làm là lẽ đương nhiên.

Lý thuyết xác suất cũng giải thích được Quy luật mang ô: “*Mang ô khi có dự báo mưa khiến mưa ít xảy ra*”. Với khả năng dự báo thời tiết đạt tới độ chính xác 80%, dường như việc mang ô theo lời khuyên của nha khí tượng sẽ đúng bốn trong số 5 trường hợp. Thế nhưng, lập luận có vẻ chính xác này lại tỏ ra không thích hợp với vùng hiếm mưa. Ở những nơi đó, 80% các dự báo mưa lại có kết quả là trời không mưa. Vì thế mà có chuyện vui về bà vợ vị giám đốc nha khí tượng với chiếc áo mưa luôn luôn mới (vì chẳng khi nào dùng): bà mang áo mưa khi chồng báo mưa (mà trời lại nắng) và để áo mưa ở nhà mỗi khi trời mưa!

Để quyết định có mang ô hay không, cần tính đến xác suất có mưa trong khoảng thời gian bạn đi đường (chẳng hạn 1 giờ đồng hồ). Nó có giá trị đủ nhỏ trên toàn thế giới. Ví dụ xác suất mưa là 0,1 có nghĩa là khả năng bạn không mắc mưa lớn gấp 10 lần khả năng mắc mưa. Trong trường hợp ấy, lý thuyết xác suất chỉ ra rằng, ngay cả tỷ lệ dự báo mưa chính xác tới 80%, thì khả năng mắc sai lầm của dự báo cũng nhiều gấp hai lần khả năng không mắc, khiến việc mang ô của bạn trở nên vô ích. Bản chất của vấn đề nằm ở chỗ, khả năng dự báo cao cũng chưa đủ để tiên lượng các sự biến ít xảy ra.

Đại úy Murphy có thể không hài lòng vì xu hướng tầm thường hóa các nguyên lý rất có giá trị của ông trong các kỹ thuật đòi hỏi sự an toàn tối cao. Tuy nhiên, nhiều nhà khoa học cho rằng, các phiên bản “bình dân” của quy luật này không hề thiếu sức sống và tiện ích. Bài học quan trọng nhất từ Định luật Murphy là các hiện tượng tầm thường chưa chắc đã có cách giải thích tầm thường.

Tảng đá biết đi

Trên trái đất có những tảng đá bỗng nhiên tự di chuyển khỏi chỗ chúng đã nằm từ lâu. Ví dụ ở bang California (Mỹ), những tảng đá nặng hàng nửa tấn đã thực hiện được những cuộc “đạo chơi” tại đây hồ cạn Racetrack mà không cần bất kỳ sự trợ giúp nào.

Hồ cạn Racetrack nằm trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên ở Thung lũng Chết, California. Đây là một trong những nơi nóng nhất trên trái đất. Vào năm 1917, nhiệt độ lên tới 50 độ C trong suốt 43 ngày. Các tảng đá di chuyển



Có phải trong mỗi tảng đá đều có linh hồn của một dạng sống khác?

chậm chạp, đôi khi theo đường zic-zắc, vượt qua hàng chục mét, để lại dấu vết rõ rệt trên nền cát. Chúng không lăn, không quay, mà “trườn” trên bề mặt như có lực vô hình kéo đi. Các nhà khoa học đã nhiều lần tìm cách ghi nhận sự di chuyển của chúng, nhưng không thành công: Người ta không sao chụp được thời điểm mà các tảng đá “du ngoạn”. Song chỉ cần những người quan sát tránh xa một chút, là chúng lại bắt đầu dịch chuyển - đôi khi đến nửa mét mỗi giờ. Các nhà khoa học đã theo dõi suốt ngày đêm quanh khu vực, nhưng không nhận ra bất cứ ai hoặc cái gì đã trợ giúp chúng.

Điều kỳ lạ với các tảng đá không chỉ xảy ra ở Mỹ. Cách làng Gorodishe (gần Pereslavl-Zalessky, Nga) không xa có tảng đá Sin. Theo truyền thuyết, trong tảng đá này có vị thần ước mơ và mong muốn. Vào đầu thế kỷ 17, nhà thờ địa phương tuyên chiến với đạo đa thần. Linh mục Anufri, phó tế của nhà thờ, đã cho đào một hố lớn để ném tảng đá Sin xuống đó. Nhưng vài năm sau, tảng đá lại bí hiểm nổi lên. 150 năm sau, chính quyền và nhà thờ ở Pereslavl quyết định đặt tảng đá thần bí dưới đáy móng của tháp chuông địa phương. Người ta đặt tảng đá lên xe trượt và kéo nó trên mặt băng của hồ Plesheev. Băng bị vỡ và tảng đá chìm xuống độ sâu 5 mét. Nhưng chẳng bao lâu, những người đánh cá bắt đầu nhận thấy tảng đá đã thay đổi vị trí. Nó từ từ di chuyển ở đáy hồ. Và 40 năm sau, nó đã bò lên đến bờ ở chân núi Iarilin rồi nằm ở đó cho đến tận bây giờ.

Ở vùng viễn đông của Nga, cách hồ Bolon không xa, có

một tảng đá nặng nửa tấn, dạng gần như tròn. Nó được dân địa phương gọi là tảng đá chết. Tuy vậy nó cũng thích “đi du lịch”. Bình thường nó nằm yên một chỗ trong vài tháng, nhưng có khi nó lại đột ngột di chuyển.

Nhưng tảng đá bí hiểm nhất có lẽ là ở vùng Tây Tạng, gần một Phật viện lâu đời. Nó không chỉ đơn giản “đi” được, mà còn nhẹ nhàng “leo” được lên núi. Vì tảng đá này nặng 1.100kg, nên khả năng “leo núi” của nó kể ra như vậy thì thật là kỳ diệu. Hành trình lên đỉnh núi của tảng đá đã kéo dài hơn 1.000 năm nay. Nó di chuyển theo một tuyến xác định: Ban đầu, nó “leo” lên độ cao nhất định, rồi bò xuống. Cuối cùng, nó di chuyển theo vòng tròn. Thời gian lên và xuống núi của nó kéo dài chừng 15 năm. Thời gian đi theo vòng tròn, 60km, mất 50 năm. Tảng đá này có tuổi khoảng 50 triệu năm.

Trong hàng chục năm các nhà khoa học đã tìm cách giải thích điều bí ẩn xung quanh những tảng đá. Người ta đưa ra nhiều giả thuyết, trong đó có không ít thứ huyền bí. Một số nhà nghiên cứu cho rằng các tảng đá chuyển động là đại diện của một dạng sống khác. Họ quan niệm cuộc sống hoàn toàn có thể được hình thành từ silic (phần chính của đá). Thêm vào đó, truyền thuyết về các “tảng đá sống” xuất hiện không phải ngẫu nhiên: Những người trồng lúa mì ở Bắc Âu và vùng Baltic cho đến nay vẫn tin một cách nghiêm túc là các tảng đá không chỉ có khả năng di chuyển, mà còn mọc lên được, vì chúng thường xuyên xuất hiện trên các cánh đồng đã dọn sạch.

Cũng có những cách giải thích khoa học hơn về hiện tượng đá lang thang. Một số nhà khoa học cho rằng đó là do ảnh hưởng của địa từ, vì đa số các tảng đá lang thang thường "cư ngụ" ở những nơi có sự bất ổn địa từ mạnh nhất. Tuy nhiên, người ta không hiểu được trường địa từ đã phải lớn thế nào mới chống lại được trường hấp dẫn để bê nguyên những tảng đá đồ sộ từ chỗ này sang chỗ khác.

Một giả thuyết khác cho rằng, sự di chuyển của các tảng đá là do ảnh hưởng của mưa và gió. Các nhà nghiên cứu khẳng định rằng sở dĩ các tảng đá di chuyển được là do chúng trượt trên nền đất sét khi bị những cơn gió đẩy. Tuy nhiên, trong trường hợp các tảng đá ở Thung lũng Chết, giả thuyết này tỏ ra bất lực. Thứ nhất, ở đó rất hiếm có mưa. Thứ hai, những vết mà các tảng đá để lại thường ngược với hướng gió thổi.

Năm 1995, một nhóm các nhà địa chất ở bang Massachusetts (Mỹ) sau những cuộc nghiên cứu kéo dài tại Thung lũng Chết đã đưa ra một giả thuyết khác. Theo đó, điều kiện chính để tảng đá di chuyển được là lực ma sát giảm đột ngột. Ở Thung lũng Chết thường có sự chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm rất cao, dẫn đến sự hình thành, tích tụ nước: Các giọt nước ban đêm đọng lên bề mặt đá và biến thành băng. Bề mặt băng rất trơn, vì thế các cơn gió giạt mạnh có thể làm các tảng đá bứt ra khỏi chỗ nằm và di chuyển.

Dấu chân kỳ quặc

Có lẽ bạn đã nghe về chủng người Australopithecus sống cách đây 4 triệu năm, chỉ có chiều cao trung bình từ 1 đến 1,5 mét, và nặng từ 20 đến 50kg. Nhưng thật khó tin rằng, có những dấu chân người sống cách đây... vài trăm triệu năm.

Một trong những bí ẩn lớn nhất là những dấu chân không rõ lai lịch nằm rải rác trên khắp thế giới. Tại cao nguyên Laetoli (Tanzania), còn những dấu chân rất đặc biệt in rõ trên bùn hoá thạch cách đây hơn 3 triệu năm. Đó là hai loại dấu chân, một của một em bé, và một của



Dấu chân người ở Tanzania, niên đại hơn 3 triệu năm.

người lớn. Tro núi lửa và bùn khô đã để lại những dấu vết rất rõ. Các nhà khoa học hoàn toàn lúng túng khi phải làm rõ lai lịch của “giống người” này, cũng như từng lúng túng khi gặp phải những dấu chân kỳ lạ ở Glen Rose (Texas, Mỹ). Theo các nhà khoa học Mỹ, đây phải là vết chân của một giống người cao đến 4 mét (theo tỷ lệ giữa chiều dài bàn chân và chiều cao cơ thể). Điều kỳ quặc nhất là chúng nằm cạnh những vết chân khủng long.

Năm 1908, các nhà khảo cổ Mỹ đã tìm ra hai loại dấu chân này và họ cho rằng chúng có niên đại 120-130 triệu năm. Một cuộc tranh cãi tương tự như bất tận đã nổ ra. Có người cho rằng, dấu chân trước của khủng long bị tro của núi lửa và sự xâm thực qua thời gian “gọt” bớt một phần, tình cờ tạo nên vết chân người. Nhiều ý kiến lại cho rằng đây chỉ là một trò đùa cợt của những kẻ rách việc, y như những vòng tròn bí ẩn trên các cánh đồng ở Anh. Nhưng những phương pháp tiên tiến của khảo cổ học dễ dàng lột mặt nạ trò lừa bịp trẻ con này, thành thử, không thể có chuyện giả mạo ở đây. Một số dấu chân ngoại cỡ cũng được tìm thấy ở Arizona (Mỹ) vào năm 1986 và 1997. Những dấu chân này đều to như dấu chân khủng long.

Nếu cần truy nguyên, người ta có thể lục lại lịch sử để thấy rằng những vết chân như thế không phải là hiếm. Thế kỷ 19, một nhà văn Mỹ trong tác phẩm *American Antiquities* đã cho biết: Gần con sông Tennessee, cách Braxton, Bắc Carolina (Mỹ), vài kilomet về phía nam, có cả “một đoàn dấu chân kỳ lạ”. Nhiều người Mỹ thời bấy

giờ chỉ cho rằng đó là cảm hứng của nhà văn. Nhưng năm 1965, các nhà khoa học đã tìm được dưới lớp bùn khô, tại đúng vị trí đó, những dấu chân ngựa, gấu, gà và dấu chân của “một giống người có 6 ngón”. Phát hiện này gây chấn động ngành khảo cổ thời ấy. Việc xác định lai lịch của người 6 ngón là không thể. Tuy nhiên, theo thống kê chưa chính thức của Viện Sử học và Khoa học Tiền sử Mỹ, đã có 122 văn bản khảo cứu về giống người kỳ lạ này.

Năm 1882, trong một buổi lao động khổ sai, những tù nhân ở Carson, Nevada (Mỹ), đã đào xới một lớp sa thạch và tìm được những dấu chân có vẻ như của voi mamút. Điều đáng nói là lần trong đó có những vết chân của người khổng lồ (theo tính toán, giống người này phải cao từ 3 đến 3,8 mét). Phải chăng đó là một cuộc săn voi thời tiền sử? Nhưng kích thước của con người thời ấy không thể quá cỡ đến vậy! Ngày 27/8/1882, một bản báo cáo chính thức được gửi lên Viện Hàn lâm Khoa học California. Một số nhà khoa học cho rằng đó không phải là dấu chân trần, mà là dấu “dép xăng đan thời thượng cổ”.

Năm 1885, tại đỉnh đồi Big ở Cumberland, Kentucky (Mỹ), một loạt dấu chân bí ẩn lại được công bố. Hiện trường là mỏ than Jackson. Các nhà khoa học thời ấy cho rằng đây là vết chân gấu, ngựa (một loài ngựa cực lớn) và của “người”. Điều phi lý là niên đại của chúng được xác định ở mức 300 triệu năm! Những vết chân có 5 ngón, và ngón cái choãi ra rất rõ.

Năm 1886, Viện Hàn lâm Khoa học Ohio trưng bày một tảng đá in rõ hai dấu chân người gần như hoàn hảo, được tìm thấy ở Parkesburg, Virginia (Mỹ), với niên đại 150 triệu năm. Đúng lúc, một phái đoàn nghiên cứu của châu Âu tình cờ sang Mỹ du lịch đã bị sự kiện này cuốn hút. Nhưng cả 17 nhà khoa học cũng chẳng tìm ra lời giải nào hợp lý.

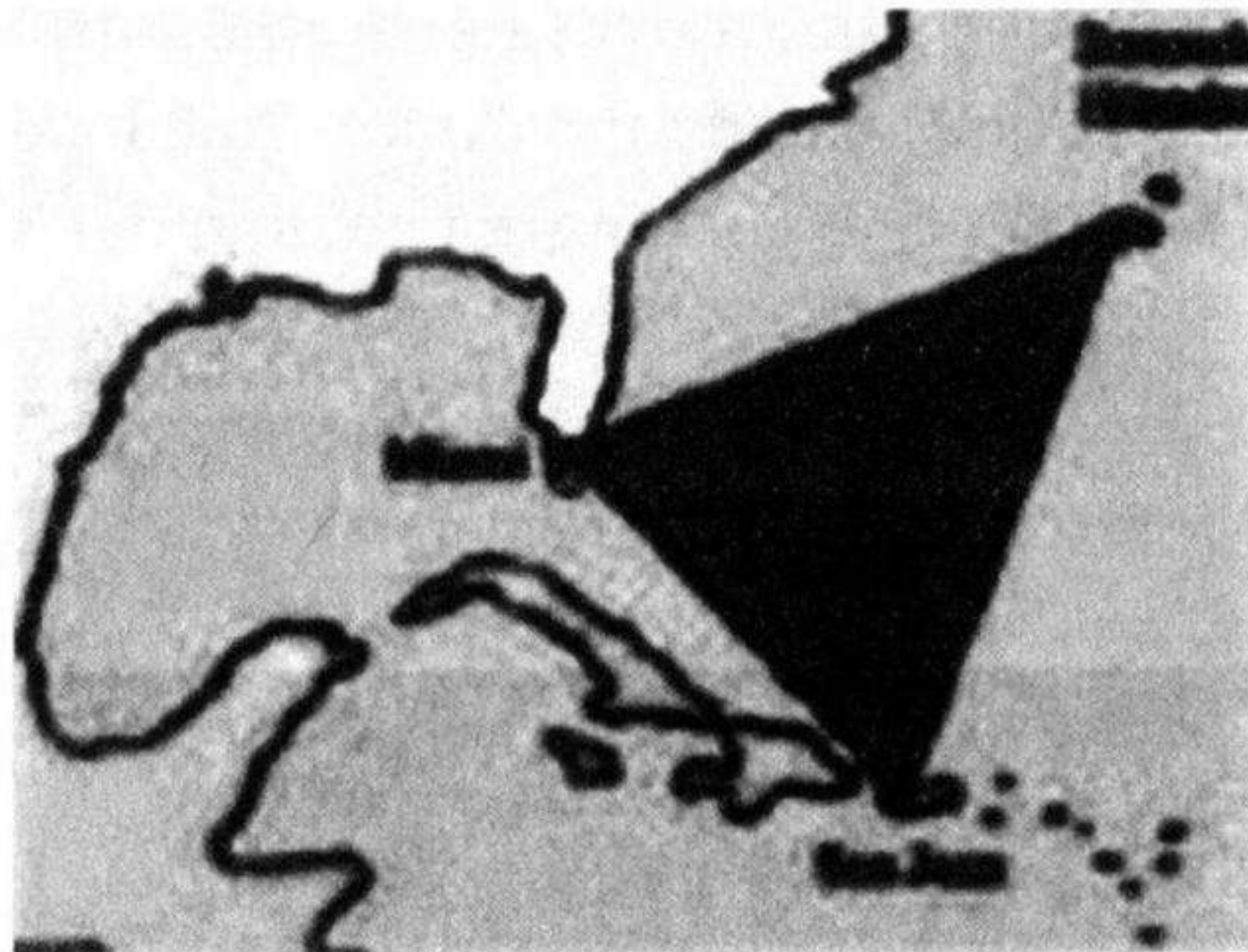
Năm 1930, dư luận tập trung vào phát hiện của giáo sư William Burrough, trưởng khoa địa chất của Đại học Borea. Ông đã tìm ra 10 dấu chân người với kích thước rộng 15cm, dài 24cm trong một lớp sa thạch ở Rockcastle. Năm 1998, ngành khảo cổ Mỹ đã xới lại vấn đề này, vì e rằng có sự lừa gạt. Tia hồng ngoại và kỹ thuật chụp vi phim cho thấy đó là vết chân thật, có niên đại 250 triệu năm.

Tuy nhiên, con số này vẫn chưa đáng sửng sốt bằng phát hiện của nhà khoáng vật học nghiệp dư William J.Meister. Năm 1968, ông đã tìm được ở Antelope Spring, Utah (Mỹ), những dấu chân người có niên đại 500 triệu năm...

Hóa giải huyền thoại tam giác quỷ Bermuda?

Nhà địa chất người Anh Alan Judd đã phát hiện một xác tàu đắm ở ngoài khơi Scotland, với những dấu hiệu của một “cái chết” bí ẩn. Nghiên cứu của ông có thể sẽ làm sáng tỏ những điều kỳ lạ về tọa độ chết Bermuda.

Này, này... lạ thật, có phải... đúng, đúng là một chiếc tàu! Nhưng quỷ thật, tại sao nó lại lặn ở đây? Nghiêng mình về phía chiếc máy định vị bằng sóng âm, Alan Judd cảm thấy bối rối. Đây không phải lần đầu tiên nhà địa chất người Anh chuyên thăm dò những mỏ dầu dưới đáy biển cho công ty Total phát hiện một xác tàu chìm. Nhưng



Tam giác quỷ Bermuda, ngoài khơi Mexico.

lần này, vị trí chiếc tàu mà ông vừa nhìn thấy trên màn hình lại nằm chính giữa một cái hố rộng đường kính khoảng 100 mét, vốn rất quen thuộc với các nhà nghiên cứu khí đốt tự nhiên.

Cái hố này thường được gọi là Witch's Hole (hố Phù Thủy) hình thành sau khi một túi khí ngậm dưới biển thoát ra đột ngột. Mỏ khí methane này nằm ngoài khơi, cách bờ biển Scotland 150km. Nhưng tại sao chiếc tàu lại chìm ngay giữa lỗ hổng ấy. Liệu nó có liên quan gì đến vụ thoát khí đột ngột nào đó không?

Giả thuyết McIver

Hiện tượng Witch's Hole thường xảy ra khi người ta khoan dầu nhưng chẳng may gặp phải túi khí. Từ bấy lâu nay, nó là nỗi lo sợ của các công ty khai thác dầu, vì đã có hơn 40 tàu thăm dò bị lật nhào do khí thoát đột ngột. Về mặt lý thuyết, có lẽ nhiều chiếc tàu đã bị nhấn chìm giữa đại dương do khí methane thoát ra theo kiểu ấy. Từ năm 1982, nhà địa chất Mỹ Richard D. McIver, một chuyên gia về dầu khí đã đề xuất giả thuyết này để giải thích những vụ mất tích bí ẩn ở vùng tam giác quỷ Bermuda, ngoài khơi Mexico. Thế nhưng từ đó đến nay vẫn chưa ai tìm được những chứng cứ xác thực.

Theo McIver, có lẽ màn kịch xảy ra như sau: Trong lúc khí methane bất ngờ thoát ra khỏi túi khí ngậm gây nên một đợt sóng dữ dội trên mặt biển, một chiếc tàu xui xẻo

nào đó đi vào giữa vùng biển hỗn độn này. Những đợt sóng ấy chẳng có gì nguy hiểm lắm. Nhưng khi khí methane thoát hết, dưới đáy biển hình thành một lỗ hồng khổng lồ. Nước sẽ dồn lại để lấp đầy chỗ trống đó, kéo theo cả con tàu. Thế là nó chìm ngấm như một tảng đá bị ném xuống nước mà không để lại bất kỳ dấu vết nào.

Judd suy nghĩ nhiều về giả thuyết này. Dù sao kịch bản của McIver cũng không vô lý. Ông đã thử nghiệm về kiểu đắm tàu này bằng mô hình thu nhỏ trong phòng thí nghiệm và được giáo sư Bruce C. Denardo, thuộc trường hải quân California, xác nhận. Trong một chậu thủy tinh chứa 4 lít nước, ông làm đắm một chiếc tàu tí hon nhờ một thiết bị giống như hệ thống thổi khí oxy trong các bể nuôi cá. Thí nghiệm này chỉ là bước đầu để chứng minh giả thuyết của McIver. Nhưng đại dương là một thế giới mở và phức tạp hơn chậu nước rất nhiều.

Định vị chiếc tàu đắm

Chiếc tàu đắm mới tìm được là cơ hội thuận lợi để Judd chứng minh nó thực sự là nạn nhân của một vụ thoát khí, và như vậy giả thuyết của McIver sẽ tìm được chỗ đứng. Năm 2000, trên chiếc Skandi Inspector rất hiện đại mượn được của công ty nghiên cứu hải dương ở Aberdeen (hải cảng lớn thuộc đông bắc Scotland), Judd và cộng sự đã định vị và tiếp cận được với xác chiếc tàu đắm.

Thoạt nhìn, vị trí của nó củng cố thêm những nghi ngờ

của ông: con tàu cắm thẳng trên nền Witch's Hole, như thể bị một đợt bọt khí khổng lồ chộp lấy kéo xuống. Hơn nữa, những hình ảnh do tàu ngầm ghi lại cho thấy nó ít bị hư hại, mạn và cầu tàu vẫn còn nguyên vẹn. Trong trường hợp va vào đá ngầm, thân tàu thường bị vỡ toác khiến nước tràn vào làm tàu chìm.

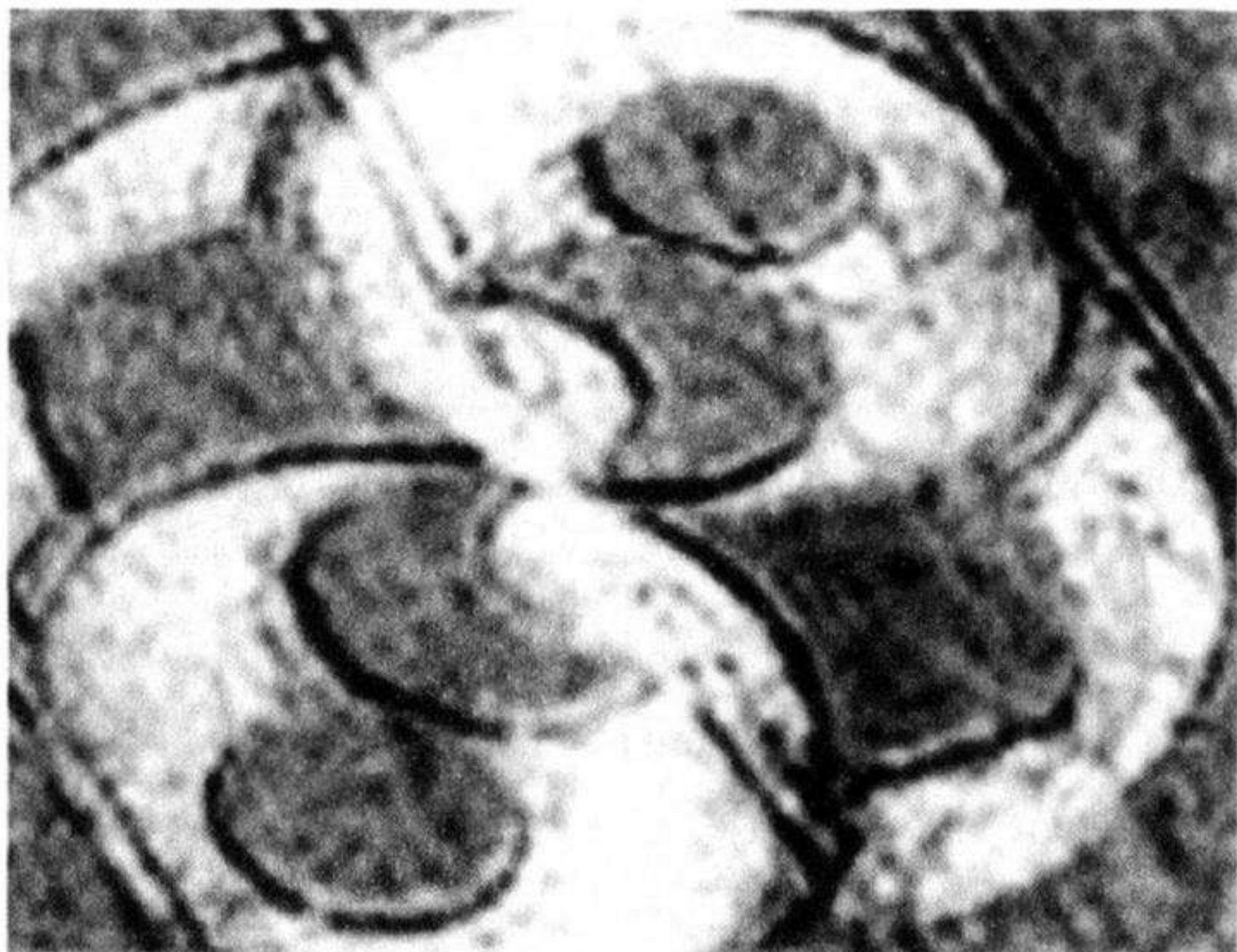
Mặt khác, đoạn phim do camera ngầm quay ở bên trong Witch's Hole cho thấy mặt biển rất mấp mô, còn những chỗ khác lại bằng phẳng. Judd nhận định sự khác biệt này là dấu hiệu cho thấy, đã xảy ra một vụ trượt đất làm cho túi khí vỡ tung. Chưa hết, Judd còn phát hiện thêm hai miệng núi lửa có kích cỡ tương tự như Witch's Hole, cách địa điểm ông khảo sát khoảng 100km về phía bắc. Những tín hiệu của máy định vị bằng sóng âm cho biết có những vật lớn nằm ở giữa. Judd chưa xác định được chúng là vật gì, nhưng ông phỏng đoán rất có thể đó cũng là những con tàu đắm.

Tuy nhiên, chỉ những luận chứng này thôi vẫn chưa đủ để xác nhận giả thuyết. Vì vậy, Judd đi tìm những bằng chứng cụ thể về vụ thoát khí, chẳng hạn dấu vết của những loại vi khuẩn đặc trưng, sinh sôi trong vùng có khí methane. Nhưng các cuộc tìm kiếm của ông vẫn vô vọng. Không có dấu vết nào của các loài vi khuẩn trong lớp trầm tích quanh xác tàu đắm. Dù vậy, Judd không đầu hàng, ông vẫn tiếp tục tìm kiếm những luận chứng khác củng cố giả thuyết của mình. Ông hy vọng sẽ làm sáng tỏ mọi điều trong tương lai không xa.

Những vòng tròn bí ẩn trên cánh đồng

Người ta gọi chúng - những hình tròn to nhỏ do lúa đổ rạp xuống mà thành - là dấu vết của đĩa bay, kết quả thử nghiệm vũ khí mới, hay thậm chí là một dạng ghi chép bí mật của vũ trụ tối cao... Nhưng thuyết phục nhất là ý kiến rằng đó chỉ là sản phẩm của các luồng gió xoáy.

Có rất nhiều kiểu hình tròn khác nhau. Đơn giản nhất là một hình tròn với các bông lúa nằm rạp xuống ở bên trong, nhưng chúng không hề bị gãy mà chỉ quăn quanh



Các vòng tròn và hoa văn cầu kỳ trên cánh đồng.

rễ. Cũng có khi vòng tròn xuất hiện ở dạng kép, các bông lúa ở vòng ngoài cũng quấn quanh rễ, nhưng lại ngược chiều với lúa ở vòng trong. Đôi khi, bao quanh vòng tròn trung tâm là một loạt các vòng nhỏ (vệ tinh), thường được nối với vòng chính bằng những “con kênh”. Trong trường hợp khác có thể thấy những vòng tròn nhỏ với những bông lúa không quấn quanh rễ, mà nằm ngả giữa vòng trung tâm với vòng lớn ngoài cùng.

Lúc đầu, người ta tưởng rằng vòng tròn kỳ lạ chỉ xuất hiện ở miền nam nước Anh. Nhưng khi báo chí bắt đầu viết về nó thì rất nhiều tin tức tương tự từ khắp nước Anh và các nước khác cũng được đăng tải. Các giả thuyết liên tục được đưa ra, từ nguyên nhân do đàn nhím hay chồn phá hoại, đến dấu vết để lại của đĩa bay; từ hậu quả của cuộc chiến giữa các đàn chim cho đến việc lúa bị lây bệnh do nấm; từ việc bón quá nhiều phân cho đến việc thử nghiệm những loại vũ khí mới.

Ngày càng có thêm nhiều thông tin, không chỉ về số lượng các vòng tròn mà còn có cả các dạng hoa văn cầu kỳ lạ mắt nữa. Trong cuốn sách best seller *Các vòng tròn nhân chứng* (*Circular Evidence*), hai kỹ sư và hiện là những nhà nghiên cứu về các hình kỳ lạ Pat Delgado và Colin Andrews đưa ra giả thuyết vòng tròn chính là một dạng ghi chép bí mật của vũ trụ tối cao. Trong khi đó, những bộ tộc da đỏ vùng Arizona thì cho rằng đó là những ký hiệu báo trước về một hiểm họa chết người đang đe dọa thế giới.

Một giả thuyết “đời thường” mà thuyết phục hơn cả, đó là của giáo sư tiến sĩ Miden, người Anh. Theo ông, trên đường đi của những cơn gió giạt, nếu có những ngọn núi nằm chắn ngang, sẽ tạo nên các xoáy khí. Kết quả là dòng không khí thẳng đứng ở phía khuất gió của ngọn núi bị xoáy thành hình tròn ốc, xiết chặt không khí bên trong và tạo nên một luồng điện khí quyển. Khi hiện tượng này xảy ra trên cánh đồng, thì luồng khí xoắn tròn ốc sẽ làm cho các bông lúa rạp xuống đất và tạo nên các vòng tròn. Cùng với việc tạo thành các luồng điện, còn xuất hiện một âm thanh gió rít chói tai ngay trước khi các vòng tròn được tạo thành.

Lý thuyết của Miden không chỉ làm sáng tỏ các quá trình vật lý của sự tạo thành các vòng tròn mà còn giải thích được những trường hợp các hình ảnh kỳ lạ này xuất hiện ngay trước mắt của người chứng kiến.

Điều này đã xảy ra vào tháng 8/1991 khi Gary và Vivienne Tomlinson sống ở Hambledon đang dạo chơi ngoài cánh đồng. Bất chợt họ được chứng kiến một cảnh tượng rất lạ ở cánh đồng lúa mì phía bên phải. Một đám sương mù che phủ và họ nghe thấy một âm thanh kỳ lạ rít lên. Tiếp đó, sau lưng họ một cơn lốc nổi lên với sức gió mạnh đến nỗi khó khăn lắm họ mới đứng vững được. Mái tóc Gary tập trung nhiều điện tích nên dựng ngược hết trên đầu. Và cũng đột nhiên gió xoáy giảm hẳn rồi biến mất. Sương mù tan đi, để lại hai người nằm ở trung tâm một vòng tròn giữa những bông lúa ngã rạp xuống.

Một nhóm nhà khoa học Nhật Bản do giáo sư Yoshihiko Ohtsuki đứng đầu đã khẳng định lại giả thuyết trên của Miden. Vào tháng 6/1991, họ thông báo đã lập được một thí nghiệm, trong đó có đặt các quả cầu nhỏ để kiểm tra sự tác động của các plasma (không khí bị ion hoá) do truyền điện từ vào không khí. Khi tiếp xúc với những chiếc đĩa phủ một lớp bột nhôm, các quả cầu này tạo nên những hình tròn giống như đã xuất hiện trên cánh đồng.

Tiến sĩ Miden còn gắn những vòng tròn kỳ lạ trên cánh đồng này với tập quán xa xưa của con người. Trong cuốn *Nữ thần đất* của mình, ông đưa ra giả thuyết cho rằng, những bức họa nổi tiếng trên các chén bát, những hoa văn rắc rối hay những đồ trang sức hình khối là tượng trưng cho những luồng gió gắn với quan niệm từ thời cổ đại về Nữ thần sinh sôi nảy lộc. Rất có thể những tập quán này xuất hiện trong cuộc sống là do con người đã nhìn thấy những vòng tròn trên cánh đồng và đã chứng kiến quá trình chúng được hình thành như thế nào.

Mỗi người chúng ta là một nhà bác học

Một cậu bé 10 tuổi, sau mấy tháng bị một quả bóng chày văng trúng đầu, đột nhiên có những năng lực mà đa số người khác và cả cậu trước đó không có? Một người khác, chỉ trong vài giây, có thể nhẩm chính xác bài toán gồm 9 con số được nhân đôi đến 24 lần? Làm sao giải thích các trường hợp kỳ diệu này, nếu không phải đó là do năng lực tiềm ẩn của con người?

Khi ra đời, Nadia hoàn toàn khỏe mạnh. Nhưng đến năm cô bé lên 2, bố mẹ em cảm thấy có điều gì đó không bình thường. Em né tránh ánh mắt người khác và tỏ ra vô cảm trước nụ cười của họ. Có vẻ như cô bé không nhận ra mẹ nữa. Từ lúc 6 tháng tuổi, Nadia đã chẳng thốt lên một âm thanh nào, thường lầm lì và lặp đi lặp lại mãi một việc nào đó, như xé giấy chẳng hạn.

Về mặt y học, đó là những dấu hiệu của bệnh tự kỷ (autism: người bệnh không có khả năng giao tiếp hoặc thiết lập quan hệ với người khác). Thế rồi, lên ba tuổi rưỡi, bỗng nhiên Nadia cầm lấy cây bút và... vẽ. Chưa từng được dạy vẽ bao giờ, nhưng cô bé phác họa theo trí nhớ hình ảnh những con ngựa đang phi nước đại mà chỉ những người lớn từng học vẽ mới có thể làm được. Không giống như cách vẽ ngựa của người lớn, cô bé bắt đầu với

những chi tiết ngẫu nhiên, trước tiên là cái móng rồi đến bờm và bộ yên cương, chẳng ăn nhập gì với nhau cả. Nhưng khi Nadia nối những điểm đó lại, người ta nhận thấy chúng nằm đúng vị trí một cách không ngờ.

Trong lịch sử, người ta ghi nhận rất nhiều trường hợp “thông thái” một cách kỳ lạ, vượt xa trường hợp của bé Nadia. Tiêu biểu nhất có lẽ là trường hợp của ông Joseph. Khi được hỏi: “Con số nào nhân lên bao nhiêu lần thì ra con số 1.234.567.890?”, ông đáp ngay tức khắc: “Đó là con số 137.174.210 nhân lên 9 lần”. Quả đúng là như vậy. Một người khác lại nhân con số 8.388.608 đến 24 lần, cho ra số 140.737.488.355.328! Những việc làm ấy thực sự vượt quá khả năng của những người bình thường như chúng ta.

Một ngày nọ, nhà báo phương Tây Douglas S. Fox đến thăm trại Acorn Outdoor Ornaments dành cho những người lớn mắc bệnh tự kỷ, được chăm sóc và huấn luyện cách sống tự lập. Một trong những người mà cô gặp là Guy. Mặc dù chưa biết sản phẩm điện tử là gì, Guy đã trang trí căn phòng của mình một cách đáng nể. Trong số những sản phẩm anh tự làm, có chiếc quạt điện gắn một con cá sấu: Mỗi khi quạt xoay từ bên này qua bên kia thì miệng con cá sấu há to rồi ngậm lại. Trên một cây quạt khác, có tượng ngư ông bằng kim loại có thể giơ cần câu lên hay hạ cần câu xuống theo chuyển động của quạt. Nhưng độc đáo nhất có lẽ là một con cừu, khi nhìn từ bên trái là một con vật có bộ lông mượt, nhưng khi nhìn từ bên phải thì đó chỉ là một bộ xương. Điều đáng nói là Guy

chưa hề biết đọc hay làm toán, nhưng lại có khả năng chế tạo một con chó vận hành bằng điện, có thể sửa, vẫy đuôi và... tè.

Một nhân vật khác mà S. Fox gặp trong trại Acorn là Tim. Anh ta đi vào phòng khách như một cơn gió bất ngờ, rồi định chạy đi, nhưng nghĩ gì đó, anh ta đứng lại hỏi ngày sinh của chị:

- Ngày 15/7/1970

- Đó là thứ tư phải không?

Anh ta đã nói đúng mà không phải suy nghĩ một giây nào, rồi sau đó chạy đi mất.

Cách đây nhiều năm, Timothy Richard, một nhà tâm lý học thuộc Đại học California ở San Diego (Mỹ), đã tiếp xúc với một người đàn ông 40 tuổi mà theo đánh giá của ông, trình độ nhận thức chỉ bằng một đứa trẻ lên 5. Anh ta mù bẩm sinh, không làm được một bài toán đơn giản nhất, không biết lịch là gì và cũng chưa từng tưởng tượng nó ra sao. Thế mà khi đưa ra bất kỳ một con số ngày tháng nào, anh ta có thể cho biết đó là ngày thứ mấy trong tuần, với độ chính xác 70%.

Trong lịch sử, những hiện tượng như Tim không phải là ít. Có những báo cáo khoa học đề cập đến một cặp song sinh có thể tính ngày trong vòng trước hay sau 40.000 năm! Đấy quả là điều làm đau đầu các nhà khoa học.

Lý giải khoa học

Để giải thích những hiện tượng “thông minh đột xuất”, nhân tố đầu tiên được nhiều người tính tới là sự rèn luyện say mê và có tính lặp đi lặp lại của các đối tượng. Tuy nhiên, yếu tố này không hề có ở một số trường hợp kỹ năng bác học xuất hiện đột ngột. Vậy thì vì sao?

Theo Robyn Young, nhà nghiên cứu về bệnh tự kỷ thuộc Đại học Flinders ở Adelaide (Australia), những người có khả năng nói đúng ngày trong lịch thường dành nhiều thời gian để nghiên cứu các loại lịch thông dụng. Việc tính nhẩm những con số trong đầu lâu ngày trở thành thói quen.

Nhưng rõ ràng, *sự rèn luyện không thể là yếu tố cơ bản tạo nên những kỹ năng bác học trong đời sống tinh thần*. Để giải thích chúng, phải vận dụng các lý thuyết của Allan Snyder, một trong những nhà khoa học chuyên nghiên cứu về hiện tượng “thông minh đột xuất” của trẻ em, nhất là những trẻ bị chứng tự kỷ. Ông nhận thấy cứ 10 trẻ loại này thì một em có kỹ năng đặc biệt. Năm 1999, trên một tờ báo khoa học, Snyder cùng cộng sự là John Mitchell lập luận rằng các kỹ năng luôn tiềm tàng về mặt sinh học trong mỗi chúng ta, chỉ chờ dịp thuận lợi là xuất đầu lộ diện.

Lý thuyết của Snyder bắt đầu với nghệ thuật, nhưng ông tin rằng kỹ năng bác học, dù là trong âm nhạc, toán học hay khoa học không gian..., đều xuất phát từ một bộ

xử lý nhanh như tia chớp trong não. Bộ phận này chia sự vật, thời gian, không gian hay một vật thể thành những phần đều nhau. Sự phân chia thời gian giúp một đứa trẻ thông minh biết rõ giờ chính xác phải thức dậy, giúp người nhạc trưởng, trong một tích tắc, phân biệt được âm thanh lạc điệu của một nhạc khí nào đó giữa một rừng nhạc khí. Sự phân chia không gian giúp bé Nadia 3 tuổi rưỡi đặt đúng vị trí những bộ phận khác nhau của con ngựa lên tờ giấy vẽ.

Trong suốt quá trình nghiên cứu, Snyder nhận thấy căn nguyên của chứng tự kỷ nằm ở sự phát triển quá sớm của não bộ. Trong ba năm đầu đời, bộ não phát triển với một tốc độ khủng khiếp. Ở trẻ tự kỷ, các tế bào thần kinh kết nối với nhau không theo một thứ tự nào, tạo ra hiện tượng bất thường, đặc biệt ở tiểu não - nơi kết hợp suy nghĩ với hành động, và khu vực các chi - nơi kết hợp kinh nghiệm với các cảm xúc đặc biệt. Sự bất thường ở những vùng này sẽ làm giảm sút mối quan tâm của đối tượng đối với môi trường xung quanh và các mối tương tác xã hội. Trẻ tự kỷ có khuynh hướng thu hẹp các lĩnh vực cần chú ý và khả năng nhận diện người khác rất yếu. Nhưng cũng chính điều này giải thích tại sao chúng lại có thể tập trung vào một hành động đơn lẻ nào đó một cách liên tục như ngồi lắc lư trên ghế xích đu hay nhìn ngắm đồng quần áo xoay tròn trong chiếc máy sấy.

Để bài bác ý kiến cho rằng kỹ năng bác học xuất hiện từ một yếu tố duy nhất là sự khổ công rèn luyện, Snyder viện

dẫn một số trường hợp kỹ năng này xuất hiện bất chợt trong đầu đối tượng. Điển hình là sự kiện cậu bé 10 tuổi Orlando Serrell bị một quả bóng chày văng trúng vào đầu, và chỉ sau vài tháng, cậu bắt đầu nhớ vanh vách vô khối biển số xe, những bài hát trữ tình và các bản dự báo thời tiết. Nhà thần kinh học Bruce Miller thuộc Đại học California ở San Francisco cũng chứng kiến những chuyển biến tương tự ở những người sa sút trí nhớ, thường gặp trong độ tuổi 50-60. Một số người này thường phát triển bất chợt kỹ năng về nghệ thuật hay âm nhạc.

Những khảo sát bằng cách chụp ảnh não cho thấy ở thùy thái dương bên trái của họ, lưu lượng máu và hoạt động chuyển hoá đều thấp. Do năng lực ngôn ngữ tập trung ở bán cầu não trái nên những người này mất dần khả năng nói, đọc và viết, kể cả khả năng nhận diện người khác. Trong khi đó, não phải của họ liên quan đến thị giác và không gian vẫn ở trong trạng thái hoàn hảo. Snyder nhận thấy có thể áp dụng một kỹ thuật gọi là “kích thích vỏ não bằng từ trường” nhằm làm rối loạn các tế bào thần kinh, có thể tác động mạnh đến cơ chế nhận thức của não ở một người bình thường, và nhất thời có thể biến anh ta thành người có kỹ năng bác học.

Gần đây, các nhà khoa học tại Đại học Adelaide đã thử áp dụng kỹ thuật này với 17 người tình nguyện. Trước tiên, họ ức chế hoạt động của hệ thần kinh trong vùng trán - thái dương là nơi phát triển ngôn ngữ và ý niệm của não. Kết quả là những người tình nguyện này thể hiện

được một số kỹ năng bác học như vẽ ngựa với cách thức khác hẳn bình thường như cách mà bé Nadia đã sắp xếp; hoặc tính toán ngày theo lịch, nhân nhiều con số với nhau...

Những nghiên cứu và thử nghiệm trên còn rời rạc, và chưa cho thấy một cách lý giải nhất quán về kỹ năng bác học kỳ lạ của một số người, nhưng điều được ghi nhận là năng lực bí ẩn này có liên quan đến một chứng bệnh nào đó ở não, điển hình là bệnh tự kỷ. Hy vọng trong tương lai, các nhà nghiên cứu sẽ soi sáng thêm những khía cạnh khác của vấn đề này, giúp giải thích nhiều bí ẩn của bộ não con người.

Bí ẩn cuốn di cảo Voynich thế kỷ 13

Cuốn sách khổ 14,6cm x 21,6cm, gồm 240 trang giấy da cừu. Nét chữ đều chẵn chắn, không tẩy xóa, kể cả các hình minh họa. Hẳn người viết đã cân nhắc rất kỹ trước khi đặt bút. Có điều, đó là một kiểu chữ chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, còn những hình vẽ thực vật và động vật lại không hề giống với những gì chúng ta thấy trên mặt đất.

Nguồn gốc của cuốn sách cũng không rõ ràng. Một tài liệu lịch sử viết năm 1665 cho hay, nó được Hoàng đế Rudolf II (1552-1612) của Bohemia mua với giá 600 đồng vàng. Tài liệu này còn cho rằng cuốn sách bí hiểm được nhà bác học và tiên tri Roger Bacon (1214-1294) viết ra, và trong đó hẳn chứa những kiến thức kỳ lạ, những lời sấm về tương lai.

Cuốn sách được viết bằng bút lông với nét chữ đều đặn, chính xác và sạch sẽ đến kỳ lạ. Ký tự thoáng nhìn như chữ Latinh, nhưng kỳ thực đó là một kiểu chữ chưa từng có trong lịch sử chữ viết nhân loại. Một số hình vẽ trông giống người và cây cỏ, nhưng lại không phải vậy.

Cuốn sách nổi tiếng này hiện được giữ như một báu vật tại Đại học Yale (Mỹ). Nó còn có tên là *Bản cảo Voynich*. Các nhà nghiên cứu ký tự cổ hàng đầu thế giới đã vất óc

để tìm ra những “điểm yếu” của văn bản. Điểm yếu ở đây được hiểu là các đoạn chữ mà những ký tự xuất hiện có quy luật. Trong kỹ thuật giải mã chữ, những điểm yếu này là chìa khóa để mở bí mật của một ngôn ngữ. Cũng bằng cách này, nhà ngôn ngữ học Mỹ Herbert Yardley đã giải được nhiều đoạn mã trong các công hàm ngoại giao mật của Nhật Bản, dù ông không giỏi tiếng Nhật. Tuy nhiên lần này, Yardley không tìm ra được những tín hiệu lặp lại thường thấy ở một ngôn ngữ trong *Bản thảo Voynich*. Theo Yardley, cái được viết trong bản thảo này có thể không phải ngôn ngữ mà chúng ta biết, hoặc nó đã được mã hóa nhiều lần một cách tài tình đến nỗi không thể lần ra được nữa.

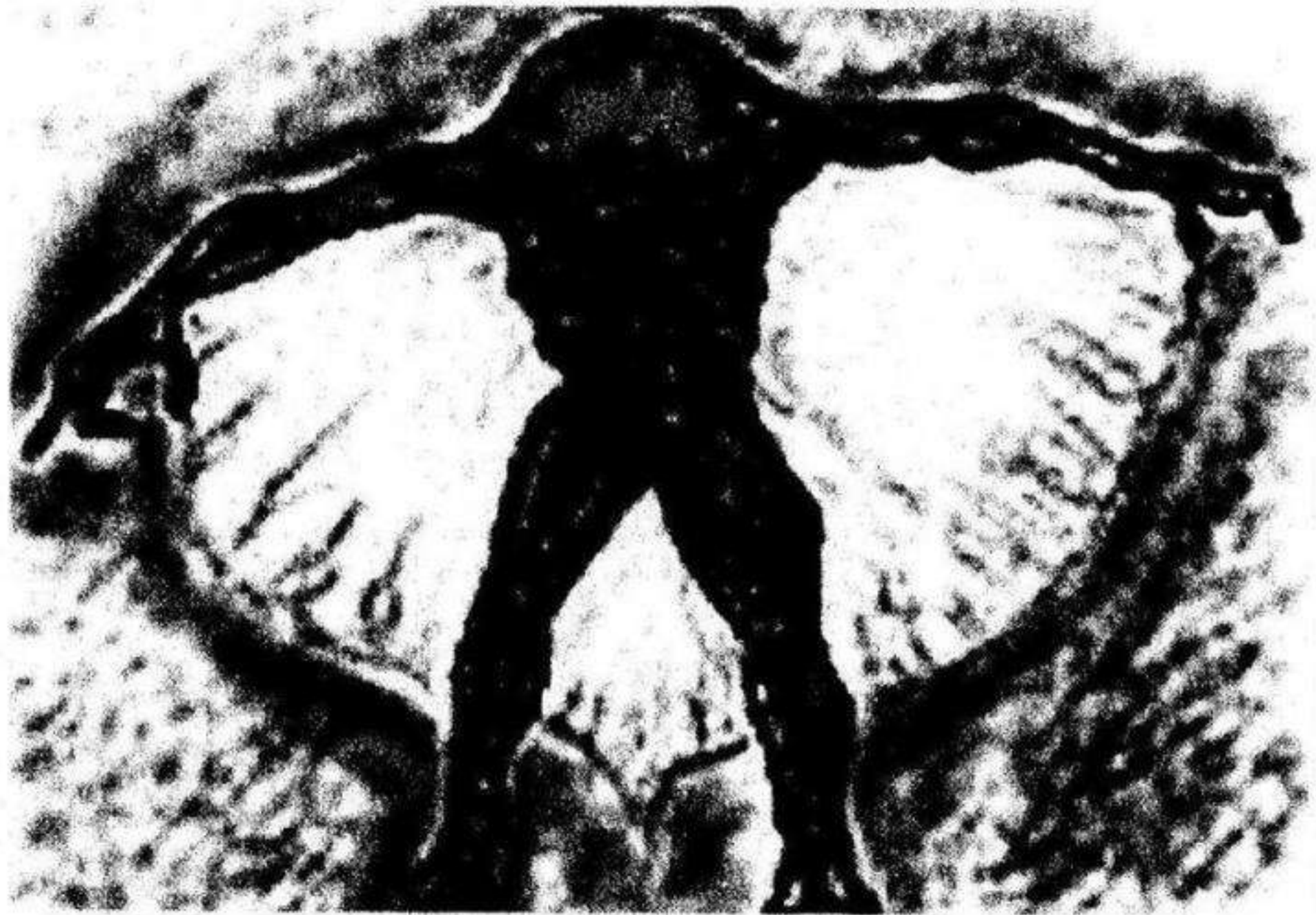
Sự việc không dừng lại ở đó. Ở trang cuối của cuốn sách, có một đoạn được viết bởi chữ của một người khác, có lẽ là một lời nhận xét. Nét chữ mờ mịt, rối rắm, hầu như không thể đọc được. Nhưng sau nhiều năm mày mò, Giáo sư William R. Newbold, Đại học California (Mỹ), tin rằng trong đó có một đoạn tiếng Latinh: *A mihi dabas multas portas*. Newbold khẳng định, nội dung cuốn sách đã được mã hóa nhiều lần. Có thể tác giả đã ghép hai hoặc ba chữ cái Latinh thành một chữ cái theo cách nào đó. Tuy nhiên, ông cũng chỉ dừng lại ở đây mà không thể giải thêm được gì nữa.

Gần đây nhất, nhà ngôn ngữ học nổi tiếng tại Đại học Yale, Giáo sư Brumbaugh, cho rằng *Bản thảo Voynich* được viết bằng một bảng mã gồm 26 ký tự. Con số này trùng lặp

với số chữ cái Latinh (liệu đây có phải là một sự ngẫu nhiên?). Có điều, mọi giải pháp Latinh hóa những ký tự này, rồi thay vào các dòng chữ viết tay trong bản thảo, đều tạo ra các đoạn chạy không theo quy luật, và có vẻ không mang một ý nghĩa gì. Brumbaugh cho rằng, có lẽ nội dung cuốn sách đã được mã hóa theo hệ ngôn ngữ khác Latinh. Đến nay, *Bản thảo Voynich* vẫn còn là một bí ẩn.

Bí ẩn về người cụt đầu

Roger Scarberry, cùng vợ và hai người bạn - Steve và Mary, sẽ không bao giờ quên được buổi tối hôm đó. Trên xa lộ 62 từ Tây Virginia đến Point Pleasant (Mỹ), giữa màn tối dày đặc, xuất hiện hai đốm tròn đỏ lừ. Khi xe chạy đến gần, họ phát hiện đó là hai tròng mắt đặt trong cổ của một sinh thể cụt đầu...



Một phác họa người cụt đầu theo lời kể của nhân chứng.

Quái vật hình người, cao khoảng 1,9 m. Nó có hai tay và một màng cánh rộng. Nó đứng thẳng trên hai chân giữa đại lộ, nhìn chăm chăm vào chiếc xe hơi đang tiến đến. Trong khoảnh khắc ấy, Roger Scarberry đã quyết định lạng một cú nguy hiểm để tránh quái vật.

Trong lúc sợ hãi, Roger nhấn ga hết cỡ để trốn chạy. Quái vật dang rộng đôi cánh và huỳnh huych đuổi theo chiếc xe, vừa đuổi vừa rú lên những tiếng đáng sợ. Lúc chiếc xe tiến vào địa phận Point Pleasant, quái vật đột nhiên lẫn mất dạng vào bóng tối bên vệ đường. Ngay đêm đó, Roger đã đến đồn cảnh sát, nhưng mọi cuộc kiểm tìm đều không đưa lại thông tin gì về “người không đầu”. Sự kiện xảy ra vào đêm 15/11/1966.

Hàng trăm nhân chứng

Trong hai năm 1966-1967, cảnh sát khu vực Point Pleasant đã được hàng trăm nhân chứng kể lại rằng họ nhìn thấy “người không đầu” nhiều lần ở xa lộ 62. Câu chuyện sau đó đã xuất hiện nhiều lần trên báo chí, gây tâm lý tò mò và sợ hãi dai dẳng. Không hiểu sao, đến năm 1967, người không đầu đột nhiên biến mất, cùng lúc với một tai họa làm sập cầu Silver-Bridge ở Point Pleasant. Phải chăng sự biến mất bí ẩn của người không đầu liên quan đến vụ việc này?

Năm 1975, nhà văn John Keel đã viết cuốn *Mothman Prophecies* (Lời tiên tri của người bướm đêm). Đó là một

trong những cuốn sách bán chạy nhất thời đó. Câu chuyện kể về sự xuất hiện của người không đầu, có đôi cánh như cánh bướm. Keel đã liên hệ sự xuất hiện của người bướm với hàng loạt sự kiện bí hiểm xảy ra ở Point Pleasant trong hai năm 1966-1967. Theo Keel, người bướm đêm - hay người không đầu - có thể là một dạng sinh thể đến từ những vật thể lạ (UFO). Ông cũng đưa ra giả định rằng, người không đầu là một sinh thể chiều không gian khác, và đã "vô tình" lọt vào tọa độ không gian - thời gian của chúng ta.

Chuyện lạ về hôn mê

Do bị tưởng nhầm là đã chết, cô bé Nazira Rustemova (4 tuổi, người Kazakhstan) từng bị chôn sống. Được đưa ra khỏi mộ, Nazira chìm vào một giấc ngủ dài 16 năm rồi đột nhiên tỉnh dậy. Cơ thể của cô (vốn thay đổi rất ít trong thời gian hôn mê) bỗng lớn lên từng ngày để nhanh chóng trở thành cơ thể một thiếu nữ trưởng thành.

Đó là một trong những trường hợp mắc chứng hôn thụy, cho đến nay vẫn là một bí ẩn đối với khoa học. Những người bị chứng hôn thụy có thể ngủ hàng tháng trời, thậm chí vài chục năm. Trong thời gian đó, cơ thể họ hầu như không có sự thay đổi. Sau khi tỉnh giấc, quá trình trao đổi chất được tăng tốc khiến cho cơ thể lớn nhanh trông thấy, y như trong truyện cổ tích. Ở một số bệnh nhân, còn xuất hiện nhiều khả năng kỳ lạ mà trước khi hôn mê họ chưa hề có. Nazira Rustemova là một trường hợp điển hình.

Lúc mới sinh, Nazira là một cô bé khỏe mạnh, cơ thể phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Gần đến sinh nhật lần thứ 4, đột nhiên cô bé bị đau đầu dữ dội, không thuốc nào làm giảm được. Sau mỗi cơn đau, cô bé lại lịm đi. Một buổi sáng, khi vào đánh thức con, cha mẹ Nazira thấy cô bé nằm bất động trên giường. Các bác sĩ ở

bệnh viện huyện khẳng định Nazira đã chết mà không rõ nguyên nhân.

Sau khi mai táng cho Nazira, ông và bố cô bé nằm mộng thấy có người bảo rằng Nazira chưa chết mà đã bị chôn sống. Người cha trở lại nghĩa địa, lật ván áo quan lên để kiểm tra. Ông sửng sốt nhận thấy xác con gái đã nằm sát vào một góc chứ không ở vị trí chính giữa như lúc hạ huyệt. Lốp vải liệm quấn quanh cô bé bị nhàu và đôi chỗ có vết cào xước. Ông vội vàng bế con về nhà.

Hai tuần liền, gia đình Nazira tìm mọi cách để đánh thức cô bé nhưng vô hiệu. Khi biết tin, Bộ Y tế Liên Xô đã chuyển Nazira lên Moscow để nghiên cứu. Cô bé được đặt trong lồng kính suốt 16 năm cho đến ngày bừng tỉnh.

“Suốt thời gian đó, tôi không hề ngồi dậy lần nào” - Nazira nhớ lại - “Mặc dù nằm bất động nhưng tôi vẫn nhận biết được mọi chuyện xảy ra chung quanh mình. Thậm chí có lần tôi còn ngửi thấy hương thơm thoang thoảng đặc trưng của vùng thảo nguyên quê tôi. Một hôm, tôi nghe thấy tiếng chuông điện thoại réo rất lâu. Mãi mà không có ai nhắc máy; thế là tôi quyết định đứng dậy để nói chuyện điện thoại...”

Sau khi tỉnh dậy, Nazira được các bác sĩ giữ lại để tiếp tục kiểm tra sức khỏe trong mấy tháng rồi mới về nhà.

Trong 16 năm ngủ lịm, người Nazira chỉ dài thêm 30cm mặc dù vẫn tiếp nhận thức ăn qua hệ thống ống dẫn nối với dạ dày. Tuy nhiên, khi tỉnh lại, cơ thể cô phát triển

nhanh như thổi. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ một cô bé, Nazira đã có một cơ thể phát triển như mọi cô gái 20 tuổi khác.

Trong mấy ngày đầu, Nazira đã phục hồi khả năng khẩu ngữ, có thể giao tiếp với mọi người mà không quên từ nào. Thậm chí, cô còn nói được bốn ngoại ngữ, trong đó có tiếng Latinh (một ngôn ngữ hiện rất ít người biết) và tự nhấc mình khỏi mặt đất nhẹ nhàng như bay. Tuy nhiên, sau đó mấy năm, những khả năng này biến mất. Nazira quên cả tiếng mẹ đẻ (tiếng Kazakstan), chỉ còn nhớ duy nhất tiếng Nga.

Con người khi lâm vào trạng thái hôn mê thì coi như đã đứng trước bờ vực của cái chết. Bách khoa toàn thư về y học mô tả tình trạng này như sau: Người hôn mê bị ức chế thần kinh trung ương ở mức cao nhất, thể hiện bằng các triệu chứng mất ý thức sâu, mất các phản xạ đối với tác nhân kích thích bên ngoài, rối loạn các chức năng sống quan trọng...

Hôn mê diễn biến rất phức tạp, có người qua được, có người tử vong, có người nửa sống nửa chết... và cũng có nhiều trường hợp kỳ lạ xung quanh tình trạng này.

Ngày 21/12/1999, khi cô gái xinh đẹp Klite 20 tuổi tỉnh dậy, thì giấc ngủ của cô đã kéo dài 17 năm. Vào năm 3

tuổi, Klite đã rơi vào trạng thái hôn mê bất tỉnh sau một tai nạn giao thông thảm khốc cướp đi cùng lúc sinh mạng của ông bà nội cô. Trong suốt 17 năm ấy, tim của cô vẫn đều đặn đập, các bộ phận khác vẫn hoạt động bình thường, thậm chí cô vẫn trưởng thành, phát dục và có kinh nguyệt hằng tháng như bất kỳ một cô gái nào khác. Tất cả chỉ giống như cô đang ngủ vậy.

Các chuyên gia thần kinh hàng đầu ở Mỹ đã tiến hành hàng trăm cuộc hội thảo, nhiều cuộc thí nghiệm nhằm đánh thức cô dậy, song đều thất bại. Tại thành phố nơi Klite sống, một bệnh viện đã bố trí hẳn phòng bệnh đặc biệt, miễn phí để chăm sóc cô. Để đề phòng cơ thể lâu ngày nằm liệt sẽ bị teo, họ thiết kế một loại giường đặc biệt, hoàn toàn tự động chuyển đổi tư thế nằm. Họ còn áp dụng nhiều tiến bộ khoa học để bằng mọi cách duy trì hoạt động của cơ thể Klite trong tình trạng tốt nhất với hy vọng một ngày nào đó, một kỳ tích sẽ xuất hiện, cô sẽ tỉnh lại.

Cuối cùng thì cái ngày ấy cũng đã đến. Vào một buổi tối, Klite bỗng mở mắt, ngơ ngác nhìn mọi vật xung quanh. Nhóm điều trị ngay lập tức kiểm tra sức khỏe cho cô gái. Họ kinh ngạc khi phát hiện sau giấc ngủ 17 năm, công năng não của cô vẫn không hề bị tổn hại. Ngày thứ hai sau khi tỉnh, cô đã đi lại được bình thường. Duy chỉ có điều, Klite luôn đòi mẹ cho chơi những thứ đồ chơi dành cho những em bé 3-4 tuổi.

Điều gì đã khiến cô thức giấc? Một bác sĩ tâm lý học danh tiếng thú nhận: “Chúng tôi không thể trả lời được vì điều gì. Chỉ có thể nói rằng, có một cơ chế bí mật mà chúng ta chưa thể hiểu nổi. Phải chăng đó là một ân huệ lạ lùng mà tạo hóa đã ban cho cô ấy?”.

Giấc ngủ dài bằng cả đời người

Việc tỉnh dậy sau hàng chục năm hôn mê đã là một điều kỳ lạ trong y học. Nhưng sau một thời gian dài đến 77 năm thì quả là không thể tin nổi. Năm 1917, công chúa Mông Cổ Miliga, 25 tuổi, sang Moscow (Nga) nghỉ ngơi và tham quan. Trong thời gian đó, Cách mạng Tháng 10 nổ ra và cô tìm cách chạy trốn bằng ngựa khỏi nước Nga. Trên đường đi, chẳng may Miliga bị ngã ngựa và hôn mê.

Nước Nga cho rằng công chúa Miliga là dòng dõi của hoàng đế nổi tiếng Thành Cát Tư Hãn nên đã đưa cô về một bệnh viện ở Moscow cứu chữa để tránh những rắc rối về quan hệ ngoại giao. Kể từ khi đó, Miliga nằm bất tỉnh. Mãi tới khi Liên Xô tan rã, nước Nga mới thừa nhận công chúa Mông Cổ bị hôn mê đang nằm trong bệnh viện của Nga bao nhiêu năm ròng.

Ngay sau khi Nga công bố thông tin trên, hàng chục bác sĩ nổi tiếng từ nhiều nước đã tụ họp lại tìm cách chữa trị cho Miliga. Sau một thời gian ngắn được khôi phục hệ thống thần kinh đại não, cô đã tỉnh dậy. Đặc biệt là sau khi tỉnh lại, công chúa Miliga vẫn khỏe mạnh và giữ được

vẻ đẹp thanh tú với làn da mịn màng, căng mọng như hồi năm 25 tuổi, dù đã bước sang tuổi 102.

Từ chuyện của Miliga, các bác sĩ đang cố tìm hiểu cơ chế tự động sản sinh ra một phản ứng hóa học chống lão hóa của cơ thể trong thời gian người bệnh bị hôn mê.

Thần giao cách cảm ở loài vật

Trên một chiếc tàu ngầm, người ta đưa xuống một đàn thỏ con mới sinh, tách khỏi mẹ chúng đang ở trên bờ cách đó hàng nghìn km. Đoàn thủy thủ được lệnh giết chết từng con thỏ một. Và cứ sau mỗi nhát dao, trên điện tâm đồ, người ta lại thấy tim của thỏ mẹ đập nhanh hơn...

Trong thí nghiệm này, các nhà khoa học Nga không giải thích được tại sao lại có sợi dây vô hình giữa mẹ con nhà thỏ ở cách xa nhau như thế, và đành chấp nhận đây là hiện tượng thần giao cách cảm. Điều không thể giải thích này chỉ là một trong vô số bí ẩn của tự nhiên được Giáo sư Philippe de Wailly tập hợp lại trong cuốn sách có tựa đề *Giác quan thứ sáu ở loài vật (Le sixième sens de animaux)*.

Trong những khả năng linh cảm của động vật, phải kể đến khả năng "tiên tri" thảm họa, nhất là với động đất, phun núi lửa. Một buổi sáng mùa hè năm 1963, nhân viên bảo vệ Thảo cầm viên thành phố Skopje thuộc tỉnh Macedonia của Nam Tư (nay là thủ đô Skopje của nước Cộng hòa Macedonia) cảm thấy có điều gì đó khác thường. Từ sáng sớm, không hiểu vì sao đám thú rừng nuôi trong lồng nhốn nháo cả lên, chúng không thiết ăn uống, cứ thi nhau gào lên những tiếng thảm thiết, nhảy lung tung định phá hàng rào tẩu thoát. Đến chiều thì tình

trạng lạ lùng này lây sang cả vật nuôi trong nhà. Những chú mèo vốn hiền lành bỗng leo lên tận mái nhà, xù lông, cong đuôi, rít lên từng hồi. Vài con bò không biết từ đâu chạy ngơ ngác trên đường phố, va chạm lung tung vào cửa hàng, xe cộ... Còn chim chóc xáo xác xuất hiện từng đàn bay về hướng nam. Hình như tất cả các con vật bằng ngôn ngữ hay cử chỉ riêng đều muốn báo cho cư dân thành phố một điều gì rất nghiêm trọng. Nhưng con người đã bỏ qua hiện tượng này. Khi chợt hiểu ra thì đã quá muộn. Vào 5 giờ sáng ngày 26/7/1963, trong lúc mọi người chưa thức giấc, thì mặt đất chuyển mình nhô lên rồi hạ xuống như sóng biển, những khe đất mở ra như miệng con quái vật. Chỉ sau 17 phút, cả thành phố chỉ còn là một đồng đồ nát chôn vùi 1.500 người bất hạnh.

Theo Giáo sư Philippe de Wailly, giác quan thứ sáu của loài vật còn thể hiện ở mối quan hệ khác thường giữa chúng với cái chết của chủ nuôi. Vào 18 giờ một chiều mùa đông năm 1952, gia nhân trong cung điện Buckingham bỗng nghe tiếng rít đau đớn của chú mèo Jack of Sandrigham mà nhà vua George VI của Anh rất cưng chiều. Chỉ vài phút sau, các bác sĩ thông báo là nhà vua đã qua đời.

Còn vào những năm 1930, khi Bộ trưởng Hàng không Pháp là Maurice Bokanovski bị chết trong một tai nạn máy bay ở thành phố Toul, miền nam nước Pháp, thì con mèo ông rất yêu quý đang ở Paris bỗng kêu gào thảm thiết, rồi bỏ trốn dưới một cái tủ, ngay đúng thời khắc chiếc máy bay

chở chủ nó đâm sâu xuống mặt đất. Suốt nhiều ngày liền con mèo không rời đáy tủ, cho đến khi xác của Bokanovski được đưa về Paris tẩm liệm thì nó mới xuất hiện.

Nhà văn lừng danh người Đan Mạch, Hans Christian Andersen, có một người bạn thân là Giáo sư Olaf Lunden, ông này bị mắc bệnh lao phổi nên phải đến vùng Bờ biển Ngà để điều trị. Trước khi đi, GS Lunden gửi chú chó Amour của mình lại cho bạn trông hộ. Sau đó, hai người vẫn giữ liên lạc với nhau. Thời gian sau, chú chó Amour râu rĩ đến mức bỏ ăn. Một buổi sáng, nhà văn bỗng thấy Amour tiến đến bên mình rồi liếm tay ông một cách chán đời, buồn rầu: trước đó không lâu ở tận miền nam nước Pháp, chủ nó vừa mới qua đời.

Nữ diễn viên nổi tiếng Brigitte Bardot của Pháp cũng kể lại rằng, vào thời điểm mà mẹ của bà qua đời tại Bệnh viện Neuilly ở Paris, thì chú chó đốm Nini đang ở cùng bà tại vùng Bazoches, cách Paris 30km, bỗng hú lên từng cơn một cách đau đớn. Nini được mẹ của Brigitte nuôi dưỡng từ nhỏ và chỉ gửi lại cho con gái khi phải vào cấp cứu tại Bệnh viện Neuilly.

Cho dù các nhà khoa học đã rất cố gắng trong việc nghiên cứu những bí ẩn của loài vật, nhất là hiện tượng tiên đoán những biến động của trái đất, đến cái chết, cảm giác với chủ..., nhưng dường như lời giải đáp vẫn còn lẫn trốn đâu đó. Chỉ có chúng ta, ngày càng phát hiện thêm nhiều điều kỳ diệu liên quan đến khả năng phi thường của chúng.

Lời nguyện - truyền thuyết hay điều có thật đã được mã hóa?

Vào thế kỷ 17 và 18, những hầm mộ đầu tiên của các pharaon bị khai quật. Từ đó, câu chuyện có thật về lời nguyện đã hơn một lần vượt khỏi các kim tự tháp, vang lên điều răn đe khủng khiếp. Người ta nhớ đến vụ cả nước Anh run lên vì cái nắp quách được tìm thấy vào năm 1860, thuộc sở hữu của Viện Bảo tàng Hoàng gia Anh.

Cái nắp đó lấy lên từ phần mộ của một nữ tu thờ thần Amen - Ra ở Thebes (Ai Cập). Khi về Anh quốc, vật phẩm lạ kia đã gieo rắc tai họa cho tất cả những người tiếp xúc với nó. Người chủ sở hữu đầu tiên là ông Douglas Murray. Ông này bị mất hẳn một cánh tay ngay sau khi mua cái nắp bởi một viên đạn phát nổ từ chính khẩu súng của mình. Ít lâu sau, người thứ hai ném trái sự trừng phạt là một nhà báo ở London. Cô mượn cái nắp về nhà để... xem. Ít ngày sau, mẹ cô đột ngột qua đời, rồi lời hứa hôn bị tan vỡ và cô bị mắc một chứng bệnh nan y bí hiểm, y học thời đó bó tay.

Nhưng sự trừng phạt vẫn tiếp tục khi ông Murray "cung tiến" cái nắp quỷ quái nọ cho Viện Bảo tàng Anh. Một nhà nghiên cứu về Ai Cập, khi đang xem xét những

dòng chữ cổ in trên nắp, bỗng lăn ra chết bất ngờ. Nạn nhân tiếp theo là một nhà nhiếp ảnh. Ông này đột tử sau khi chụp được tấm ảnh nhằm làm rõ nét gian ác của khuôn mặt vẽ phía ngoài nắp (mà ai cũng cho là gương mặt hiền lành, khả ái)...

Tin đồn về sự ghê gớm của cái nắp quách lan nhanh đến nỗi vào thập niên 1930, đồ cúng lễ từ khắp hành tinh tới tấp gửi về Viện Bảo tàng Hoàng gia Anh, đặc biệt là các vòng hoa quanh nắp luôn tươi mới. Nhưng nhiều cái chết kỳ lạ và đột ngột vẫn liên tiếp diễn ra tại các điểm khai quật khảo cổ ở Ai Cập và những nơi khác trên thế giới.

Lời nguyện không chỉ có từ các đồ vật ở mộ phần các pharaon mà những vị chủ nhân khác cũng có khả năng "tắm" lời nguyện độc địa vào cái mà họ cảm thấy cần giữ gìn. Thurston Hopkins ghi lại câu chuyện như sau:

"Thời Nữ hoàng Victoria, tên sát nhân William Corder đã giết chết tình nhân của hắn tại Polstead (nước Anh) vào khoảng tháng 5/1827. Hắn bị hành hình. 50 năm sau, phần thi thể của tên sát nhân được vị bác sĩ có tên Kilner cất giữ. Ông là một nhà khoa học có quan điểm rõ ràng đối với hiện tượng kỳ bí. Vị bác sĩ đã tách chiếc sọ của tên giết người, đánh bóng nó và bày "làm cảnh" ở phòng làm việc. Thế rồi điều kỳ lạ xảy ra. Vị bác sĩ và cả cô hầu đều cùng nhìn thấy lúc mơ hồ, lúc rất rõ kẻ lạ mặt đứng trong phòng, vận y phục thời Victoria. Riêng bác sĩ Kilner còn nghe rõ cả tiếng lẩm bẩm và hơi thở phì phò. Nhiều lần nửa đêm thức giấc, bác sĩ nghe nhiều tiếng động

bất bình thường ở căn phòng chứa cái sọ. Một đêm, cơn gió lạnh từ đâu thốc tới, giữa lúc Kilner bước vào phòng, cái giá đặt sọ rơi vỡ tung, còn sọ tên sát nhân tự dịch chuyển sang vị trí khác và ông thấy nó như cười nhạo nhử (?). Kilner đã kiểm tra nhà cửa nhưng tịnh không thấy dấu hiệu nào của người lạ hiện diện bên trong. Vị bác sĩ, nhà khoa học, thật sự sợ hãi. Ông đem chiếc sọ Corder trả lại cho linh mục Thurston Hopkins, ông này đem các thứ ấy chôn cất ở nghĩa địa. Từ đó trở đi, hiện tượng kỳ lạ trong gia thất bác sĩ Kilner cũng biến mất."

Chuyện chiếc áo khoác của Nhà hát Công tước York gây ra nỗi khiếp sợ đến lạnh người. Vào năm 1948, Thora Hird, nữ diễn viên hài kịch nổi tiếng đã mặc chiếc áo đó khi trình diễn một vở kịch. Cô kinh hãi khi thấy chiếc áo cứ ngày càng thít chặt vào mình. Tất cả đồng nghiệp của cô cũng gặp nỗi sợ tương tự khi khoác chiếc áo này lên người...

Phải chăng lời nguyền đã bao phủ lên tai họa trong các câu chuyện trên, hay tai họa có nguyên do từ nỗi khiếp sợ ám ảnh. Câu hỏi vẫn lơ lửng khi người ta ngày càng tìm thấy nhiều bằng chứng kỳ bí ở những vật hiếm hoi, đắt tiền hơn. Viên kim cương "Hy vọng" là điển hình của chuỗi giai thoại kiểu truyền thuyết ấy: Mở đầu là thảm họa của vị chủ nhân thứ nhất: mất cả người lẫn của. Sau đó tai ương giáng xuống hoàng hậu Marie Antoinette, cũng từ việc sở hữu viên kim cương "Hy vọng". Tiếp đến, nó liên tiếp gieo rắc những vụ tự sát, khuynh gia bại sản

cho một loạt những người khác, trong đó có một vị vua đạo Islam mất ngôi.

Đi tìm lời giải cho truyền thuyết có thật về lời nguyền, nhiều nhà khoa học đồng tình với ý kiến cho rằng nguyên nhân của những cái chết và cả loạt tai họa bí ẩn trên là do một loại vi khuẩn “chưa biết đến” đang nằm yên trong hầm mộ, tích tụ ngày một nhiều trong các đồ vật. Khi hầm mộ được khai quật, các “quái vật” nhỏ li ti giải phóng khỏi chỗ ẩn náu, chúng liền chứng tỏ ngay sức mạnh tàn phá.

Nhưng vẫn còn nhiều điều bí ẩn chưa biết đến, và liệu lời giải thích bằng loại “vi khuẩn chưa biết đến” này có đủ sức chinh phục những người còn tin vào sự hiện hữu mang âm hưởng thêu dệt của lời nguyền.

Hiện tượng “người lơ lửng”

“Quá trưa, Subbayah Pullivar ra chào chúng tôi và cho biết đã thực hành yoga từ gần 20 năm. Nghi lễ lơ lửng bắt đầu. Nhà yoga Ấn Độ này đi vào một cái lều. Vài phút sau, vách lều được nâng lên, cho thấy ông đang lơ lửng giữa vòng tròn nước”. Đó là lời kể của P. Y. Plunkett, một người tận mắt chứng kiến màn biểu diễn ngày 6/6/1936.



Lơ lửng không phải là không thể.

Nhiều khán giả đến gần để kiểm tra xem có sự gian dối không. Subbayah Pullivar như trong trạng thái lên đồng, bị treo trên không, cách mặt đất khoảng 1 mét. Ông dựa vào một cây gậy, hẳn là chỉ để giữ thăng bằng. Plunkett và bạn bè đến kiểm tra chung quanh nhà yoga: chẳng có dây hay trò ma mãnh nào cả.

Sau đó, cái lều được phủ xuống và Pullivar hạ xuống đất. Plunkett chứng kiến sự hạ xuống này qua một cái khe trên vách lều mỏng. "Sau một phút, nhà yoga có vẻ lắc lư. Ông bắt đầu hạ xuống từ từ, vẫn trong tư thế nằm ngang như lúc đầu. Phải mất 5 phút để xuống đến đất. Lúc ấy, các đệ tử mang ông ra giữa khán giả, yêu cầu mọi người thử bẻ tay bẻ chân ông. Nhưng dù có nhiều người, chúng tôi vẫn không thể làm được. Subbaya Pullivar được xoa bóp bằng nước lạnh trong hơn 5 phút trước khi ra khỏi trạng thái lên đồng và cử động tay chân bình thường".

Trong nhiều trường hợp lơ lửng khác, khán giả chú ý đến chuyển động lắc lư và tư thế nằm ngang. Cảnh tượng diễn ra tại Thũy Sĩ, ở trường của nhà yoga Maharishi Mahesh. Một học viên môn thiền siêu việt học kể lại: "Chúng tôi lắc lư, lúc đầu chậm, sau nhanh dần. Kế đó, chúng tôi bắt đầu nhấc mình lên khỏi mặt đất. Phải thực hành bài tập trong tư thế ngồi xếp bằng. Người ta sẽ bị đau đớn nếu để hai chân buông thõng. Cú hạ xuống là một cú sốc. Vì thế cần phải ngồi trên nệm. Sau đó chúng tôi biết cách kiểm soát và bài tập trở nên thật thú vị".

Liệu một ngày nào đó tất cả mọi người có thể biết cách lơ lửng không? Theo những người học thiên siêu việt, điều đó là có thể, với điều kiện phải rèn luyện tinh thần tích cực.

Trạng thái bán trọng lực

Cũng có một cách lơ lửng đang được bàn cãi, là đặt một người trong trạng thái bán trọng lực. Người ấy ngồi trên ghế, chung quanh là bốn thí nghiệm viên. Bốn người này xếp hai bàn tay trên đầu người kia (nhưng không chạm nhau), rồi tập trung tư tưởng trong 15 giây. Sau đó, họ nhanh chóng đặt ngón trỏ lên khuỷu tay và đầu gối của người ngồi trên ghế. Thế là người ấy được nâng khỏi mặt đất. Làm sao giải thích hiện tượng đó? Sự tập trung tư tưởng của bốn người có thể giải phóng một sức mạnh bí ẩn, giúp thoát khỏi các định luật của trọng trường không? Nhiều câu hỏi chưa có lời giải rõ rệt.

Bennett là nhà sư. Ông nhẹ đến mức có thể tự mình nâng lên như một chiếc lá, tựa như đã thoát khỏi trọng lực. Tuy nhiên, hiện tượng lơ lửng dường như chẳng có lợi bao nhiêu: đối tượng thường chỉ lên được 1-2 m là tối đa. Nhưng biết đâu các dân tộc thời cổ đại đã có "chìa khoá" cho một khả năng bay bổng mạnh hơn. Như thế, họ có thể thực hiện những công trình vĩ đại, chẳng hạn như các hình vẽ trong hoang mạc Nazca ở Peru mà người ta chỉ có thể thấy rõ từ trên cao. Nhiều truyền thuyết của người

Celtes cũng kể về các pháp sư có khả năng bay được. Phải chăng đó là sự hoá thân của linh hồn, hay là sự lơ lửng thật sự của cơ thể.

Trong nhiều ngoại lệ hiếm hoi, sự lơ lửng dường như có liên quan đến một trạng thái đặc biệt, tiếp thu được sau một quá trình luyện tập lâu dài. Lúc ấy, cơ thể bất chấp các định luật hấp dẫn thông thường nhờ một sức mạnh bí ẩn. Năm 1657, một thiếu niên Anh 12 tuổi, Henry Jones, đã đột ngột bay lên đến trần nhà, đặt hai bàn tay lên trần. Hiện tượng này chỉ kéo dài trong 1 năm, và sau, cậu ta mất khả năng đó.

Bí ẩn về hiện tượng ảo giác

Một lần, bạn đang trả lời một người hỏi đường, thì đột nhiên, hai người lạ mặt khênh một cánh cửa đặt giữa bạn và vị khách. Bạn hơi ngạc nhiên một chút, nhưng sau đó hai kẻ bất lịch sự kia đã vội vã khênh cửa đi. Sau đó, bạn vẫn tiếp tục nói mà không nhận thấy một điều kỳ lạ đã xảy ra...

Người khách hỏi: “Chị thấy gì lạ không?”. Bạn nhăn trán... Hình như bạn cảm thấy có gì đó khác lạ nhưng lại không hiểu là gì. Người khách lại hỏi: “Chị thử nhìn tôi kỹ hơn xem nào!”. Bạn nhìn rất sâu vào mắt người khách, rồi bạn để ý tới giọng anh ta nói, tới áo quần anh ta mặc... Hồi lâu... A! Bạn bỗng hét lên. Đứng trước mặt bạn là một người đàn ông hoàn toàn khác chứ không phải người đã hỏi đường bạn... Một lúc sau, người lạ này giải thích cho bạn biết rằng, anh ta là một trong hai người đàn ông khênh cánh cửa và đã tráo đổi vị trí với người khách hỏi đường trong thời gian ngắn ngủi khi họ dừng lại giữa hai người...

Trên đây là một ví dụ tiêu biểu về hiện tượng ảo giác, một hiện tượng kỳ lạ và khó hiểu nhất thường gặp trong đời sống. Người làm thí nghiệm này là Giáo sư Daniel Simons, Đại học Harvard, Mỹ. Ông đã tiến hành thí nghiệm này trên hàng trăm trường hợp khác nhau và kết

quả thật kỳ lạ: Trên 50% các trường hợp, người chỉ đường vẫn tiếp tục nói chuyện với vị khách hỏi đường đã bị đánh tráo mà không nhận ra điều gì lạ, mặc dù hai nhân vật này hoàn toàn khác nhau, từ hình dáng, giọng nói tới quần áo.

Nhận biết có lựa chọn

Hiện tượng trên còn có tên khoa học là “mù thoáng qua” (change-blindness). Cùng với các kết quả thí nghiệm khác, đầu những năm 1990, hiện tượng này dẫn tới một giả thuyết gây ra nhiều cuộc tranh luận dữ dội: *Cái chúng ta thực sự nhìn thấy ít hơn rất nhiều so với cái chúng ta tưởng rằng đã nhìn thấy*. Điều đó có nghĩa là, chúng ta luôn sống trong ảo giác do niềm tin gây ra. Trong thí nghiệm trên, người chỉ đường luôn tin rằng mình đang nói chuyện với cùng một người hỏi đường, nên hoàn toàn không nhận thấy anh ta có sự thay đổi gì sau khi đã bị đánh tráo.

Ông Simons giải thích: “Nếu bạn quan sát một khung cảnh với những hiện tượng xảy ra trong đó, thường bạn chỉ có thể nhận biết một số chi tiết nhất định. Những chi tiết này sẽ được bổ sung thêm nhờ khả năng nhớ lại hoặc trí tưởng tượng của bạn, để cho ra một hình ảnh tổng quát về *cái mà bạn đã nhìn được* trong não bộ”.

Mắt có vai trò như một ống kính

Trong hệ thống ghi chép và lưu giữ hình ảnh, mắt đóng vai trò như một ống kính video. Nó liên tục quét các hình ảnh để đưa vào trung tâm xử lý của não bộ. Tại đây, hình ảnh sẽ được phân tích rất nhanh. Thông tin không quan trọng sẽ bị loại bỏ và chỉ có những chi tiết quan trọng nhất giúp con người ứng xử trong hoàn cảnh nhất định mới đọng lại trong não bộ.

“Nhờ có thể lựa chọn giữa những chi tiết quan trọng và không quan trọng nên con người mới tồn tại được”, Triết gia Daniel Dennett đã khẳng định như vậy trong một cuốn sách có tiêu đề *Kiến giải về Ý thức (Consciousness Explained)*. Theo đó, hình ảnh lưu trữ trong não bộ lâu ngày sẽ chiếm quá nhiều bộ nhớ nên nó chỉ ghi lại những gì đã thay đổi và giả định rằng, tất cả những thứ khác vẫn giữ nguyên như vậy.

Chuyện về một con vượn chạy qua...

Daniel Simons lại tiếp tục làm một thí nghiệm sau để chứng minh rằng, thực tế chúng ta luôn bỏ sót những chi tiết nhất định. Ông cho mời 40 người đàn ông tới xem một trận bóng rổ và yêu cầu họ đếm tất cả các đường chuyền của hai đội. Những người đàn ông đều tập trung hết sức vào các pha chuyền bóng. Đột nhiên xuất hiện một con vượn chạy đi chạy lại qua sân bóng đến 5 giây đồng hồ. Sau đó, Simons đã hỏi tất cả 40 người đàn ông này về con

vườn và họ đều trả lời là không nhìn thấy gì cả.

“Thường thì người ta không bao giờ nhìn thấy rừng xanh giữa đám cây cối rậm rạp”, Simons nói. Điều đó đôi khi rất nguy hiểm. Các chuyên gia nghiên cứu giao thông cho biết, phần lớn các tai nạn ô tô đều có liên quan tới hiện tượng “mù thoáng qua”. Trong thí nghiệm trên, những người đàn ông chú mắt vào các quả bóng có thể so với người tài xế đang lái xe chạy trên đường và mãi mê nghĩ về một chuyện gì đó, còn con vườn đóng vai người qua đường. Thế là xảy ra tai nạn!

Ảo giác về nụ cười của Mona Lisa

Nụ cười của Mona Lisa cũng gây ảo giác. Càng nhìn lâu vào khuôn mặt nàng, bạn càng thấy đôi mắt ấy đang cười, rất kiêu sa và rất mãn nguyện. Nhưng chỉ cần nhìn xuống khoé miệng một chút, bạn sẽ thấy khuôn mặt người thiếu nữ nghiêm nghị kỳ lạ. Đột nhiên, bạn không hiểu nàng đang vui hay buồn, thanh thản hay lo lắng.

Trong phần đề cập tới hiện tượng “mù thoáng qua”, chúng ta đã biết vì sao cặp mắt thường bỏ sót một số chi tiết nhất định khi ta quan sát một khung cảnh nào đó. Hoạ sĩ, triết gia, nhà khoa học thiên tài người Italia Leonardo Da Vinci đã “vô tình” lợi dụng hiện tượng này để sáng tạo ra nụ cười bí hiểm có một không hai trên khoé miệng Mona Lisa.

Nhà khoa học thần kinh Margaret Livingstone (Mỹ) giải thích, khi chăm chú nhìn vào đôi mắt của Mona Lisa, bạn chỉ “khoanh” được một khu vực rất nhỏ bên lông mày và gò má. Vì vậy, bạn không nhìn thấy toàn bộ khuôn mặt và không gian đằng sau bức tranh. Khi đó, các nét mờ trên gò má Mona Lisa sẽ hiện lên khá rõ, khiến bạn có cảm giác khoé môi của người phụ nữ cũng được kéo nhếch lên và tô đậm hơn. Kết quả, bạn thấy người phụ nữ cười. Ngược lại, khi bạn nhìn vào miệng nàng thì hiệu ứng này cũng lập tức biến mất cùng với nụ cười ấy. Thì ra, nụ cười này vừa thật, vừa ảo. Người xem tranh Mona Lisa rất khó nhận thấy khi nào nàng cười thật và khi nào nàng cười ảo. Đây chính là bí mật lớn nhất về Mona Lisa, nó giải thích vì sao mấy trăm năm nay, người xem luôn có cảm xúc rất trái ngược khi đứng trước bức tranh này. Có điều, khi sử dụng “mẹo” này, Leonardo Da Vinci có lẽ đã không vận dụng đến kiến thức khoa học mà dựa vào kinh nghiệm của một nghệ sĩ nhiều hơn.

Mắt thần

Bài nghiên cứu của Giáo sư Itzhak Fried, Đại học California (Mỹ) đăng trên tạp chí khoa học The Lancet năm 1992 khẳng định: “Để nhận biết hình ảnh, con người cần rất ít thực tế”. Đây là một kết luận thật khó hiểu. Để tìm hiểu xem Fried nói gì, một lần nữa, chúng ta lại phải quay lại... Mona Lisa.

Fried cho mời 100 người đàn ông tới một cuộc thử nghiệm. Ông chia họ làm hai nhóm. Nhóm thứ nhất được nhìn thấy bản sao của Mona Lisa treo trên tường, còn nhóm thứ hai tới một căn phòng trống trơn để nghe một người kể về bức tranh. Sau đó ông mời hai nhóm tới một căn phòng khác và đề nghị họ miêu tả lại bức tranh. Trong khi những người này miêu tả, Fried dùng một phương pháp đặc biệt để đo các hoạt động trong não bộ của họ. Kết quả thật kỳ lạ: Não bộ của những người này đều vận động qua các tế bào giống hệt nhau và “bức tranh” mà họ kể lại khá giống nhau: *Chúng đều là sản phẩm của rất ít thực tế và rất nhiều tưởng tượng.*

“Điều quan trọng không phải là chúng ta nhìn thấy bức tranh thật hay chỉ ngồi tưởng tượng. Mỗi người đều có một *con mắt thần* - bộ phận lưu giữ các hình ảnh tưởng tượng - giúp chúng ta có thể tổng hợp hình ảnh và trình bày một khung cảnh nhất định”, Fried nói.

Thực tế và ảo giác

Tại sao bạn luôn có cảm giác rằng bạn có một bức tranh đầy đủ và thực tế về cuộc hiện sinh này? “Bởi vì rất hiếm khi bạn gặp được ai đó chỉ cho thấy điều ngược lại!”, các nhà nghiên cứu hành vi giải thích.

Não bộ của bạn luôn thu nạp và xử lý một số hình ảnh mà mắt bạn “quét” được từ thực tế, nhưng nó còn thu nhận một khối lượng lớn hơn nhiều các hình ảnh từ kho

kinh nghiệm và trí tưởng tượng của bạn. Mặt khác, việc não bộ của bạn lựa chọn “thực tế” nào lại do trí tưởng tượng quyết định. Ví dụ, mắt bạn “quét” được toàn cảnh một cánh đồng gồm nhiều bướm bướm và chuột, nhưng nếu trí tưởng tượng của bạn chỉ “thích” bướm bướm thôi chẳng hạn, thì não bộ sẽ tự động xóa những con chuột ra khỏi bức tranh. Kết quả là bạn chỉ nhớ được một bức tranh toàn bướm bướm. Tóm lại, *bức tranh tổng thể về thế giới của bạn phần nhiều là tưởng tượng chứ không phải thực tế. Nói cách khác, thế giới chỉ do ảo giác mà có.*

Các nghiên cứu mới nhất về khoa học thần kinh cho biết, không ai có thể cùng một lúc nhìn thấy tất cả những chi tiết của một bức tranh. Mỗi vật thể, dưới con mắt của người khác sẽ có một hình thù khác hẳn. “Nhìn và lựa chọn hình ảnh là một quá trình sáng tạo, y hệt như vẽ một bức tranh vậy. Sản phẩm của nó chỉ vô tình trùng lặp với thế giới của những hiện tượng vật lý mà thôi”, đó là giả thuyết của các nhà khoa học.

Chọn áo nhuộm màu trong siêu thị

Nếu giả thuyết trên được ủng hộ hoặc kiểm chứng thì đó sẽ là một tin mừng lớn với nhà vật lý thiên tài Isaac Newton. Cuối thế kỷ 17, Newton đã có ý tưởng cho rằng, *mọi vật tự nó đều không có màu sắc nếu không có sự hiện hữu của ánh sáng.* Tuy vậy, não bộ của chúng ta vẫn cố gán cho chúng một màu sắc nào đó.

Hai nhà khoa học thần kinh Dale Purves và Beau Lotto, Đại học Duke (Anh), cho biết: “Màu sắc là sản phẩm của cảm nhận chứ không phải thực tế”. Theo đó, con người có thể thu nạp hình ảnh dựa trên tưởng tượng và kinh nghiệm một cách khá chính xác. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng như vậy. Nhiều trường hợp, người mua hàng chọn một chiếc áo theo màu ưa thích trong siêu thị, nhưng khi về nhà mới phát hiện ra nó có màu khác hẳn. Nguyên nhân là khi ở cửa hàng, người đó đã chọn màu theo tưởng tượng và kinh nghiệm chứ không phải theo màu thực do mắt “quét” được.

Vấn đề nhân chứng

Nếu các hình ảnh lưu giữ trong não bộ không có liên hệ gì rõ ràng với thế giới hiện hữu, thì ai có thể khẳng định rằng, cái anh ta nhìn thấy là “thật sự đã xảy ra”, hay đó chỉ là “ảo giác”. Trong thí nghiệm ở phần thứ nhất, người phụ nữ đã nói chuyện mấy phút liền với khách hỏi đường mà không nhận ra anh ta đã bị tráo đổi. Vậy thì lời kể của nhân chứng trong một sự kiện chỉ diễn ra chớp nhoáng có thể tin được hay không? Hơn nữa, ở thời điểm xảy ra sự kiện, nhân chứng thường khá thờ ơ, thậm chí anh ta đang chú tâm vào một việc gì đó hoàn toàn khác. Thế thì, nhân chứng có khác gì những người đàn ông xem bóng rổ, không hề nhìn thấy con vượn đi qua.

Nhà khoa học Stephen Kosslyn, Đại học Harvard, còn

làm một thí nghiệm như sau: Ông mời 10 người xem bức ảnh của một người đàn ông. Sau đó, ông cho họ xem một bức ảnh khác cũng của người ấy với một số nét thay đổi về quần áo và kiểu tóc. Khi được mời kể lại về sự khác biệt giữa hai bức ảnh, 10 người này đã nói rất khác nhau, trong đó có nhiều chi tiết không hề có trong cả hai bức ảnh. Kosslyn kết luận: “Con người không thể phân biệt được đâu là thông tin khách quan và đâu là tưởng tượng. Bình thường, họ thu nhận hỗn hợp của cả hai”.

Một mình giữa cõi đời

Có lẽ còn lâu khoa học mới giải thích được mối liên hệ giữa nhận biết, thực tế và tưởng tượng. Tuy nhiên ngày càng có nhiều giả thuyết cho rằng: *Thế giới thị giác đầy đủ của chúng ta được hình thành từ một số hình ảnh cụ thể, kết hợp với một số hình ảnh chìm sâu trong kho kinh nghiệm và... rất nhiều tưởng tượng.*

Vì mỗi người đều có một trí tưởng tượng riêng, nên *mỗi người đều cô độc trong một thế giới của những hình ảnh thị giác đơn lẻ.* Tiến sĩ Richard Gregory, nhà tâm lý, tác giả của rất nhiều cuốn sách về tri thức của thị giác đã đưa ra một tổng kết bi quan như sau: “Thế giới thị giác mà bạn đang sống là ngôi nhà riêng của bạn. Thỉnh thoảng bạn lại nuôi ảo tưởng rằng, có thể chia sẻ nó với một người nào đó. Nhưng thực tế, chẳng ai có thể chia sẻ với bạn. Bạn chỉ có một mình mà thôi... Một mình giữa cõi đời này”.

Thần giao cách cảm, thực và hư

Bệnh viện Sklifosovski sau một vụ nổ bom khủng bố tại quảng trường Puskin, Moscow (Nga) đã đón một nữ nạn nhân bị vô số vết bỏng trên người. Khi người chị sinh đôi đến thăm em, các nhân viên vô cùng sững sốt nhận thấy trên cơ thể khỏe mạnh của cô cũng có những vết bỏng.

Mặc dù không hề nghĩ đến hiện tượng này, người chị đã nhận một phần đau đớn từ người em. Sự kiện trên diễn ra vào tháng 8/2000. Đây được coi là một ví dụ về hiện tượng thần giao cách cảm.

Các nhà khoa học từ lâu đã chứng minh được là tín hiệu thần giao cách cảm tồn tại. Từ năm 1989, tại Phân viện Não thuộc Viện Hàn lâm Y học Nga, người ta đã tiến hành những cuộc nghiên cứu cho phép thu nhận những tín hiệu đó bằng máy đo.

Thử nghiệm

Valeri Guzel, Trưởng khoa Tâm lý thuộc Đại học Nhân văn (Nga) bật máy tính, mở một tập dữ liệu. Trên màn hình hiện lên một người với những vầng hào quang xung quanh và những tia sáng đứt đoạn phát ra. “Đấy là *aura*,

tức trường sinh học của một người được thí nghiệm', ông nói, và giải thích thêm: "Hãy xem, đây là vùng đảm trách công việc của hệ tim mạch; vùng này, cho ruột non; vùng này cho xương cụt... Ở khu vực dạ dày, aura yếu, có lẽ anh ta ăn phải cái gì đó không ổn... Diện tích chung: 36.000 đơn vị. Tính đối xứng 98%, đó là các chỉ số tốt. Còn bây giờ, hãy xem sau khi anh ta tiếp xúc với một người khác, aura giảm bớt: diện tích tụt xuống còn 31.000 đơn vị, tính đối xứng: 76%. Nghĩa là việc tiếp xúc không thành công".

Sau nhiều năm theo dõi và thử nghiệm, Guzel kết luận là giữa bác sĩ tâm lý trị liệu và bệnh nhân (cũng như giữa bác sĩ và người bệnh hay giữa những người bất kỳ có quan hệ chặt chẽ với nhau) có sự trao đổi dạng năng lượng nào đó. Chúng truyền tải thông tin về sự hoạt động của các cơ quan hay các hệ trong cơ thể người. Nếu tình trạng của bệnh nhân được cải thiện, thì nhiều khi chính bác sĩ lại gặp dấu hiệu mệt mỏi và trầm uất. Hơn nữa, có khi bác sĩ "nhận" về mình những vấn đề và bệnh tật từ người khác. Đến lượt họ, lại chuyển cho bạn bè, người thân hay bệnh nhân đến sau.

Sự điều chỉnh theo nhau

"Một số trạng thái tâm lý có thể có tính lây nhiễm và được truyền thông qua trao đổi năng lượng", Tiến sĩ triết học, GS Aleksandr Vodolagin (Nga) nói. Ở đây không có

gì là huyền bí, đơn giản là khi có sự tiếp xúc, xảy ra hiện tượng liên kết hai hệ thống năng lượng sinh học thành một khối thống nhất. Hiện tượng này được gọi là *sự điều chỉnh theo nhau*.

Người ta có thể gặp hiện tượng này trong đời sống hằng ngày. Khi bạn hiểu nhau chỉ cần bằng nửa lời nói, khi “hai trái tim cùng nhịp đập”... Chẳng hạn, người ta nhận thấy rằng nếu vợ chồng sống với nhau tâm đầu ý hợp trong nhiều năm, thì cách thể hiện bên ngoài của họ trở nên giống nhau.

Hội chúng số đông

Tại sao một người bình thường, khi ở trong đám đông lại hành động như một kẻ mất hồn và hoàn toàn tuân theo “không khí” của đám đông đó?

“Sự điều chỉnh theo nhau của đám đông có sức mạnh lớn nhất. Bất cứ mục đích thống nhất nào, dù có tính xây dựng hay phá hủy, sẽ dẫn tới một trường mạnh. Aura của đám đông làm thay đổi aura của cá thể, làm cho nó mất tính đối xứng và bằng cách đó làm cảm xúc vượt qua lẽ phải”, Vodolagin giải thích.

Các dấu hiệu đặc trưng cho quốc gia như quốc ca, quốc huy là những yếu tố của sự điều chỉnh theo nhau. Đó là những tín hiệu làm cho bạn khóc và xao xuyến khi nói tới một cái gì đó vĩ đại. Còn nếu đám đông có một thần tượng chung, thì người đó có cơ hội tuyệt vời để thay đổi

trạng thái tâm lý của mỗi người. Ví dụ, một nghệ sĩ nghiện ma túy, bản thân không có ý định tuyên truyền, nhưng vô tình đã “hướng” đám đông những người hâm mộ tới việc thử dùng chất nguy hiểm đó.

Sức hút của nỗi sợ

Ở Mỹ từng xảy ra một chuyện kỳ lạ. Trước khi bộ phim *Body* (Thân thể) được đưa lên màn ảnh, người ta không thấy có trường hợp nào cá mập tấn công người. Nhưng khi phim được trình chiếu, các con cá hung dữ bắt đầu săn đuổi những người nghỉ trên bãi tắm. Điều gì đã xảy ra?

“Đó là sự lập trình đều khắp, sự định trước vào nỗi lo sợ” - ông Guzel đưa ra một giả thuyết - “khi con người sợ một cái gì, anh ta sẽ nhận được chính cái đó.” Khi tìm cách xua đuổi đối tượng gây ra sợ hãi, chúng ta nhận được sự đáp trả từ nó. Sự đáp trả đó đưa đến chỗ theo đúng không gian và thời gian nơi đối tượng (hay tình huống) chờ đợi chúng ta. Tất nhiên đó mới chỉ là một cách giải thích cho một trong nhiều hiện tượng còn bí ẩn trong cuộc sống của chúng ta.

Bí mật của “Ảnh gương”

Khi thấy chính mình đang ngồi trong chiếc ghế kế bên, người phụ nữ 75 tuổi bất giác mỉm cười thú vị. Phiên bản thứ hai của bà ngồi im, mặc một chiếc váy quen thuộc - chiếc váy mà bà thường mặc thời 17 tuổi, nhoèn miệng với “chủ nhân”. Hình ảnh kéo dài nhiều giây đồng hồ. Sáu giờ sau, bà được đưa vào bệnh viện vì một cơn đột quỵ trầm trọng.

Một thợ cơ khí 35 tuổi lại thấy cuộc gặp gỡ vị khách câm lặng của anh chẳng hay ho chút nào. Khi phát hiện ra hình ảnh của mình, hai đầu gối anh mềm nhũn ra, chân run lẩy bẩy. Phiên bản thứ hai của anh đứng sừng sững trước mặt, ngay tại nơi làm việc, vác trên vai một hộp đựng đồ nghề và nhìn anh trừng trừng. Người ta lập tức đưa anh vào bệnh viện ngay khi nghe kể về ảo ảnh đó. Khám nghiệm của bác sĩ cho thấy: anh thợ này có sức khỏe hoàn hảo. Suốt về sau, bệnh án mỏng của anh cũng chỉ có một điểm đáng chú ý rằng một ngày nọ, anh lại nhìn thấy hình ảnh của chính mình.

Hiện tượng ảo ảnh về chính bản thân mình, còn gọi là *ảnh gương*. “Phiên bản” của các nhân chứng thường ngồi trong những góc bàn trống hoặc xuất hiện dưới dạng ảnh treo trên tường, hay nhìn trần trối vào “phiên bản thứ nhất” từ một nhóm người đông đúc trên quảng trường,

hay kỳ lạ hơn, lủng lẳng vắt vẻo trên một cột đèn đường nào đó!

Ngành tâm lý học cho đến nay đã ghi nhận chính thức 70 trường hợp gặp gỡ ảnh gương như vậy. Nhưng các chuyên gia cho rằng trường hợp này lớn hơn gấp nhiều lần, bởi những ai gặp hiện tượng “nhân đôi” đó thường sợ người xung quanh cho là họ mắc bệnh điên và giấu kỹ tâm sự của mình.

Nhận xét bước đầu của các nhà tâm lý học: Có thật

Các chuyên gia hoàn toàn không nghi ngờ sự tồn tại của hiện tượng ảnh gương kỳ lạ. Nhà tâm lý học Bernd Frank, người đã chữa bệnh suốt 17 năm cho 7 người mắc triệu chứng ảnh gương, khẳng định: “Bộ não của chúng ta thỉnh thoảng cũng có những bước nhảy bất ngờ và đột ngột mà chúng ta chưa rõ tại sao”.

Tháng 12/2000, tạp chí chuyên ngành *Medical Tribune* cảnh báo: không nên coi chuyện ảnh gương là nhỏ, ví dụ những người nào từng nhìn thấy bản thân mình bị chết và treo lủng lẳng trên một cành cây thường rất dễ sa vào con đường tự tử.

Điều khiến mọi người kinh ngạc qua lời miêu tả của nhân chứng là họ cảm nhận về phiên bản thứ hai của chính mình rất chi tiết và sống động. Mặc dù luôn ý thức được về nét siêu thực của “vị khách”, “chủ nhà” vẫn tin rằng họ có một mối quan hệ bí hiểm với nhân vật ảo kia.

Một số người còn cảm nhận ảnh gương rõ ràng hơn chính bản thân mình. Sau này, họ thường nhớ lại rằng cơ thể họ ngay những giây phút gặp gỡ kinh hãi thường trống rỗng, lạnh lùng như đã kiệt máu, trong khi chính nhân vật kia mới chứa đựng toàn bộ sự sống của cả hai.

Nhận dạng “ảnh gương”

Trên toàn thế giới, nhóm hoạt động tích cực nhất về hiện tượng này là các nhà nghiên cứu Anh. Họ đã xem xét, nghiên cứu, thí nghiệm với hiện tượng kỳ bí này và đăng kết luận trên tạp chí *British Journal of Medical Psychology*:

- Nhân vật thứ hai xuất hiện hết sức đột ngột. Chỉ trong một số ít trường hợp, nhân chứng trước đó có một chút cảm giác là có người đứng cạnh hoặc sau lưng mình.

- Ảnh gương thường xuất hiện trong màu xám với những đường nét tương đối nhòà. Nhưng không ít trường hợp, chúng hiện lên rất rõ ràng như những bức tường tranh màu sống động. Không nhân chứng nào có thể nhớ rằng “người kia” có bóng hay không.

- Thường thì phiên bản thứ hai câm lặng và chỉ nhìn phiên bản thứ nhất trần trối. Trong một số trường hợp, chúng chuyển động như hình ảnh soi gương của nhân chứng, hành động hoặc biểu lộ những cử chỉ tương tự như nhân chứng trong những tình huống bất ngờ, đòi hỏi phản xạ bản năng.

- Ảnh gương thường xuất hiện ngoài tầm tay với và sẽ biến mất khi nhân chứng tìm cách sờ tới hoặc đến gần chúng.

- Đại đa số ảnh gương xuất hiện lúc hoàng hôn hay lúc sớm mai. Một số trường hợp chỉ xuất hiện một hoặc hai lần trong cả cuộc đời. Một số người khác lại gặp tới 5-6 lần, trong khoảng thời gian kéo dài.

Một nạn nhân có khối u trong não kể rằng anh đã phải chung sống với ảnh gương suốt 7 năm trời. Người sốt phát ban nhiều khi cũng có cảm giác như một cơ thể thứ hai đang nằm cạnh mình trên giường. Những ai bị liệt nửa người thỉnh thoảng cũng kể về hiện tượng đó...

Nhà văn người Pháp Guy de Maupassant đã bị ảnh gương hành hạ suốt thời gian ông phải nằm bẹp trên giường vì bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Theo các chuyên gia, nguyên nhân gây ra hiện tượng ảo ảnh này thường là các căn bệnh như tâm thần phân liệt, trầm cảm, thác loạn..., đặc biệt là những cơn đột quỵ hoặc căn bệnh ung thư não.

Nhà tâm lý học người Mỹ Geo Krizek của Bệnh viện St. Elizabeth tại Washington vừa thông báo rằng những tai nạn gây ảnh hưởng trầm trọng đến bán cầu não phải thường cũng có khả năng thổi lên những hình ảnh kỳ quái đó. Một trong những bệnh nhân của ông được đưa vào bệnh viện năm 15 tuổi sau một tai nạn giao thông với

triệu chứng chảy máu trong bán cầu não phải. Vài năm sau, anh quay lại gặp Krizek vì đã gặp ảnh gương của anh ngay giữa phố, thậm chí đã nói chuyện với “người đó” trong suốt 15 phút.

Ảnh gương xuất hiện nhiều nhất ở nhóm người mắc chứng bệnh đau nửa đầu. Một nữ bệnh nhân 42 tuổi kể rằng thỉnh thoảng lại thấy một thân hình nữa của bản thân chị nằm bên cạnh. Trong những lúc như vậy, chị cảm thấy rất rõ ràng: nó ấm áp và mọi đường nét đều y hệt thân hình “thứ nhất” của chị.

Tài liệu ngành y ghi lại rằng cả những người mắc bệnh động kinh cũng thường phải chiêm ngưỡng bản thân mình kiểu ấy. Tác giả của *Tội ác và trừng phạt*, nhà văn Nga Dostoievski đã viết một cuốn tiểu thuyết có tựa đề *Bản thể thứ hai*, và trong những tác phẩm khác, thường các nhân vật chính của ông cũng luôn nhìn thấy ảnh gương bí hiểm: những bóng người xám xịt, không màu, đối mặt với nạn nhân trong ánh sáng mờ ảo của hoàng hôn hoặc sớm mai. Các chuyên gia phỏng đoán rằng nhà văn đã miêu tả những bức tranh xuất phát từ tâm hồn ông, thúc ép và hành hạ bản thân ông: người ta đồn rằng Dostoievski mắc bệnh động kinh.

Ảo ảnh, “con đẻ” của kiệt sức

Trong khi ảo ảnh của những người mắc bệnh đau nửa đầu hoặc bệnh động kinh thường xuất hiện sau những

quầng sáng rực rỡ, thì ở những người khoẻ mạnh, chúng xuất hiện bất ngờ, không hề báo trước. Nỗi căng thẳng gay gắt về tình cảm, những sợ hãi hoặc những tình huống kiệt sức thường đã đủ cho ảnh gương bước vào thế giới chúng ta.

Bác sĩ Dirk Arenz của Bệnh viện Thần kinh Andernach (Đức) giải thích: “Khi những giác quan mệt mỏi vì làm việc quá sức, hiện thực bên ngoài sẽ nhạt nhòa đi, những hình ảnh chỉ huy nội tại trỗi lên, nắm quyền chỉ huy và... lao ra ngoài”. Tới lúc đó, theo bác sĩ Erich Kasten của Đại học Tổng hợp Magdeburg, trung tâm não bộ lưu trữ hình ảnh của chính bản thân bệnh nhân trong tình trạng quá mệt mỏi sẽ liên tục được kích hoạt và làm nảy sinh hiệu ứng nhân đôi ảo.

Việc trung tâm não bộ đóng một vai trò nhất định trong việc xuất hiện ảnh gương cũng đã được chứng minh qua số phận đối nghịch của những bệnh nhân Alzheimer. Theo thời gian, trung tâm não của họ ngày càng bị phá hủy. Hậu quả là nạn nhân một ngày kia sẽ đứng trước gương và tự hỏi: kẻ lạ mặt nào đang nhìn ta trong gương kia?

Hiện thời, nhà tâm lý học Bernd Frank thừa nhận: “Chúng ta chỉ có thể lắng nghe, an ủi và cảm thông với họ”.

Tái tạo trạng thái ảnh gương

Nghiên cứu do hai nhóm khoa học từ Đại học Tổng hợp London và Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ độc lập thực hiện.

Với một số người, kinh nghiệm nhìn thấy ảnh gương xảy ra ngẫu nhiên, trong khi với những người khác, nó xuất hiện trong những tình huống nguy hiểm mà người đó suýt chết - một trạng thái lâng lâng giống như mơ hay như khi dùng rượu, ma túy.

Trong nghiên cứu tại Thụy Sĩ, những người tình nguyện đứng trước một cái camera trong khi đang đeo một đôi kính hiển thị video. Qua cặp kính này, họ có thể nhìn thấy hình ảnh qua camera của chính mình - một "cơ thể ảo" ba chiều của chính họ, dường như đang đứng trước mặt.

Khi bị các nhà nghiên cứu dùng bút chì gõ vào lưng, các tình nguyện viên cũng thấy cơ thể ảo của mình đang bị gõ, đồng thời hoặc chỉ chậm hơn chút xíu.

Những người tình nguyện cho biết chính cảm giác gây ra bởi cái bút chì gõ vào chiếc lưng ảo (chứ không phải cú gõ trên lưng thật) khiến họ ngỡ rằng cơ thể ảo của mình mới chính là thật chứ không chỉ là một hiệu ứng thông thường.

Ngay cả khi camera chuyển sang đoạn phim chiếu lưng của một mannequin (hình nộm) bị bút chì gõ vào, các tình nguyện viên vẫn cảm thấy như thể mannequin ảo đó mới là thực tại của họ.

Và khi nhóm nghiên cứu tắt video trên kính, hướng dẫn tình nguyện viên bước ngược vài bước, rồi yêu cầu họ bước trở về vị trí ban đầu, các tình nguyện viên đều đi quá mục tiêu này, trở về gần hơn với vị trí của "cơ thể ảo".

Tiến sĩ Henrik Ehrsson, trưởng nhóm nghiên cứu ở Anh, thực hiện thí nghiệm tương tự và phát hiện thấy những người tình nguyện có phản ứng sinh lý - tăng tiết mồ hôi - khi họ cảm thấy cơ thể ảo đang bị đe dọa, như kiểu đang bị búa đánh chẳng hạn.

Các tác giả cho biết phát hiện của họ có thể ứng dụng thực tế, chẳng hạn giúp tạo ra những video game giống thực hơn, khiến các game thủ có cảm giác như đang hoà vào game thực sự. Các bác sĩ cũng có thể phẫu thuật cho bệnh nhân cách xa hàng nghìn dặm bằng cách kiểm soát một robot ảo của chính họ.

Loài vật cũng có “tâm hồn”

Loài hươu cao cổ thường nhìn đám thợ săn với đôi mắt rất “ai oán” trước khi lià đời. Nhiều thợ săn đã bị ám ảnh bởi đôi mắt của con hươu lúc ấy vì nó trông biểu cảm không khác gì mắt người.

Nhiều loài vật nuôi trong nhà hay thú hoang đôi khi có những biểu hiện cảm xúc khiến con người phải ngạc nhiên. Chúng cũng biết giận hờn, buồn, vui, biết đùm bọc, yêu thương nhau, biết “hợp đồng tác chiến”, chia sẻ lợi ích, báo oán trả ân, ăn năn hối lỗi... Tất cả những điều đó buộc các nhà khoa học phải đặt câu hỏi: Phải chăng loài vật cũng có tâm hồn?

Nhà sinh vật học người Anh Richardson Witt trong cuộc đời nghiên cứu của mình đã không ít lần tận mắt chứng kiến những chuyện lạ lùng về thế giới động vật. Một lần, ông bắt gặp đàn quạ khoang đậu kín một bụi cây, vỗ cánh và rít lên những âm thanh chói tai. Khi đến gần, Richardson nhận thấy chúng đang vây quanh một con quạ khác đứng ủ rũ, gập đầu vào cánh, không dám ngẩng mặt lên. Cả đàn quạ thi nhau “rũa sả”, kết tội như một hình thức “xét xử trong dòng họ” hay “phiên tòa lưu động”.

Richardson Witt tiếp tục bí mật theo dõi và biết rằng

mình đoán không sai. Con quạ cô độc thỉnh thoảng ngẩng lên, len lén, mắt lộ rõ vẻ cầu khẩn. Vô ích, cả đàn quạ tiếp tục “lăng nhục”. Tiếp đó, con quạ lớn nhất có bộ vó rất dữ tợn chen vào giữa, kêu lên ba tiếng. Cả đàn im bật, con quạ khốn khổ kia bấy giờ mới dám kêu lên khe khẽ như thể “cầu cứu”. Con quạ đầu đàn lại kêu lên ba tiếng nữa, lập tức cả đàn xúm vào xâu xé, vặt lông kẻ tội đồ đến chảy máu.

Vô tình được mục kích trọn vẹn cuộc “xử tội” này, Richardson Witt rất ngạc nhiên và sửng sốt tuy ông không thể hiểu được lý do của “phiên tòa” ấy. Bởi vì từ trước đến nay, con người, ngay cả những người nghiên cứu về thế giới loài vật như ông, vẫn cứ cho rằng động vật không thể có tâm hồn hay tình cảm được, mặc dù nhiều loài đã biểu lộ óc thông minh sắc sảo, trí nhớ tuyệt vời và những hành động khôn ngoan đến khó tin. Con người luôn tự hào rằng mình là loài sinh vật duy nhất trên hành tinh biết suy nghĩ và có cảm giác. Richardson Witt cho rằng vấn đề này cần được xem xét lại, bởi đã có quá nhiều sự kiện đủ sức phản bác quan điểm truyền thống.

Trong tác phẩm *Cuộc sống tình cảm của động vật* (*The emotional lives of animals*), Marc Bekoff, chuyên gia về hành vi của động vật thuộc Đại học Colorado, Mỹ, đã thống kê được nhiều dẫn chứng về các sắc thái tình cảm vui mừng, đau buồn, giận dữ, yêu thương... của thế giới động vật mà ông có dịp chứng kiến. Marc Bekoff cho rằng, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy suy nghĩ

của động vật có thể ẩn chứa tình cảm tương tự như con người.

Câu “Con chim sắp chết cất tiếng hót bi ai” của người phương Đông là một tổng kết khái quát về cảm xúc của động vật trước khi từ giã cõi đời. Thợ săn châu Phi là những người chứng kiến nhiều nhất cảm xúc của các loài thú khi bị thương. Họ cho rằng gấu, hươu là những loài có tình cảm rõ rệt. Khi bị dồn vào bước đường cùng, chúng thường phản công dữ dội. Một khi bị trúng đạn, chúng thường “khóc” trước khi nhắm mắt. Hươu cao cổ cũng thường nhìn đám thợ săn với đôi mắt rất “ai oán” trước khi lìa đời. Nhiều thợ săn đã bị ám ảnh bởi đôi mắt của hươu cao cổ lúc ấy vì nó trông không khác gì mắt người.

Ông Nemrod, một nhà văn người Anh, kể về chuyến săn linh dương châu Phi của mình : “Tôi bóp cò, con vật ngã chổng vó, máu tuôn xối xả. Khi tiến lại gần, tôi định bồi thêm phát nữa thì chợt bủn rủn cả tay chân vì nhìn thấy đôi mắt của con linh dương nửa cảm hờn, nửa sững sốt. Tôi gác súng từ đó vì không bao giờ quên được hình ảnh ấy, nhất là đôi mắt đầm nước của nó”.

Có những chú voi bị bắn hụt sau hàng chục năm vẫn nhớ như in khuôn mặt kẻ đã nã đạn vào nó và tìm cách “ân đền oán trả”. Qua những hành động diu đồng loại bị thương, phun nước đào huyết, thả xác đồng loại xuống và lấy cỏ phủ lên, con người phải công nhận rằng voi đôi khi có những hành động khôn đến không ngờ. Trước khi từ giã người bạn quá cố, nó cũng khóc, đứng trầm mặc một

lúc với khuôn mặt thờ thẩn. Quả là không ngoa khi người ta nói voi là một trong những loài động vật thông minh nhất và có trí nhớ tốt nhất.

Bên cạnh sự căm thù, nhiều loài vật cũng biểu lộ sự hàm ơn và tìm cách trả ơn vì những gì con người đã làm cho chúng. Tháng 12/2005, một con cá voi cái dài 15m, nặng 50 tấn bị mắc lưới may mắn được một nhóm thợ lặn Na Uy giải cứu. Sau khi được tự do, “cô nàng” cọ mũi vào từng thợ lặn rồi bơi xung quanh - một cử chỉ mà theo các chuyên gia về cá voi là “sự giao tiếp khác lạ và hiếm thấy”.

Không chỉ có những xúc cảm tồn tại trong chốc lát, đời sống tâm hồn của loài vật đôi khi là quá trình với nhiều diễn biến phức tạp. Tại vườn thú London, nhà khoa học Jame Taylor đã vô cùng kinh ngạc khi nhận ra bầu không khí của một gia đình khỉ đầu chó lúc trời mưa. Hai vợ chồng thu mình vào góc chuồng, khỉ mẹ ấp chặt khỉ con vào lòng để che mưa. Lát sau, do cao hứng, khỉ con nhảy vào lòng bố rút lông bụng. Cáu tiết, khỉ bố nắm cổ “quý tử” và lăn ngay một phát ra giữa sân ướt nhẫy. Khỉ con chưa kịp tru tréo, khỉ mẹ đã nhào đến cắn cho chồng một phát nhớ đời rồi bế con vào chỗ có mái che.

Taylor kinh ngạc bởi trong xã hội khỉ đầu chó, con cái ít khi dám “láo” với con đực. Chưa xong, khỉ mẹ giận khỉ bố suốt hai tuần liền, nhe nanh cảnh cáo mỗi khi chồng mon men lại gần. “Chiến tranh lạnh” kéo dài và Taylor không khỏi bật cười thú vị khi thấy rõ thái độ chán nản

của khi bố, ra về “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”. Hành động đặc sắc cuối cùng để xóa bỏ hận thù là khi bố “hối lộ” vợ ba quả chuối thật to. Rõ ràng khi đầu chó không ngốc như ta tưởng mà có nhiều tình cảm và suy nghĩ giống như người.

Còn vô vàn thí dụ mà không thể kể hết ra đây. Động vật cũng biết giận hờn, căm thù, uất ức và tủi thân, biết bệnh nhau, trả nghĩa, trả thù, biết chia buồn, biết cùng vui... Vậy tại sao lại không thể nghĩ đó là tâm hồn của chúng?

Hiện tượng “ma ám” và thuyết đa nhân cách

Một ngày, Kate - cô gái da trắng - mắng chửi thậm tệ những ai coi cô là phụ nữ. Kate khẳng định cô là một chàng trai da đen và công khai đeo đuổi một cô gái cùng chỗ làm.

Kate là gái 100%. Cả bố mẹ, gia đình và những người biết cô đều khẳng định như vậy. Thậm chí cô đã có bạn trai được hơn 1 năm. Vậy mà một ngày kia, Kate khẳng khái phản đối khi có ai gọi và coi cô là phụ nữ. Cô tuyên bố mình là một chàng trai da đen và đeo đuổi một cô gái cùng chỗ làm.

Ban đầu, mọi người tưởng Kate bị đồng tính, nhưng lâu dần họ hiểu ra là không phải như vậy, bởi cô không dùng bất cứ một thứ trang phục phụ nữ nào và kiên quyết không chấp nhận chuyện mình... có kinh nguyệt hằng tháng. Kate còn đau khổ nghĩ rằng mối tình với cô gái kia không được chấp nhận chỉ vì mình là một người đàn ông da đen... Người nhà cho rằng Kate bị ma ám.

Một trường hợp tương tự: M. John là một chuyên gia trong ngành ngân hàng tại Washington DC. Anh có một mức lương lý tưởng, được sếp và đồng nghiệp tôn trọng, yêu mến.

Bỗng một buổi sáng kia, John đến ngân hàng, ngồi vào bàn của Mark - người phụ trách quỹ, giở sổ sách, máy tính ra và làm việc như một người quản lý quỹ thực thụ. Tất cả mọi người ngạc nhiên, bức bối và cuối cùng thống nhất đưa John ra kiểm điểm vì hành động vi phạm kỷ luật lao động của anh.

Thay vì ăn năn, nhận lỗi, John kiên quyết phủ nhận lỗi lầm của mình và nhạo báng mọi người rằng tại sao họ lại quên rằng anh đang là một người quản lý quỹ. Gần tháng sau, người đàn ông ấy lại trở về thành anh chàng John khi xưa, giỏi giang và hiền lành.

Hằng năm ở Mỹ, con số những người có biểu hiện như John hay Kate lên tới vài chục nghìn. Họ mang những đặc điểm rất giống nhau như: Cùng bị các rối loạn thể trạng và tâm lý. Khi vào “vai” nào đó, họ mang một nhân cách đặc biệt riêng, không hề giống với nhân cách vốn có hoặc những vai khác mà họ đã nhập. Sau khi “trở về”, họ không hề nhớ những chuyện đã xảy ra với mình trong khoảng thời gian bị “ma ám”.

Ban đầu, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng những người này bị rối loạn tâm lý hoặc có các tiền sử bệnh tâm thần trọng quá khứ, hoặc bị các thương tổn tâm lý mạnh. Nhưng các kết quả kiểm tra đều không đúng như vậy. Một số người khác cho rằng họ bị mất trí nhớ tạm thời, nhưng cũng không thuyết phục. Ngay cả ý kiến cho rằng họ mắc chứng hoang tưởng cũng bị bác bỏ.

Các nhà khoa học cho rằng những người như John và Kate không hề bị ma ám như dân gian gán cho mà thực chất họ bị chứng rối loạn đa nhân cách (Multi Personality Disorder - MPD), căn bệnh được Pierre Janet, một bác sĩ người Pháp, mô tả lần đầu ở thế kỷ 19.

Theo Janet, một người được coi là bị MPD khi có bốn triệu chứng:

- Có hai hoặc nhiều hơn trạng thái của các nhân cách thay nhau chi phối con người.
- Các nhân cách phải hoàn toàn riêng biệt, tương đối ổn định về nhận thức, quan hệ gia đình, xã hội, khả năng miêu tả thế giới xung quanh.
- Khi bị một nhân cách này chi phối, người bệnh có khả năng quên các thông tin quan trọng liên quan đến các nhân cách tiềm ẩn khác, đến mức không thể xem đó là chứng quên thông thường.
- Các rối loạn đó không phải do ảnh hưởng của thuốc hay hóa chất.

Nhưng đến tận năm 1957, công chúng mới biết đến bệnh trên nhờ bộ phim *Ba gương mặt của Eva*. Phim được xây dựng dựa trên câu chuyện hoàn toàn có thật, kể về một người vợ vốn rất "ngơ ngác" trong quan hệ vợ chồng bỗng trở nên hết sức quyến rũ nhưng lại không nhớ chút gì về tính cách trước đó của mình... Cô được các bác sĩ chẩn đoán mắc MPD.

Theo các nhà y học, bệnh nhân MPD phải chịu những diễn biến tâm lý hết sức phức tạp. Họ bị hai hay nhiều nhân cách thay nhau kiểm soát và chi phối, thậm chí có người có tới 37 nhân cách khác nhau. Cá biệt có những người bị giằng xé cùng một lúc bởi hai nhân cách hoàn toàn trái ngược. Theo một thống kê của Hội Tâm thần Mỹ, có tới 1% dân số Mỹ có biểu hiện MPD và khoảng 20% bệnh nhân đang điều trị thực chất là bị MPD.

Thuyết đa nhân cách

Các nhà khoa học cho rằng, con người ngay từ khi sinh ra đã mang trong mình nhiều “mầm nhân cách” khác nhau, giống như mang nhiều hạt giống. Hạt giống nào phù hợp với cơ thể, điều kiện sống và giáo dục thì sẽ phát triển trở thành nhân cách của con người. Khi ấy, họ “bỏ quên” các nhân cách khác kém hoặc không phát triển.

Tuy có quá trình “chọn lọc tự nhiên” như vậy nhưng những mầm nhân cách kia không bị mất đi hoàn toàn mà nấp ở đâu đó trong tiềm thức. Dưới một tác nhân nào đó, các nhân cách còn lại kia trỗi dậy, kiểm soát và đưa người ta vào chứng MPD.

Cách điều trị

Ban đầu, các bệnh nhân được điều trị bằng liệu pháp tâm lý nhưng phần đông không có đáp ứng tốt. Các biện

pháp thư giãn, vật lý trị liệu... và cả thuốc điều trị tâm thần cũng đều không có tác dụng. Một số bác sĩ còn dùng cả thuật thôi miên để kéo người bệnh ra khỏi trạng thái hỗn loạn, nhưng thất bại.

Một số nhà khoa học đưa ra phương pháp trị liệu độc chiêu: Cho bệnh nhân đối diện với những nhân cách của mình. Trong một cuộc thử nghiệm, họ để John sống cùng Mark và vợ con anh ta, cùng làm việc với Mark trong một phòng và cùng làm công việc của Mark. Kết quả là sau một thời gian đối diện với Mark, John bắt đầu hoài nghi sự tồn tại của chính mình, lâu dần anh lúng túng và trở về với nhân cách John.

Các bác sĩ cho rằng sở dĩ bệnh nhân có đáp ứng tốt với phương pháp điều trị này là vì về bản chất, trong mỗi con người chỉ có một nhân cách phát triển. Nhân cách này được bồi đắp, rèn luyện để trở nên bền vững, mạnh mẽ và riêng biệt. Những mầm nhân cách khác thường yếu đuối, èo uột nên nếu bị rối loạn, chỉ đủ sức chi phối người bệnh trong một thời gian ngắn.

Tuy nguyên nhân gây bệnh, cơ chế sinh bệnh mới chỉ là những giả thuyết nhưng các nhà khoa học cũng đã chứng minh được rằng, nếu có một lối sống lành mạnh, có một nhân cách mạnh mẽ, “cá tính”, biết tiếp thu thông tin một cách thông minh và tỉnh táo thì bạn có thể tự bảo vệ được mình trước chứng rối loạn đa nhân cách.

Con người có thực sự phát sáng?

Các nhà cận tâm lý cho rằng, mọi người và vật đều có khả năng phát hào quang, tuy nhiên có nhiều mức độ khác nhau và không phải ai cũng nhận ra điều đó.

Trong các họa phẩm cổ xưa đã xuất hiện người và vật có những vầng hào quang. Các vị thánh trong Kitô giáo, Phật giáo, và các đạo giáo khác đều được mô tả có hào quang tỏa sáng trên đầu. Đức Chúa ba ngôi lấp lánh hào quang, các vị Bồ tát đều phát quang minh, những đại tăng tu luyện lâu năm cũng tỏa sáng.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu theo trường phái cận tâm lý cho rằng, mọi người và vật đều có khả năng phát hào quang. Đó là một quầng sáng nhiều màu sắc bao bọc xung quanh cơ thể người hoặc vật, thể hiện một trạng thái năng lượng đặc biệt. Hiện tượng này có thể nhìn được bằng mắt thường, thông qua luyện tập, nhưng khả năng nhìn thay đổi theo tuổi tác.

Người ta chia hào quang ra thành Linh quang, Chính quang và 7 cấp năng lượng khác nhau. Hào quang có nhiều màu sắc. Khi tức giận, nó có màu đen hoặc đỏ thẫm. Người tu hành phát ra hào quang màu da cam. Màu sắc và cường độ của hào quang có liên quan đến sức khỏe.

Cũng theo các nhà cận tâm lý, thực vật phát ra các hào quang dưới dạng trường năng lượng, mạnh yếu tùy khả năng chịu đựng của chúng. Ví dụ như cỏ cây hoang dại có trường hào quang mạnh hơn những loài hoa trồng trong nhà, vì chúng có sức sống mãnh liệt hơn.

Máy chụp hào quang

Các nhà cận tâm lý cho rằng có rất nhiều các trường năng lượng khác nhau trong vũ trụ và trên thế giới. Trong khi đó, con người nếu không có sự hỗ trợ của khoa học kỹ thuật thì sẽ bị giới hạn bởi 5 giác quan thông thường. Vì thế, có nhiều hiện tượng tồn tại mà chúng ta không nhận ra, ví dụ như những bức xạ vũ trụ, bức xạ điện từ trường trái đất, các bức xạ nhân tạo như laser. Như thế, việc con người không nhận ra hào quang của vạn vật cũng là chuyện bình thường.

Vào năm 1939, một kỹ sư điện người Nga đã vô tình khám phá ra hiệu ứng về sau mang tên ông: Hiệu ứng Kirlian. Ông là thợ điện làm việc trong một bệnh viện. Một lần trong khi sửa chữa máy phát điện cao tần, Kirlian bị phóng điện nhưng không hề hấn gì. Ông đã tìm cách chụp hình một vật đặt trong điện trường cao áp và thu được kết quả là hình ảnh của vật đó trên phim có quầng hào quang xung quanh. Quầng sáng đó có những đặc điểm riêng phụ thuộc vào từng loại vật chất.

Khi bệnh viện được trang bị một máy phát điện mới,

Kirlian được phép dùng chiếc máy cũ để làm thí nghiệm. Ông đã tìm cách chụp nhiều loại vật chất khác nhau và làm cho hình ảnh hào quang của chúng ngày càng rõ nét, có hệ thống. Công việc tìm tòi của ông và các cộng sự đã gây được sự chú ý của nhà nước. Vào năm 1950, ông được cấp kinh phí để xây dựng phòng thí nghiệm hiện đại hơn. Những kết quả nghiên cứu của Kirlian đã gây được sự chú ý của giới khoa học trong và ngoài nước.

Cùng phát triển theo hướng của Kirlian, vào năm 1970, Georges Hadjo (Anh) đã phát minh ra máy chụp hào quang sinh học. Ông là một thợ chụp ảnh; và thay vì gắn một điện cực lên tấm phim theo phương pháp của Kirlian, ông đã gắn nhiều điện cực khác nhau lên vùng nào đó của cơ thể và chụp hào quang của hầu hết các bộ phận.

Các nhà khoa học tự nhiên cũng đã lý giải về hiện tượng những bức ảnh hào quang của người, động thực vật và đồ vật được ghi lại qua các phương pháp chụp khác nhau. Họ cho rằng, khi đặt một vật chất trong một điện trường cao áp thì sẽ xảy ra hiện tượng hấp thụ, tán xạ điện trường trên bề mặt của vật chất. Điều này dẫn đến thay đổi trị số điện trường (gần giống trường hợp ánh sáng khi va chạm vào đồ vật cũng bị hấp thụ và tán xạ).

Hình ảnh của điện trường chụp được trên phim chỉ phản ánh hiện tượng đó, và như thế không có nghĩa là vật chất phát ra hào quang. Nhưng mặt khác, các nhà khoa học tự nhiên đã không thể khẳng định được liệu có hay

không hiện tượng các vật chất phát ra những trường năng lượng sinh học đặc biệt.

Trong khi đó, những người ủng hộ trường phái “hào quang” đã tiếp tục phát triển các máy chụp hào quang thể hệ khác nhau, thậm chí họ bán đại trà ra công chúng. Họ tập hợp các bức ảnh hào quang một cách hệ thống và liên hệ nó với những ứng dụng y học, tâm lý học.

Đó cũng là cơ sở cho sự ra đời môn khám bệnh qua chụp hình hào quang, dựa vào sự phân bố “năng lượng” trên các bức hình để đánh giá tình trạng sức khỏe. Đại khái như, bệnh nhân nhiễm độc có hình ảnh vành năng lượng tách ra thể hiện sự suy thoái, bệnh nhân ung thư có vành năng lượng màu đen như than. Ở bệnh nhân tự kỷ, stress, sang chấn tâm lý, hình ảnh hào quang ở ngón tay đeo nhẫn sẽ rối loạn, phân tán, mù mờ, màu đỏ.

Tuy nhiên, các nhà khoa học cho rằng, chưa có bằng chứng nào cho thấy hiệu quả của việc khám, trị bệnh theo hiệu ứng Kirlian, nếu không muốn nói rằng đó là một phương pháp mơ hồ và chịu thiệt thòi vẫn là người bệnh. Cuộc giải mã hào quang của loài người đã trải qua hàng ngàn năm và vẫn đang tiếp diễn.

Người ba mắt có thêm khả năng “gọi hồn”

Không chỉ nhìn được bằng “con mắt thứ ba”, chị Hoàng Thị Thiêm, sống tại Lương Sơn, Hòa Bình, còn bộc lộ thêm những năng lực đặc biệt khác, mà gần đây nhất là khả năng gọi hồn (áp vong).

Tại Hội Liên hiệp Tin học Ứng dụng (UIA) chị Thiêm đang thử nghiệm về áp vong. Trung bình mỗi ngày, chị làm cho khoảng 4-5 gia đình. Gia đình bà Nguyễn Thị Ngoan, ở 140 Phạm Hồng Thái, Vũng Tàu, là một ví dụ.



Chị Thiêm đọc được sách khi bị bịt kín hai mắt, trước sự chứng kiến của các nhà khoa học. Ảnh: KH&ĐS.

Bà Ngoan có một người con gái tên là Nhật Hoa đã mất. Chị Hoa làm kế toán cho một công ty đăng kiểm hàng hải ở Vũng Tàu. Trong lần ra Hà Nội để thăm bạn bè và họ hàng, chị Hoa bị cảm và mất. Cái chết của chị làm bà Ngoan rất đau đớn. Sau khi biết UIA đang thử nghiệm khả năng gọi hồn, bà đã đăng ký tham gia. Người được đề cử để vong chị Nhật Hoa nhập vào là chị Hạnh, cháu bà Ngoan, người chăm sóc chị Hoa trong những ngày cuối cùng. Chị Thiêm đặt tay lên đầu chị Hạnh, lầm rầm khấn vài câu, chị Hạnh gần như mê đi và nói với mẹ, với người thân như lúc chị Nhật Hoa còn sống.

Chị nói với mẹ về một số kỷ niệm của hai mẹ con, nhắc mẹ chú ý giữ sức khỏe và dặn dò nhiều điều làm những người chứng kiến không khỏi rùng mình. Khi chị Thiêm bỏ tay ra khỏi đầu chị Hạnh, chị Hạnh dần trở lại trạng thái ban đầu. Sau thử nghiệm, chị cho biết: "Bản thân chẳng nhớ mình đã nói gì, chỉ có cảm nhận lơ mơ là cơ thể hơi tê tê".

Về "áp vong", tiến sĩ Chu Phác, Chủ nhiệm bộ môn Cận tâm lý, Trung tâm Nghiên cứu Tiềm năng Con người, cho biết: áp vong tức là gọi vong người đã khuất lên nhập vào người thân trong gia đình, từ đó gia đình có thể trò chuyện với người đã mất.

Trong thế giới tâm linh, có rất nhiều điều con người chưa khám phá được. Từ trước đến nay đã có nhiều người gọi hồn của người thân cho nhập vào bà đồng cốt và nghe

tâm sự của người thân. Năm 2000, tiến sĩ Chu Phác đã báo cáo về khả năng đặc biệt của chị Nguyễn Thị Phương ở Hàm Rồng, Thanh Hóa. Chị Phương sinh năm 1974 ở Hoằng Hóa, Thanh Hoá. Nhóm nghiên cứu đã dùng phương pháp đo của tâm lý học hiện đại cũng như phương pháp đo ngoại cảm của tiến sĩ Hans Eysenck và Carl Sargent, giáo sư tại Đại học Cambridge (Anh) và các phương pháp tiếp cận khác.

Tất cả gia đình đến thử nghiệm đều không báo cho chị Phương tên mình và tên vong cần mời, các gia đình chỉ cần thắp hương mời vong về. Khi vong của gia đình nào về, chị Phương báo cho gia đình đó vào nhận vong. Thực tế thì gần như các trường hợp chị Phương đều mời được vong về, có sự xác nhận của người thân trong gia đình.

Từ kết quả nghiên cứu này, theo ông Chu Phác, còn rất nhiều điều chưa lý giải nổi, vong được coi là vật chất mù, ở thế giới đó chúng ta chưa khám phá hết. Việc áp vong của chị Thiêm cũng là trường hợp đặc biệt, cần nhiều thời gian để nghiên cứu hơn mới được khẳng định.

Cũng với cách áp vong của chị Thiêm, qua chị, các nhà khoa học tiếp tục thử nghiệm tìm mộ liệt sĩ bằng cách mời vong lên nói chuyện. Một số ca đã về quê xác định và thấy đúng có liệt sĩ thật. Tuy nhiên, số mộ chị Thiêm tìm được còn ít nên chưa có cơ sở khẳng định khả năng này.

Ông Vũ Thế Khanh, Tổng giám đốc UIA, cho biết, qua

những khả năng đặc biệt của chị Thiêm, sắp tới đây UIA sẽ tổ chức kiểm chứng bằng phương pháp vật lý. Cụ thể, sẽ đưa máy đo nhập từ nước ngoài về để đo nhiệt độ cơ thể của những người được áp vong. Nếu theo logic, khi vong nhập về thì nhiệt độ cơ thể người được áp vong sẽ giảm đột ngột trong một khoảng thời gian rất ngắn, lúc đó cơ thể họ cảm thấy hơi tê tê. Khi chưa có máy, UIA đã ghi nhận được một số trường hợp vong nhập về nói tiếng Nga, Trung Quốc... (thực tế những người đến áp vong không nói được ngôn ngữ này).

Thế giới bí ẩn của những người “nghe” màu

Một người đàn ông trung niên khẳng định từ khi còn bé đã nhìn và nghe từ bằng... màu sắc. Chẳng hạn chữ “hai” có màu xanh lơ, số “2” màu vàng, số “3” màu hồng và chữ “giao thông” là pha trộn giữa xanh lơ và nâu. Có người cho ông là mất trí. Nhưng xem ra, điều ông nói chính là những gì ông thật sự thấy.

Trong nhiều tháng thử nghiệm, khi được các nhà khoa học yêu cầu nói tên màu mà ông nhìn thấy trên một số chữ in, người đàn ông này đều khẳng định trước sau như một cảm giác của mình.

Ông chỉ là một trong số ít người có thể “nghe” màu, “sờ” âm thanh hay “nắm” hình dạng, thậm chí có thể nhìn thấy các màu sắc khác nhau đi kèm với một chữ hoặc số nào đó. Các nhà khoa học gọi đây là hội chứng “cảm giác thứ phát”. Theo định nghĩa chính thức, hiện tượng này là sự nhận thức mà trong đó các con số, ký tự và từ ngữ có những màu sắc riêng biệt.

Nghiên cứu của Đại học Vanderbilt (Washington, Mỹ) cho biết, bộ não của những người mắc hội chứng này có một chút khác biệt so với phần đông còn lại, và kết quả là làm thay đổi cách thức xử lý thông tin của họ. Ước tính,

cứ trong 2.000-25.000 người thì có một người mắc phải, và phụ nữ thì hay gặp hơn đàn ông.

Từ những câu trả lời của người có hội chứng này, các bác sĩ xác định rằng cảm giác thứ phát diễn ra ở khâu trung tâm trong quá trình xử lý thông tin thị giác, sau khi hình ảnh thu thập từ hai mắt kết hợp với nhau.

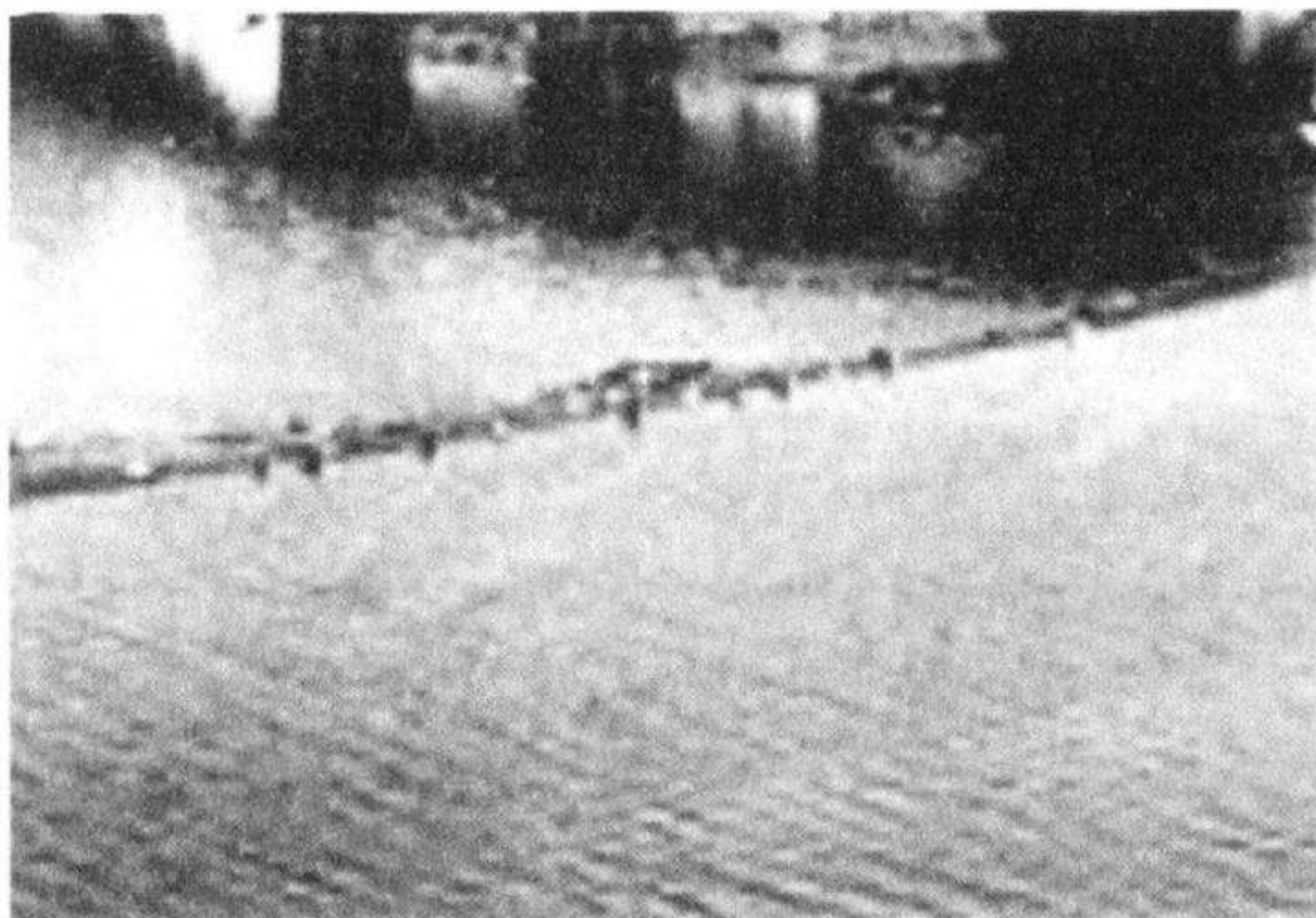
Bằng cách nào hiện tượng đó có thể xảy ra? Không ai biết chắc, nhưng kết quả nghiên cứu trên đường như ủng hộ giả thuyết của Vilayanur Ramachandran, Đại học California. Theo đó, cảm giác thứ phát hình thành do các liên kết đan xen nhau hết sức tinh vi diễn ra trong não. Những vùng não đặc biệt sẽ xử lý thông tin về những khía cạnh khác nhau của cùng một sự vật được nhìn thấy, như màu sắc, hình dáng hay chuyển động.

Các bản đồ não chỉ ra rằng trên não có một vùng màu cơ bản nằm liền kề với vùng điều khiển số và ký tự. Một vùng màu khác lại nằm ngay cạnh vùng xử lý thông tin thính giác. Nếu neuron trong những vùng này đan xen dày đặc hơn hoặc liên kết với nhau mạnh hơn bình thường, thì người ta sẽ nhìn thấy các từ vựng, số và nghe âm thanh với những màu sắc khác nhau.

Ảo giác dòng nước chảy

Đang nhìn một dòng nước chảy xiết, nếu đột ngột đảo mắt qua một vật thể đứng im, bạn sẽ thấy nó chuyển động về hướng ngược lại. Hiện tượng này là “ảo giác dòng nước chảy”, được phát hiện gần 100 năm trước, nhưng người ta vẫn chưa giải thích được nguyên nhân.

Trong một nghiên cứu não bộ được công bố mới đây, Tiến sĩ Alexander C. Huk, Đại học Washington, Seattle (Mỹ), tuyên bố đã khám phá ra bí mật của hiệu ứng sau chuyển động: Vấn đề nằm ở sự mất thăng bằng trong hoạt động của các neuron thần kinh.



Rời mắt khỏi dòng nước, bạn sẽ thấy tất cả chuyển động về hướng ngược lại.

Huk đã làm một thực nghiệm trên 5 người đàn ông từ 25 đến 39 tuổi. Ông dùng kỹ thuật đo từ tính để xác định hoạt động não bộ, khi những người này đột ngột dừng quan sát một dòng nước chảy về phía đông để hướng vào quan sát một quả bóng đứng im.

Để giải thích kết quả thử nghiệm, Huk chia các neuron thần kinh thành hai loại: định hướng chuyển động hướng đông (loại A) và định hướng chuyển động hướng tây (loại B).

Ông để ý thấy rằng, khi một người nhìn dòng nước chảy về hướng đông, các neuron loại A hoạt động mạnh, trong khi các neuron B gần như ngủ. Tuy nhiên, nếu người đó nhìn lâu vào dòng nước, các neuron A sẽ có biểu hiện “chùng xuống”, vì chúng đã quen với chuyển động này. Đến một lúc nhất định (khoảng 3 phút), các neuron A sẽ trở về trạng thái cân bằng (động) so với các neuron B (ngủ). Đó là trạng thái cân bằng A-B.

Khi người này đột ngột rời mắt khỏi dòng nước, hướng vào quả bóng đứng im thì trạng thái cân bằng A-B bị phá vỡ. Lúc này, vận tốc tương đối của quả bóng so với dòng nước tăng lên bất ngờ về hướng ngược lại, khiến cho các neuron B của người quan sát sức tỉnh. Điều này dẫn tới sự mất thăng bằng giữa các neuron B và A. Các neuron B hoạt động mạnh hơn, vì vậy sau khi rời mắt khỏi dòng nước, bạn sẽ thấy cảnh vật bên bờ chuyển động về hướng ngược lại. Đó chính là sự thấy ảo (chứ không phải thật, vì quả bóng thực tế không chuyển động).

Trong thực nghiệm, các nhà khoa học còn phát hiện thêm một điều nữa: Hiệu ứng neuron thay đổi theo mức độ tập trung của người quan sát. Khi người ta tập trung càng cao thì hiệu ứng này sẽ càng lớn.

Những bí ẩn khoa học vui

Nếu hai cô gái sinh đôi cùng trứng kết duyên với hai chàng trai cũng ra đời từ một bào thai, liệu con của họ có giống nhau?

Các cặp sinh đôi cùng trứng té ra lại hay kết đôi với nhau nhiều hơn ta tưởng, tạo thành cái gọi là những cuộc hôn nhân “bộ tứ”. May mắn thay cho hầu hết chúng ta, kết quả tình duyên của họ không phải là các thế hệ nhân bản.

Thực tế, cơ hội để những đứa con của hai cặp sinh đôi cùng trứng giống hệt nhau là bằng không, nhà nghiên cứu gene Rob Martienssen từ phòng thí nghiệm Cold Spring Harbor ở New York, cho biết:

“Cách duy nhất để tạo ra những đứa trẻ giống hệt nhau là phải có một trứng duy nhất phân tách làm hai phôi giống nhau trong tử cung. Nhưng, vì những đứa con của cặp hôn nhân bộ tứ được sinh ra trong các tử cung khác nhau, nên chúng không thể trải qua quá trình nhân đôi này.”

Với bất kỳ đứa trẻ nào, phôi sẽ nhận được tổ hợp gene ngẫu nhiên của bố và mẹ. Và ngay cả ở cặp hôn nhân bộ tứ mà các ông bố bà mẹ tương ứng có gene giống hệt nhau, thì cũng không có cơ hội để các tập hợp gene đó (quy định các đặc điểm như màu mắt và chiều cao) giống

hệt nhau ở mỗi lứa. Vì thế, những lứa trẻ này sẽ giống nhau ở mức độ không khác gì so với những cặp anh em ruột sinh ra bởi một cặp bố mẹ không phải là song sinh.

Tất nhiên ban đầu các cặp song sinh cùng trứng là giống nhau như đúc. Nhưng khi họ già đi, một nhóm hoá chất nhỏ đã được bổ sung vào bộ gene của họ, trong quá trình có tên gọi là methylation. Mặc dù các nhà khoa học chưa quan sát được hiện tượng thừa kế cấu trúc methylation ở người, nhưng các nghiên cứu đã cho thấy điều này có thể xảy ra ở chuột. Và ở thời điểm các cặp song sinh này có con, mã di truyền của họ không còn giống nhau hoàn toàn nữa. Nói cách khác, ngay cả các cặp sinh đôi cùng trứng cũng không thực sự giống nhau.

Động vật mơ thấy gì? Các nhà khoa học phát hiện thấy, cũng như con người, khi ngủ, não động vật “tua” lại những gì chúng đã trải qua trong ngày.

Khi Spot dận đôi chân mình trong một cuộc chạy đua vô ích tới nơi vô cùng khi đang say ngủ, có lẽ anh đang hồi tưởng lại trò chơi ưa thích hồi sáng hay những lần cố gắng gần đây nhất đuổi bắt một chú sóc. Các nhà khoa học phát hiện thấy, cũng như con người, những điều diễn ra trong não của động vật khi chúng đang ngủ phản ánh lại những việc chúng đã làm trong ngày đó.

Trong phòng thí nghiệm tại Viện Công nghệ

Massachusetts, Mỹ, nhà khoa học thần kinh Matthew Wilson và cộng sự đã cấy điện cực vào não chuột để ghi lại những gì diễn ra khi chúng ngủ. Đầu tiên, Wilson quan sát hoạt động não chuột khi chúng chạy qua một mê cung và sau đó là lúc chúng bắt đầu ngủ.

Kết quả là, những phản ứng ở cấu trúc đồi thị trong não (vùng chịu trách nhiệm chính cho việc hình thành hồi ức) tương đồng với mô hình được ghi nhận như khi chúng ở trong mê cung. Cùng thời điểm đó, vùng vỏ não thị giác đáp ứng với tần số tương tự, chứng tỏ chú chuột đang ngủ không chỉ nhớ lại cách nó đã hồi hải đi qua mê cung như thế nào, mà còn những gì đã nhìn thấy - tất cả đều theo thứ tự đã xảy ra.

Nhưng mê cung không phải là thứ duy nhất chuột mơ thấy. Nhóm của Wilson còn ghi lại được nhiều hoạt động não không xác định, mà họ cho là ký ức của những lần chúng “nghỉ ngơi” ở trong chuồng hay đang tán gẫu với các anh bạn khác.

Việc “tua” lại các sự kiện trong ngày, theo Wilson, có thể là cách để động vật và con người rút kinh nghiệm, và từ đó có được những chọn lựa tốt hơn trong tương lai.

Vì sao bé trai và bé gái ấu dả theo cách khác nhau? Khoa học vẫn chưa hoàn toàn giải thích được tại sao các bé trai thường đấm nhau trong khi các bé gái lại giật tóc nhau. Mặc dù vậy, trong sân đấm bốc, kiểu đánh nhau này lại mang đến lợi thế, ít nhất nếu các đối thủ là ruồi giấm.

Edward Kravitz, giáo sư sinh học thần kinh tại Trường Y Harvard, đã xác định được một gene kiểm soát những mọo đánh nhau của ruồi giấm đực và cái.

Để kích hoạt các cuộc ẩu đả cùng giới này, Kravitz đưa ra các phần thưởng hậu hĩ: men cho con cái, và với con đực là đặc quyền được ve vãn một cô nàng không đầu.

Đúng như dự đoán, các anh chàng đánh nhau dữ dội hơn. Chúng nhào tới và sau đó chồm lên để tung ra những cú đá bằng chân trước. “Nếu quay chậm cảnh này, bạn sẽ thấy những con đực chỉ đánh ngã đối phương”, Kravitz nói. Trong khi đó, các nàng xô đẩy và húc đầu vào nhau, một kiểu tấn công tao nhã hơn nhưng không kém phần hiệu quả.

Phải chăng sự khác biệt trong cách đánh nhau là hành vi học hỏi, hay đã được quy định trong gene? Để tìm hiểu điều này, Kravitz đã cấy gene liên quan đến những hành vi đi kèm giới tính của con đực (như sự ve vãn của giống đực) lên các con cái và cấy gene cái lên các con đực. Sau khi có sự hoán đổi gene này, các anh chàng ẩu đả như những con cái, còn các cô nàng lại chọn kỹ thuật đánh nhau vốn là của con đực. Đây là bằng chứng đầu tiên cho thấy sự hung hăng ở ruồi giấm là do gene kiểm soát, gắn với giới tính cụ thể.

Tuy nhiên, nghiên cứu của Kravitz không suy diễn ngay ra con người, vì chúng ta không có một gene tương ứng như kiểu của ruồi giấm. Ngoài ra, các nhà khoa học cũng nhất trí rằng sự tiếp xúc với testosterone lúc đầu đời

có lẽ chịu trách nhiệm về bản tính hung hăng của con người, tùy theo cấp độ tiếp xúc nhiều hay ít.

Chụp ảnh cả lớp thời tiểu học luôn là một thách thức, bởi thông thường trên ảnh sẽ có một nửa số trẻ trông như đang ngủ, với khuôn mặt trông như đang mơ màng. Làm thế nào để chụp ảnh nhóm mà không ai nhắm mắt?

Nản lòng với vô số chân dung mình đang nhắm mắt trong các bức ảnh, một nhân viên truyền thông tại CSIRO (Viện Khoa học Quốc gia Australia) đã tranh thủ sự giúp đỡ của nhà vật lý Piers Barnes để phát triển một công thức toán học, nhằm tính số bức ảnh phải chụp cả nhóm người để có được một bức mà không ai nhắm mắt.

Barnes đã tính ra số ảnh phải chụp là $1/(1-xt)^n$, trong đó:

- (x) là số lần nháy mắt trung bình của một người trong mỗi giây.
- (t) là tốc độ của màn trập camera cộng với thời gian một cái chớp mắt trung bình.
- (n) là số người trong nhóm.

Khi chụp ảnh, bạn chỉ cần lắp công thức và cho ra kết quả.

Vì hầu hết các nhiếp ảnh gia không thể thực hiện ngay các bài đại số phức tạp trong đầu, Barnes đã chọn một công thức dễ tính hơn để tìm ra số ảnh phải chụp đối với

một nhóm ít hơn 20 người: Trong điều kiện ánh sáng tốt, chia số người đó làm 3; trong điều kiện tối trời, chia con số đó làm 2.

Với những nỗ lực này, Barnes và Nic Svenson đã đoạt giải Ig Nobel 2006 - một giải thưởng hằng năm cho những nghiên cứu khoa học vô bổ - về toán học. Mặc dù thuật toán này không đoạt giải Nobel thật, song thực ra bạn vẫn có thể sử dụng nó.

Âm thanh gì đáng sợ nhất? Tiếng khoan răng dai dẳng của một nha sĩ? Tiếng violon ken két của cậu học sinh chập chững vào nghề? Tất cả đều không phải là thứ âm thanh ghê tởm nhất, theo một nhà nghiên cứu Anh.

Nhóm nghiên cứu, dẫn đầu bởi kỹ sư âm học Trevor Cox từ Đại học Salford, đã tải xuống 34 loại âm thanh trên trang web sound101.org và yêu cầu người nghe đánh giá mỗi âm thanh theo thang điểm từ 1 (không tệ) đến 6 (xọc-vào-tai-ghê-tởm).

Với hơn 1,6 triệu người bình chọn, câu trả lời đúng cho tất cả các nhóm tuổi và các nền văn hóa: Không có gì tệ hơn là âm thanh ai đó đang nôn ọe.

Vì sao người ta lại căm ghét nó đến vậy? “Nếu ai đó đang ho hoặc ói mửa, tiềm thức bảo rằng người đó đang mang bệnh, và vì vậy chúng ta nên tránh xa - đó là một cơ chế sinh tồn”, Cox cho biết.

Cà chua mọc... tai thỏ

Ba quả cà chua có hình dáng giống hệt chiếc đầu thỏ đã nhanh chóng nổi tiếng khắp Nhật Bản, sau khi một bà cụ 75 tuổi ở tỉnh Fukuoka phát hiện ra chúng trong vườn rau nhà mình.

Phần "mặt thỏ" tròn xoe có đường kính chừng 5cm, trong khi đôi tai dài xấp xỉ 3-4cm. Cụ bà trồng rau đã



phát hiện ra ba "con thỏ" này vào một ngày cuối tháng 7, sau đó cô con dâu của cụ đã cất chúng trong tủ lạnh và gọi mọi người đến xem

Ngày nào cũng có khách đến chiêm ngưỡng và chụp ảnh "cà chua thỏ". Ai cũng khen chúng đáng yêu và tất nhiên, chẳng ai nỡ làm món salad với những "chú thỏ" dễ thương nhường này.

“Biết bay” không còn là viễn tưởng

“Làm cho các vật siêu nhỏ bay lên được là hoàn toàn có thể, bằng cách đảo chiều một hiện tượng quen thuộc”, các nhà vật lý tuyên bố.

Các nhà vật lý lý thuyết Anh cho biết họ có thể tạo ra “hiệu ứng bay lên khó tin” bằng cách lợi dụng lực Casimir.

Thông thường, lực này khiến cho các vật thể dính vào nhau ở cấp độ lượng tử. Nhưng khi đảo chiều nó lại khiến các vật đẩy nhau ra.

Hiện tượng này có thể được ứng dụng để cải tiến tính năng của các thiết bị cá nhân như túi khí trong xe hơi hay các chip máy tính. Giáo sư Ulf Leonhardt và tiến sĩ Thomas Philbin từ Đại học St Andrews cho biết.

Lực Casimir, được phát hiện năm 1948 nhưng mãi đến năm 1997 mới đo được chính xác. Một ví dụ của loại lực này là tắc kè với khả năng bám dính vào tường chỉ bằng một ngón chân.

Tuy nhiên trong công nghệ nano, lực bám dính này lại có thể là một trở ngại. “Lực Casimir là nguyên nhân chủ yếu gây ra ma sát ở cấp độ nano (phần tỉ mét), đặc biệt là trong vài hệ thống điện cơ kích cỡ micro mét”, Leonhardt nói.

“Các máy móc kích cỡ nano hoặc micro mét có thể chạy êm hơn khi lực ma sát bằng không hoặc rất nhỏ nếu người ta có thể điều khiển được lực đó”, ông nói.

“Để giảm được ma sát trong công nghệ nano, việc biến lực dính của tự nhiên thành lực đẩy có thể là giải pháp tối ưu. Thay vì dính vào nhau, các phần của máy móc tí hon sẽ bay lên”.

Làm thế nào?

Mặc dù các nhà vật lý không chứng minh được hiện tượng bay lên, song họ cho biết đã tìm ra cách để làm điều đó.

Theo tính toán của họ, một thấu kính “hoàn hảo” có chỉ số khúc xạ âm đặt giữa hai bề mặt có thể khiến các bề mặt này đẩy nhau.

Thấu kính “hoàn hảo” có thể hội tụ một hình ảnh với độ phân giải không bị giới hạn bởi bước sóng ánh sáng. Mặt khác, thấu kính có chỉ số khúc xạ âm sẽ bẻ cong ánh sáng theo hướng ngược lại với vật liệu thông thường. Kết hợp hai đặc tính này sẽ làm thay đổi trường điện từ xung quanh hai bề mặt, tạo ra một lực đẩy đủ mạnh để nhấc một chiếc gương có độ dày 500 nano mét.

Leonhardt nhấn mạnh rằng lực nâng này sẽ chỉ ứng dụng được với các vật thể tí hon, mặc dù về nguyên tắc một ngày nào đó nó có thể dùng để nâng con người, song ngày đó sẽ còn rất xa.

“Còn hiện tại, câu chuyện về người biết bay vẫn chỉ là đề tài của các phim hoạt hình, các câu chuyện thần tiên hoặc huyền bí”, ông nói.

Mười điều kỳ lạ nhất của vũ trụ

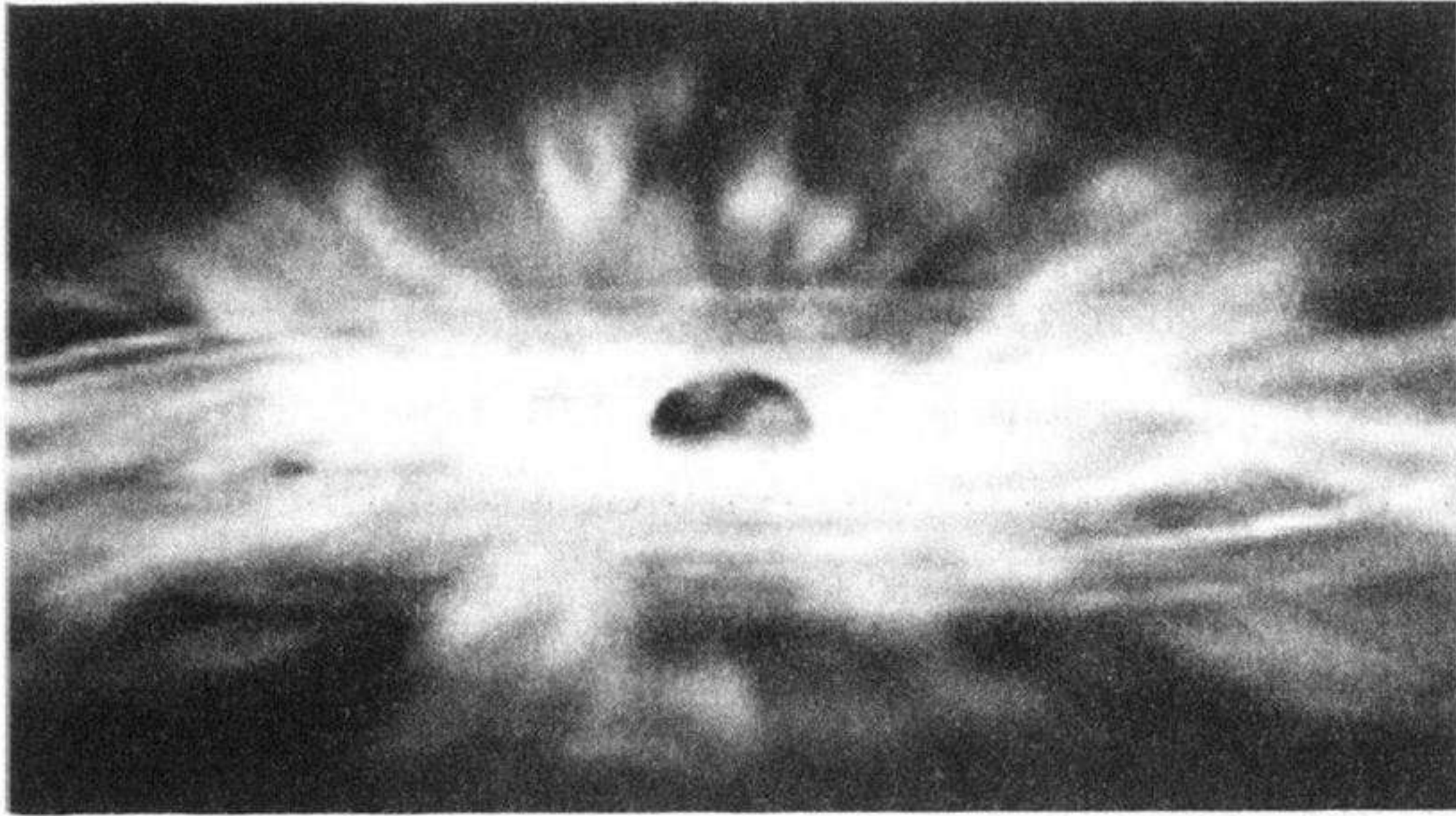
Lỗ đen có kích thước tương đương hạt nhân nguyên tử, thiên hà “ăn thịt”, những hạt vật chất có khả năng đâm xuyên qua lớp chì dày hàng chục km chỉ là vài trong số những phát hiện gây sốc nhất về không gian bên ngoài trái đất.

Đối vật chất

Giống như siêu nhân hay người dơi, các phân tử cấu thành nên vật chất luôn có những phiên bản đối nghịch với chúng. Chẳng hạn, một electron có điện tích âm, nhưng đối vật chất của nó, positron, có điện tích dương. Vật chất và đối vật chất hủy diệt lẫn nhau khi va chạm và khối lượng của chúng biến thành năng lượng theo công thức $E=mc^2$ của Einstein. Trong tương lai, một số tàu vũ trụ sẽ được trang bị động cơ đối vật chất.

Những lỗ đen siêu nhỏ

Nếu một lý thuyết mới về lực trọng trường được chứng minh là đúng thì có thể nói rằng, nằm rải rác trong Hệ Mặt trời của chúng ta là hàng chục nghìn lỗ đen siêu nhỏ,



*Hàng vạn "lỗ đen mini" như thế này đang nằm rải rác trong Hệ Mặt trời.
Ảnh: space.com.*

mỗi cái có kích thước chỉ bằng hạt nhân nguyên tử. Không giống như lỗ đen khổng lồ mà người ta thường nói đến, lỗ đen siêu nhỏ là tàn dư của vụ nổ lớn (Big Bang) - sự kiện được cho là khai sinh ra vũ trụ. Chúng tác động tới không-thời gian theo một cách thức hoàn toàn khác với lỗ đen khổng lồ do có mối liên hệ với chiều thứ năm trong không gian.

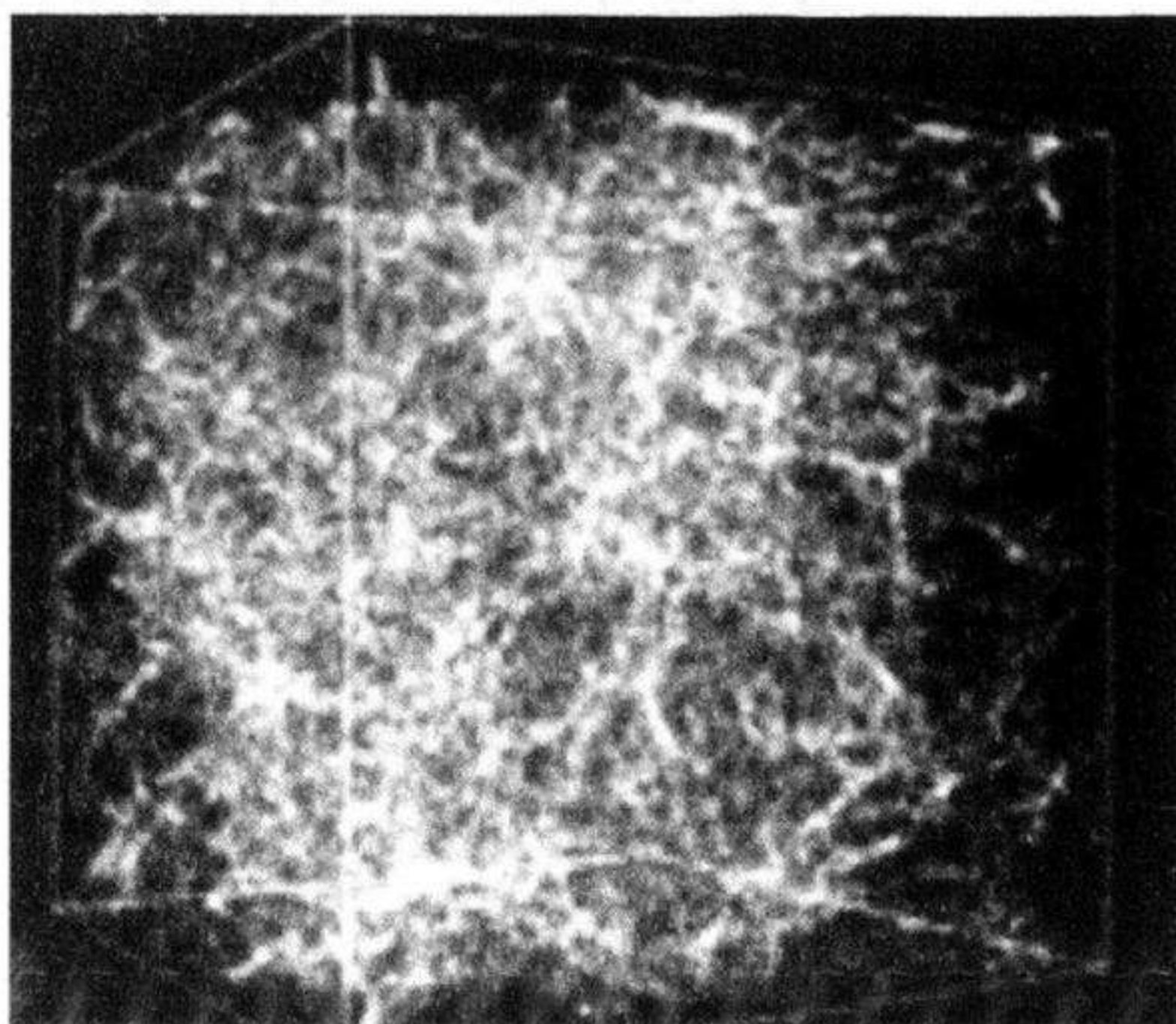
Bức xạ tàn dư của vũ trụ

Được biết đến với ký hiệu CMB (Cosmic Microwave Background), loại bức xạ này là những dạng vật chất đầu tiên được sinh ra từ vụ nổ lớn Big Bang. Năm 1964, hai nhà khoa học Arno Penzias và Robert Wilson thuộc một viện nghiên cứu của hãng Bell Telephone, khi cố gắng

giảm tiếng ồn ở một ăngten để có thể liên lạc tốt hơn với vệ tinh Echo, đã bất ngờ phát hiện ra những chùm sóng nhiều tới từ vũ trụ. Ngay trong năm đó, nhiều nhà khoa học đã xác định rằng các sóng đó chính là bức xạ tàn dư của vụ nổ lớn. Những nghiên cứu mới nhất cho thấy nhiệt độ của CMB vào khoảng -270 độ C. CMB còn được gọi bằng một tên khác: bức xạ phông vi sóng vũ trụ.

Vật chất đen

Các nhà khoa học nghĩ rằng vật chất đen chiếm phần lớn lượng vật chất trong vũ trụ. Nhưng ngay cả khi có được các công nghệ hiện đại nhất, họ vẫn chưa thể chứng minh được giả thuyết đó. Người ta cho rằng các hạt neutrino siêu nhẹ và những lỗ đen không nhìn thấy chính

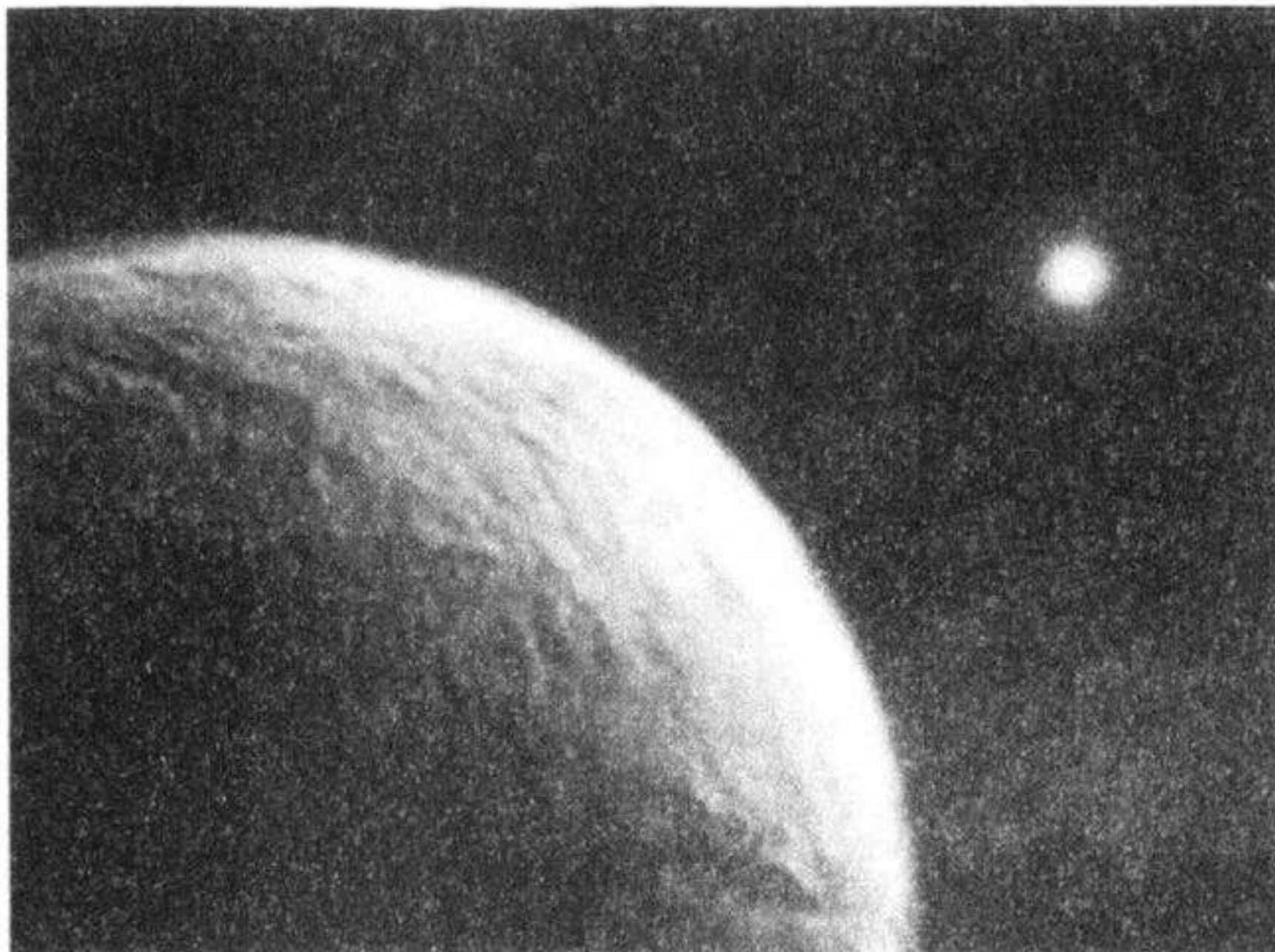


Vật chất đen. Ảnh: space.com.

là một phần của vật chất đen. Mặc dù vậy, nhiều nhà thiên văn học vẫn nghi ngờ về sự tồn tại của nó. Họ cho rằng những bí ẩn xung quanh vật chất đen chỉ có thể được giải thích khi chúng ta hiểu rõ hơn về lực trọng trường.

Ngoại hành tinh

Cho đến tận đầu những năm 1990, giới thiên văn học mới chỉ biết đến những hành tinh có cấu tạo và quỹ đạo tương tự những hành tinh trong Hệ Mặt trời. Nhưng kể từ đó tới nay, các nhà khoa học đã phát hiện được 209 hành tinh nằm ngoài Hệ Mặt trời. Được gọi là ngoại hành tinh, những thiên thể này có cấu tạo đa dạng. Chúng có thể là những đám bụi khí lớn có khối lượng không đáng kể cho



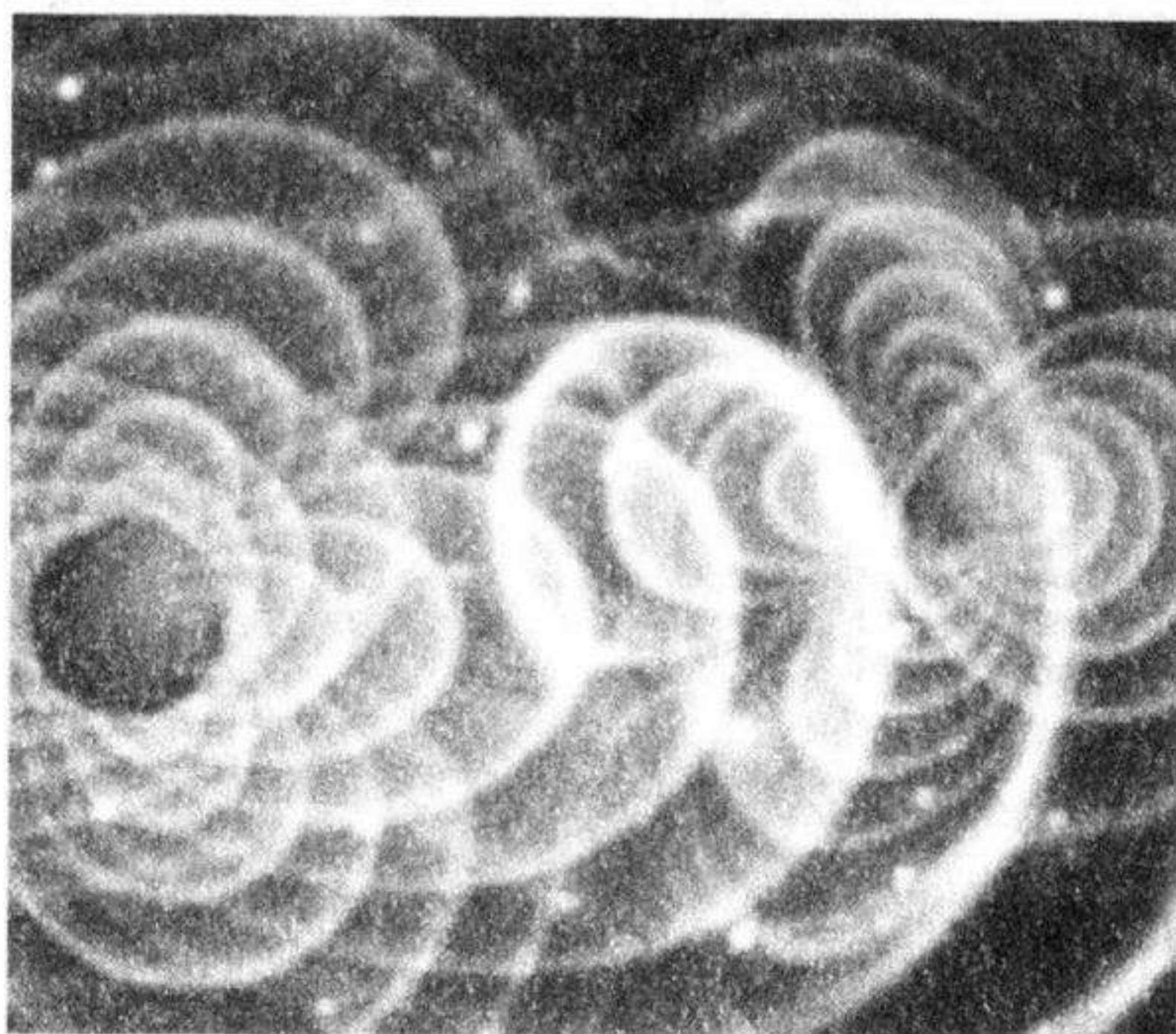
*Một ngoại hành tinh nằm ngoài Hệ Mặt trời.
Ảnh: space.com.*

tới một quả cầu đá khổng lồ quay quanh những ngôi sao lùn đỏ. Tuy nhiên, nỗ lực tìm kiếm một hành tinh giống hệt Trái đất vẫn chưa mang đến bất kỳ kết quả khả quan nào. Nhìn chung, các nhà thiên văn học tin rằng những công nghệ tương lai sẽ giúp con người tìm ra những hành tinh giống như Trái đất.

Sóng trọng trường

Ngay từ năm 1916, nhà vật lý thiên tài Einstein đã tiên đoán về sự tồn tại của sóng trọng trường trong thuyết tương đối tổng quát của ông. Theo định nghĩa của Einstein, sóng trọng trường là những nhiễu loạn hình học của không-thời gian lan truyền với tốc độ ánh sáng.

Về nguồn phát sinh, có giả thiết cho rằng những thiên thể nặng và di chuyển nhanh có thể phát ra sóng trọng



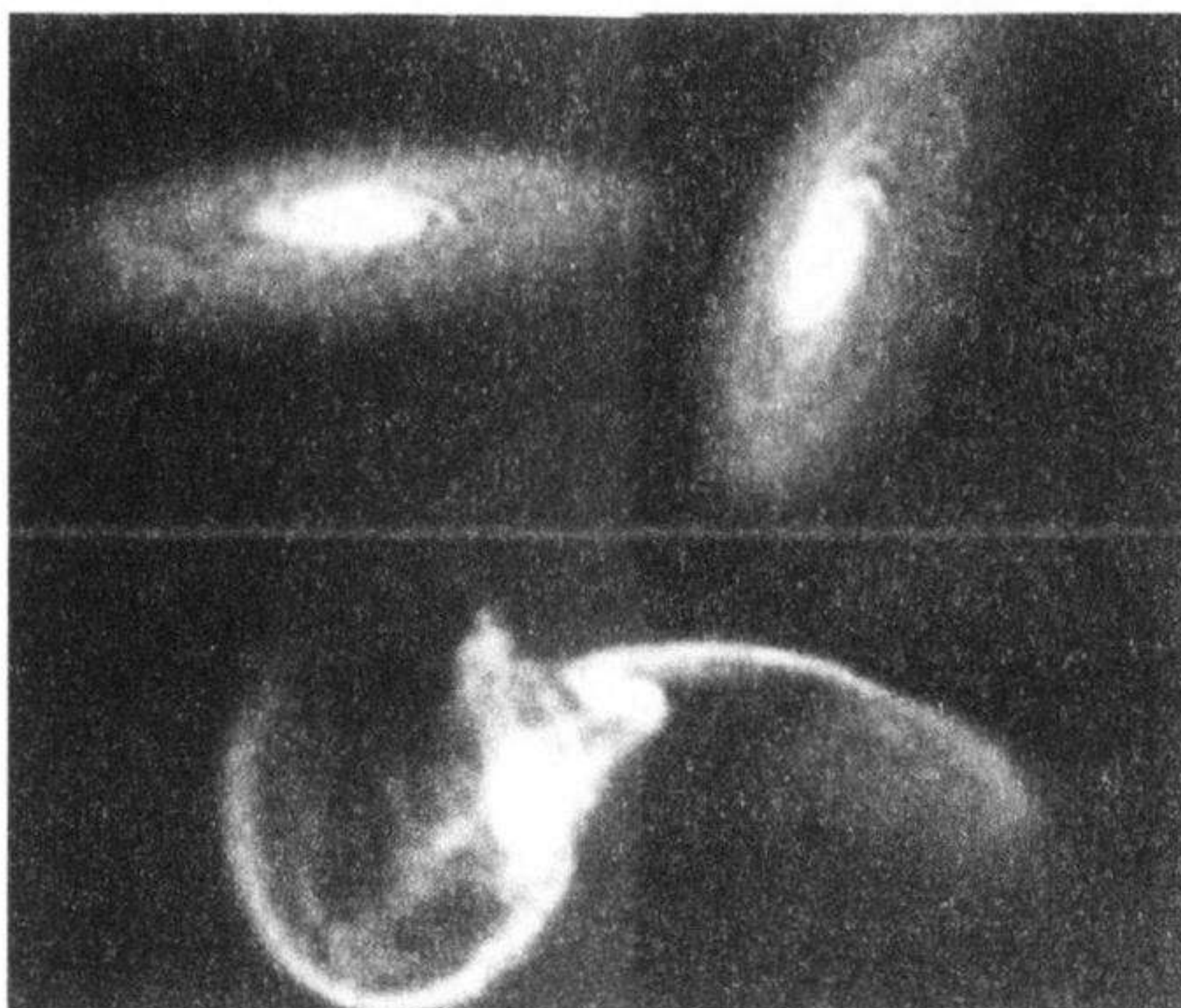
Về hình dạng,
sóng trọng trường
không khác gì sóng
trên mặt nước.
Ảnh: space.com

trường, giống như hiện tượng phát sóng điện từ của các hạt mang điện. Tuy nhiên, có người lại cho rằng chỉ có những vật thể không có dạng hình cầu mới phát sóng trọng trường. Do sóng trọng trường rất yếu nên các nhà khoa học không thể tạo ra nó trong phòng thí nghiệm. Họ buộc phải trông chờ vào những sự kiện dữ dội trong vũ trụ, chẳng hạn như sự sáp nhập của hai lỗ đen hay hai ngôi sao neutron, mới có thể đo đạc được loại sóng này.

Những “kẻ ăn thịt” trong vũ trụ

Giống như những sinh vật trên Trái đất, các thiên hà có thể “ăn” lẫn nhau và nhờ đó mà chúng tiến hóa. Andromeda, thiên hà nằm sát dải Ngân hà, đang trong quá trình nuốt chửng nhiều vệ tinh của nó. Hơn một chục

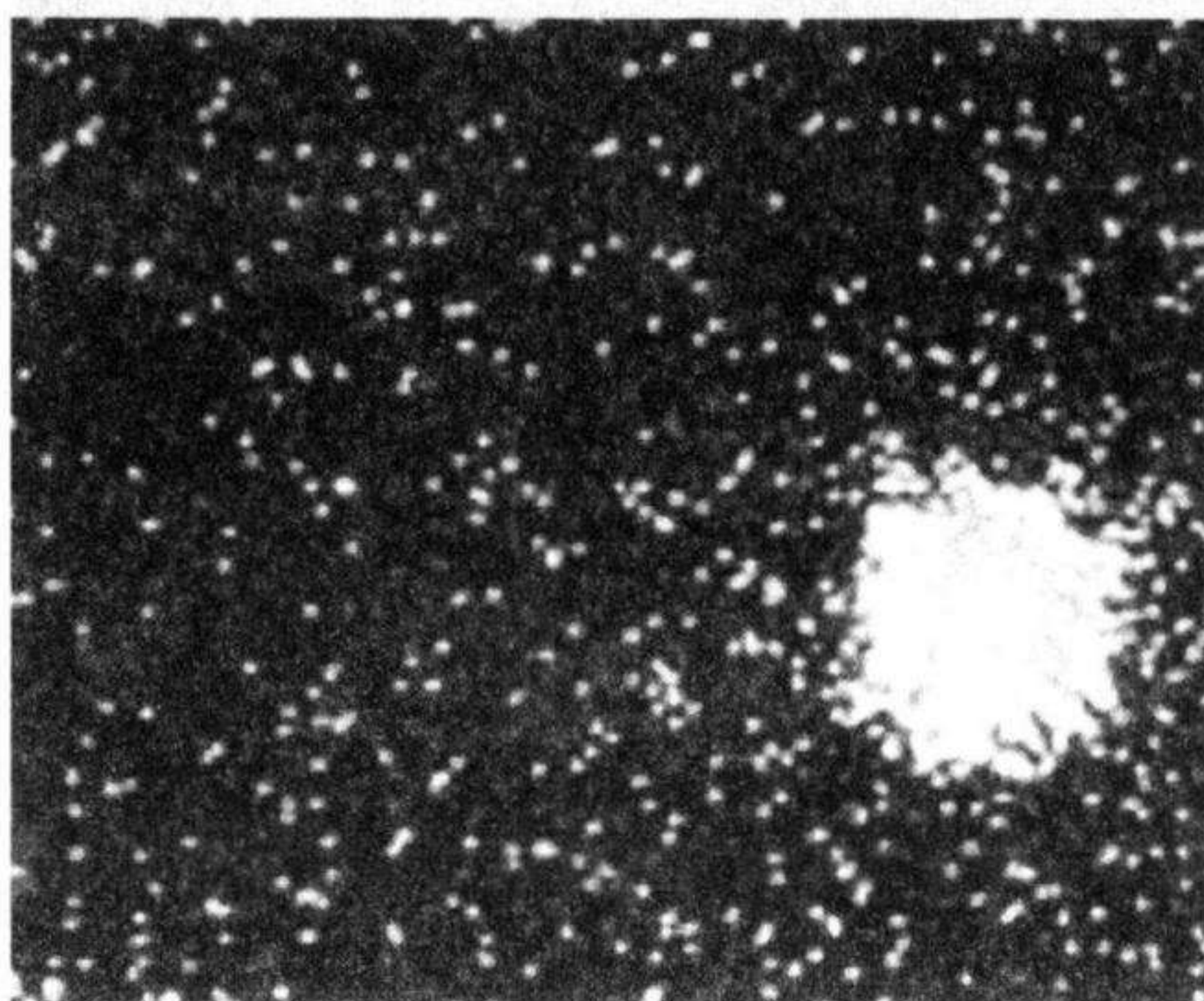
Hình ảnh
mô phỏng hiện
tượng va chạm
giữa thiên hà
Andromeda và
dải Ngân hà.
Ảnh: space.com.



chòm sao nằm rải rác khắp Andromeda. Các nhà khoa học cho rằng chúng là tàn dư còn sót lại sau những “bữa ăn” của thiên hà. Hình ảnh trên mô phỏng hiện tượng va chạm giữa Andromeda và dải Ngân hà, một hiện tượng chỉ xảy ra khoảng 3 tỉ năm một lần.

Quasar

Chúng là những thiên thể có đường kính dưới một năm ánh sáng nhưng lại là nguồn phát bức xạ mạnh nhất. Dù nằm ở tận rìa vũ trụ, ánh sáng của các quasar vẫn tới được hành tinh của chúng ta. Sự tồn tại của chúng nhắc nhở các nhà khoa học về tình trạng hỗn mang trong buổi bình minh sơ khai của vũ trụ. Năng lượng mà một quasar giải phóng ra lớn hơn nhiều so với năng lượng của hàng trăm thiên hà. Sau đây là điều duy nhất mà các nhà khoa



Ảnh của một quasar có tên 3C 273, được chụp vào năm 1979. Ảnh: space.com.

học đồng ý được với nhau: quasar là những lỗ đen khổng lồ nằm ở trung tâm của những thiên hà xa xôi.

Hạt neutrino

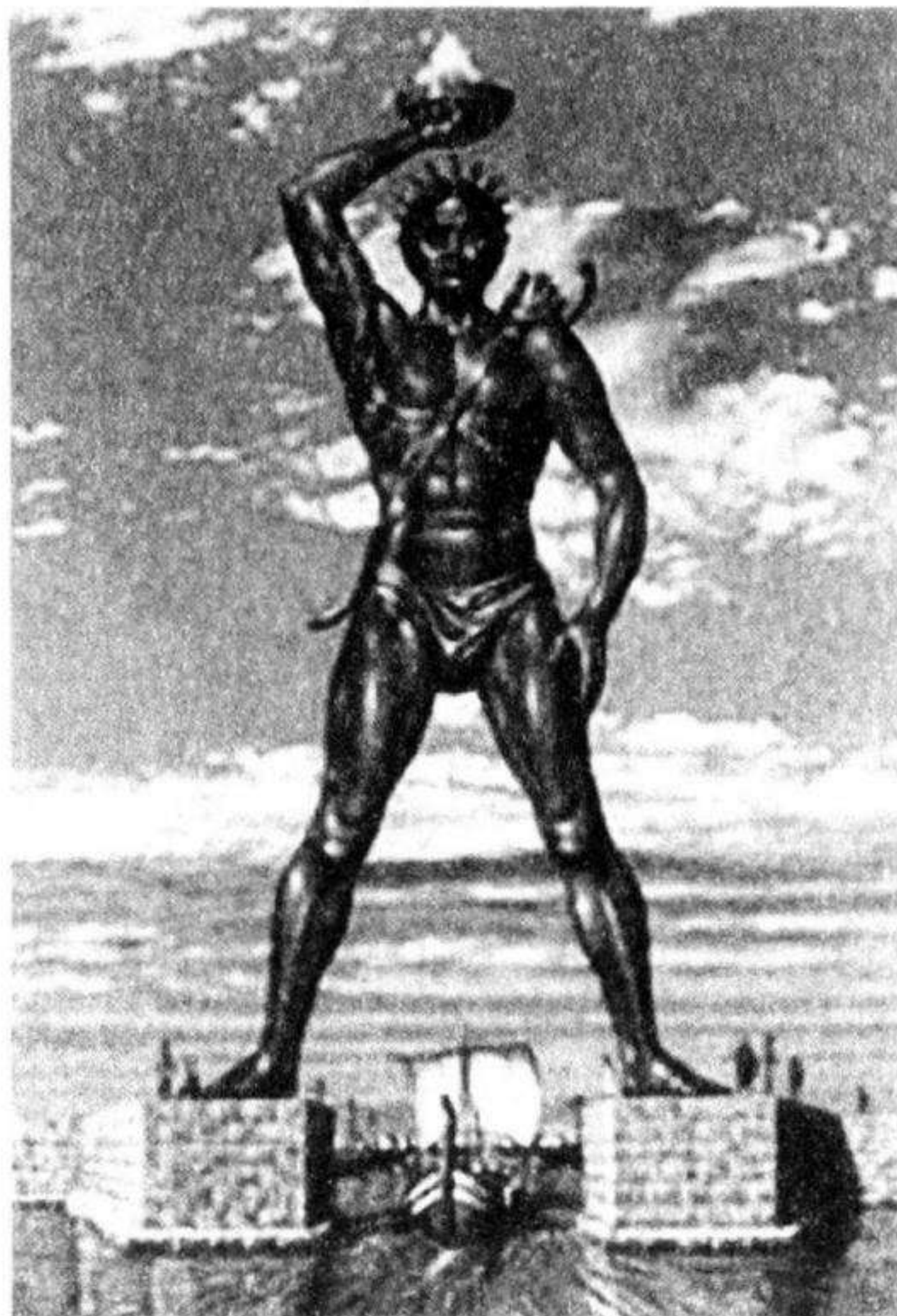
Chúng là những hạt cơ bản có điện tích trung hòa và hầu như không có trọng lượng. Neutrino có thể đi xuyên qua một lớp chì dày hàng chục km. Một số neutrino đang đi xuyên qua cơ thể bạn khi bạn đọc bài viết này. Những hạt "ma" này được tạo ra ở bên trong những đám lửa của các ngôi sao và những vụ nổ khủng khiếp (supernova) của các ngôi sao sắp chết.

Năng lượng chân không

Vật lý lượng tử cho biết những khoảng trống trong vũ trụ là nơi trú ngụ của những hạt vật chất có kích thước nhỏ hơn hạt nhân (được gọi là hạt hạ nguyên tử). Chúng liên tục được sinh ra và hủy diệt. Sự tồn tại ngắn ngủi của các hạt hạ nguyên tử mang đến cho từng cm^3 không gian một năng lượng nhất định. Theo thuyết tương đối tổng quát, năng lượng này tạo ra một lực phản trọng trường khiến không gian giãn nở. Tuy nhiên, cho đến nay điều này vẫn chưa được kiểm chứng. Chẳng ai biết nguyên nhân thực sự gây ra sự giãn nở với tốc độ ngày càng tăng của vũ trụ.

Vụ mất tích bức tượng thần Mặt trời ở đảo Rhodes

Đảo Rhodes nằm ở phía đông biển Égée (Aegean), phía tây cách Hy Lạp (đất liền) 363km, phía bắc cách Thổ Nhĩ Kỳ 18km. Đảo Rhodes thuộc lãnh thổ Hy Lạp có diện tích 1.407,9km² với dân số hơn 117.000 người.



Đảo Rhodes được xem là một trong những nơi khởi nguồn của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Trong truyền thuyết, thần thoại, ở thời kỳ cổ đại xa xưa, sau khi kết thúc cuộc chiến tranh giành ngôi vị giữa các vị thần Hy Lạp, thần Zeus trở thành chúa tể của các vị thần. Thần Zeus bèn phân lãnh địa cho các vị thần khác nhưng quên phân lãnh địa cho thần Mặt trời Apollo - người đã tìm ra thiên cung. Đến khi thần Apollo quay về, thần Zeus ban cho thần Apollo một tảng đá nằm sâu dưới biển Égée. Tảng đá vui vẻ nhô lên mặt biển đón thần Mặt trời đến cư trú. Thần Apollo rất hài lòng về lãnh địa mình được phân, thần đã dùng tên con gái Rhodes (con gái của nữ thần Tình yêu) đặt tên cho đảo. Ba người con trai của thần Mặt trời Apollo là Caminos, Maunosos, Limgos cũng được phong trên đảo này và mỗi người đều tự xây dựng vương quốc của riêng mình. Cuộc sống trên đảo Rhodes rất phồn vinh sung túc, đã thu hút các nước lớn như Athens, Sparta, Macedonia, Ba Tư, La Mã lần lượt xâm lược phá hoại nhiều thành trì. Đến năm 227 trước Công nguyên, các thành phố trên đảo Rhodes một lần nữa bị trận động đất rất mạnh phá hủy.

Ba thành trì khác trên đảo sau khi bị động đất phá hủy không được xây dựng lại mà chỉ dựng lên những làng mạc tiêu điều gần đó nên vẫn bảo tồn được những nền tường trụ đá. Chỉ có thành Rhodes - nơi cư trú của thần Mặt trời Apollo gần như được xây dựng lại và mở rộng nên không nhìn thấy dấu vết của vụ động đất phá hủy

thành năm xưa. Ở đây chỉ thấy được những nét phần hoa hiem có xưa kia của thành phố này qua nhiều văn vật khai quật được như bức tường đá cẩm thạch, đầu tượng thần Apollo được tạc vào thế kỷ II và bức tượng khỏa thân nữ thần Tình yêu Aphrodite được tạc vào thế kỷ I. Nhưng bức tượng đồng vị thần Apollo được xem là “Đại kỳ tích thứ 7 của thế giới” thì không biết bị mất tích từ lúc nào.

Quá trình đúc tượng thần Mặt trời được diễn ra khoảng thế kỷ V trước Công nguyên. Khi người Ba Tư xâm lược đảo Rhodes, toàn bộ cư dân trên đảo rút về bảo vệ thành Limgos nằm đầu mũi phía đông của đảo. Cuối cùng họ đã



Thần Mặt trời Apollo

đánh lui được cuộc tiến công của người Ba Tư. Sau khi đánh thắng quân xâm lược Ba Tư, người ta đã đem toàn bộ số vũ khí giặc bỏ lại nung thành sắt. Nhà điêu khắc Litas đã đúc bức tượng đồng thần Mặt trời Apollo và đặt ở bến cảng hùng trấn lãnh hải.

Trong trận động đất mạnh cách đây hơn 2.200 năm, bức tượng lớn thần Mặt trời đã bị

sụp đổ. Có người nói, bức tượng đổ không thể đúc lại được và vào thế kỷ VII đã bị nung đúc thành các loại khí giới khác. Nhưng có người lại nói bức tượng đồng đã bị mất trộm, bọn hải tặc đã bị chìm thuyền khi gặp bão trên biển. Bây giờ hậu thế chỉ có thể tưởng tượng mô hình bức tượng qua những lời ghi chép tóm tắt trong sử sách mà thôi. Bức tượng nữ thần Tự do ở New York (Mỹ) được đúc trên cơ sở liên tưởng mô hình tượng thần Mặt trời với tư thế tay cầm bó đuốc, đầu đội vương miện, tỏa ánh hào quang như ánh Mặt trời.

Giải mã bí ẩn thuật thôi miên

Từng được sử dụng từ lâu trong y học cũng như giải trí, thuật thôi miên - một trong những bí ẩn lớn nhất của con người - đang dần được giải mã nhờ nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ.

Từ thế kỷ 18, người ta đã phát hiện ra rằng trí não có thể bị ám thị để điều khiển cơ thể. Nhưng sau hàng thế kỷ sử dụng phép thôi miên để gây tê và chữa bệnh cho bệnh nhân, người ta vẫn chưa thể trả lời liệu đó chỉ là sự tuân theo ám thị của nhà thôi miên, hay là một dạng tập trung cao độ khi môi trường xung quanh đã ra khỏi ý nghĩ của người được thôi miên? Những nghiên cứu gần đây đã giải mã được phần nào cơ chế tác động của thôi



miên lên nhận thức của con người, dẫn tới việc người bị thôi miên hành động theo ám thị.

Trong những thí nghiệm mới của mình, Michael Posner - Giáo sư thần kinh học tại Đại học Oregon (Mỹ) - và các đồng sự đã ghi lại những thay đổi trong quá trình xử lý thông tin của não người. Thường thì thông tin mà cơ thể nhận được sẽ được chuyển đến vùng cảm giác sơ cấp trong não, để từ đó lại được chuyển lên những vùng chức năng cao hơn, nơi diễn dịch thông tin. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điều đáng ngạc nhiên là lượng thông tin chuyển xuống nhiều gấp 10 lần lượng thông tin chuyển lên, cũng có nghĩa là những gì con người nhìn, nghe thấy và tin vào là dựa trên quá trình xử lý thông tin từ trên xuống. Các dữ liệu ở mức xử lý sơ cấp có thể bị ghi đè lên phụ thuộc vào các kết quả diễn dịch thông tin của trung tâm xử lý thông tin cao nhất. Mô hình xử lý thông tin này cũng giải thích vì sao thôi miên, với bản chất là tạo ra một quá trình xử lý thông tin từ trên xuống, có thể gây ra ám thị mạnh mẽ.

Theo kết quả nghiên cứu tiến hành trong hàng chục năm của tiến sĩ David Spiegel - nhà tâm lý học tại Đại học Stanford, 10-15% người lớn rất dễ bị thôi miên, so với tỉ lệ 80-85% ở những trẻ dưới 12 tuổi, lứa tuổi mà chu trình xử lý từ trên xuống chưa hoàn chỉnh; trong khi đó khoảng 20% người lớn rất khó bị thôi miên.

Tiến sĩ Amir Raz - Giáo sư thần kinh học tại Đại học Columbia - lại nghiên cứu tác dụng của thôi miên bằng cách sử dụng bài test Stroop. Ông cho 16 người, trong đó một

nửa là những người rất dễ, nửa kia là những người rất khó bị thôi miên, nhìn những chữ cái ghi tên các màu nhưng lại có màu trái ngược với nghĩa của chúng. Sau khi ám thị cho họ rằng đó là những từ tiếng nước ngoài mà họ không hiểu, ông yêu cầu họ ấn vào nút chỉ màu thật của chữ cái. Ở những người dễ bị thôi miên, hiệu ứng Stroop (người biết chữ có phản xạ phải đọc trước khi ấn nút nên mất thời gian giải quyết sự xung đột thông tin) không còn, họ có thể chỉ ra màu ngay lập tức. Còn với những người khó bị thôi miên, hiệu ứng Stroop thắng thế, khiến họ chậm hơn.

Kết quả scan não của hai nhóm được so sánh với nhau đã cho thấy sự khác biệt. Trong nhóm dễ bị thôi miên, vùng thị giác trong não thường mã hóa các chữ cái hiển thị và vùng não chuyên dò tìm những xung đột thông tin đã không hoạt động. Quá trình xử lý thông tin từ trên xuống đã áp đảo việc xử lý của não (đọc và xử lý thông tin trái ngược nhau) theo đúng trình tự từ dưới lên, nhưng chính xác điều đó xảy ra như thế nào vẫn còn là điều bí ẩn.

Một số nghiên cứu gần đây từ các hình ảnh của não cũng chỉ ra cơ chế tương tự. Theo tiến sĩ Stephen Kosslyn - nhà thần kinh học tại Đại học Harvard, thì con người nghĩ rằng các hình ảnh, âm thanh từ thế giới bên ngoài tạo ra sự thật, nhưng não lại xây dựng ngân hàng dữ liệu của nó dựa trên kinh nghiệm từ quá khứ. Sự thú vị của thôi miên là ở chỗ nó tạo ra thông tin sai lệch. "Chúng ta tưởng tượng ra điều gì đó khác biệt, và nó trở thành sự thật" - Spiegel nói.

Bí ẩn của những điều vượt qua trí tuệ con người

Ai đã sáng tạo ra nền văn minh Samuier?

Các nhà lịch sử học cho rằng, cực văn minh Trái đất, nơi khởi nguồn, có khả năng là khu vực sinh sống của người Samuier. Vì các nền văn minh Maya và Samuier có rất nhiều điểm tương tự, thậm chí giống nhau.

Người Samuier đột nhiên xuất hiện, rồi lại đột nhiên biến mất khỏi vùng hạ du sông Tigre và sông Euphrates. Vào khi nào, bằng cách nào họ đã học được chữ hình nêm và kỹ thuật kiến trúc bảo tháp cho đến nay vẫn là câu đố lịch sử khó giải, là một sự thách thức đối với các nhà khảo cổ học. Samuier là thành phố có nền văn minh lâu đời nhất trong lịch sử các nền văn minh nhân loại, hình thành



khoảng 4000 năm trước Công nguyên. Nó đột nhiên xuất hiện ở khu vực hạ du hai con sông Tigre và Euphrates thuộc vùng Trung Đông, tức phía nam Iraq ngày nay. Các nhà lịch sử chính thống và các nhà khảo cổ học đã có ý kiến thống nhất khi cho rằng: Thành phố Samuier không chỉ là cội nguồn văn minh phương Đông cổ đại mà sau này còn có thể nói một cách chuẩn xác, nó là cội nguồn của nền văn minh Thế giới hiện đại.

Thành phố Samuier nằm ở khu vực Mesopotamie (Vùng Lưỡng Hà). Khu vực này hàng nghìn năm trở lại đây luôn luôn là khu vực có môi trường tồi tệ, khô hạn, nóng nực, sông ngòi có dòng chảy hung hãn, không thích hợp cho việc sinh sống của con người. Vậy tại sao nền văn minh sớm nhất của con người lại được sản sinh ra từ hoàn cảnh tự nhiên vô cùng khắc nghiệt.

Nói tới nền văn minh Samuier, điều mà người ta nghĩ tới đầu tiên là phát minh văn tự hình nêm (một loại văn tự do người miền Nam Mesopotamie sáng tạo từ 3000 năm trước Công nguyên, nét chữ giống cái nêm. Người Babylon, Ba Tư... đều đã từng sử dụng loại văn tự này). Người Samuier không chỉ phát minh ra chữ viết mà còn phát minh ra các loại kỹ thuật như: cày ruộng, xây dựng, tưới tiêu, nhiều ngành khoa học hình học, pháp luật, thiên văn học, toán học và cả phương pháp quản lý dân chủ của Nhà nước, thành phố... Hơn nữa, từ góc độ thời gian lịch sử, tất cả những tri thức này của người Samuier đều được sáng tạo một cách đột ngột trong khoảng thời gian

cực ngắn. Thực tế này càng khiến các nhà sử học và khảo cổ học không thể hiểu nổi, cũng không thể tranh cãi hay bàn bạc được điều gì. Họ chỉ có thể đặt câu hỏi: “Ai là người có bản lĩnh lớn như thế trong khoảnh khắc đã khiến cho người Samuier trở nên thông minh để sáng tạo ra một nền văn minh không thua kém bất kỳ nền văn minh nào của các quốc gia ở thế kỷ XX”.

Tiến sĩ *Thaytacasag*, nhà Khoa học Vũ trụ Mỹ đã đưa ra cách lý giải độc đáo: “Văn minh Samuier được sinh ra từ sự giúp đỡ của sinh vật hệ nhân loại vô cùng hùng mạnh”. Cuối thế kỷ II trước Công nguyên, Jisirosuansi của Babylon đã vận dụng sách cổ văn để viết nên cuốn sử Babylon. Sách đã viết: “Khi con người ở vùng Babylon cổ xưa sống cuộc sống hoang dã thì, ở vịnh Ba Tư đã xuất hiện một loài sinh vật Oyanasi hình thể giống cá, nhưng phía dưới đầu cá lại có một cái đầu khác, có chân tay giống như người, tiếng nói cũng giống người”.

“Loài sinh vật này, ban ngày xuất hiện ở biển, nói chuyện với con người, dạy con người văn hóa, nghệ thuật, khoa học, pháp luật, kiến trúc, nguyên lý hình học, hái lượm hoa quả, phân biệt thực vật,... nhưng



nó không ăn gì mà vẫn tồn tại. Do loài sinh vật này là động vật lưỡng thể, nên khi Mặt trời lặn về phía tây, nó liền nháy xuống biển ẩn náu dưới đó, đến sáng lại lập tức xuất hiện". Cách lý giải này, thực sự khiến người ta khó tiếp thu.

Tiến sĩ Calusag suy đoán, khoảng 4000 năm trước Công nguyên hoặc sớm hơn, nền văn minh ngoài nhân loại đã tiếp xúc với loài người ở bờ biển Vịnh Ba Tư, mà di tích *Aliduo* cổ nhất của Samuier lại ở chính trên mảnh đất này. Di tích *Aliduo* hiện đã được các nhà khảo cổ học xác nhận, căn cứ vào kết quả phân tích được ghi lại bằng văn tự nôm rằng: "Aliduo trước nạn Đại Hồng thủy là đô thành sớm nhất của ngũ quyền từ trên trời giáng xuống". Tiến sĩ Calusag còn chỉ rõ: "Nếu lấy loài sinh vật Oyanasi có thân thể giống như cá coi như là áo vũ trụ hoặc áo lặn, cái đầu khác dưới cái đầu cá chỉ là cái mặt của mũ vũ trụ hoặc mũ lặn, thì chúng ta có thể kết luận, đó chính là sinh vật có tính trí năng hệ phi nhân loại trong đại dương".

Ngoài ra, còn có rất nhiều người thử đưa ra kiến giải của mình với chủ trương: tích cực và mạnh dạn giải thích nền văn minh Samuier. Nhà ngôn ngữ học kiêm nhà nghiên cứu lịch sử cổ đại Trung Đông quốc tịch Mỹ nhưng mang trong mình huyết thống Trung Đông tên là Caglia Xijin, nói: "Cội nguồn nền văn hóa Samuier có thể nói là dựa vào sự giúp đỡ của người ngoài hành tinh, cũng có ý kiến cho rằng: "Trước nạn "Đại Hồng thủy", Samuier bị người ngoài hành tinh xâm chiếm, biến thành đất

thuộc địa, nền văn minh Samuier chính là di sản văn hóa của họ được giữ lại trên mảnh đất thuộc địa này". Caglia Xijin đã quan sát và nhận thấy, xuyên suốt các nền văn minh của khu vực Trung Đông Mesopotamie (từ Samuier đến Assyria), Ai Cập, Hilblai đều có một từ đơn "Sai mu", và bất luận là tài liệu gì đều thường xuyên lấy nó dùng trong trường hợp ghi lại những cuộc đi lại của các thiên thần trên trời hoặc của con người lên trời. "Sai mu" trong văn tự hội thoại (hình thái sớm nhất của văn tự nêm) lúc đó có ý nghĩa là lên cao vuông góc - lên thẳng. Từ đó có thể thấy, nó phải là vật thể phi hành như các loại tên lửa, phi thuyền vũ trụ. Trên thực tế, trong bài thơ ca tụng dâng lên nữ thần Isidare của Babylon có một câu thơ miêu tả rất rõ nó đúng là một vật thể phi hành: "Nữ thần ở trên trời cưỡi "Sai mu" bay xuống Trái đất, nơi loài người sinh sống". Ngoài các điều này ra, các tác phẩm hội họa, phù điêu, điêu khắc thời đó cũng đều có vật thể hình dáng giống như tên lửa. Rất có khả năng những tác phẩm đó được làm ra để biểu thị sức mạnh của "Sai mu".

Cội nguồn của nền văn minh Samuier có nhiều cách giải thích nhưng đều rối ren, chưa thống nhất, giống như cách nói "*Người nhân thấy thế gọi là nhân, người trí thấy vậy gọi là trí*". Dù theo cách nói nào đi chăng nữa, chúng ta vẫn phải chờ các nhà khảo cổ học tiếp tục khảo sát và nghiên cứu.

Bí ẩn của sao bạn Thiên lang (Sirius) và người Dogon

Nước Cộng hòa Mali nằm ở phía tây châu Phi. Bên bờ sông Nil của quốc gia này có một bộ tộc thổ dân tên là Dogon sinh sống.

Cuộc sống của họ lấy trồng trọt và du mục làm chính. Đời sống của họ rất khó khăn nghèo khổ, phần lớn dân sống ở nông thôn hoặc trong một số hang động trong rừng núi. Họ không có chữ viết riêng, từ đời này qua đời khác

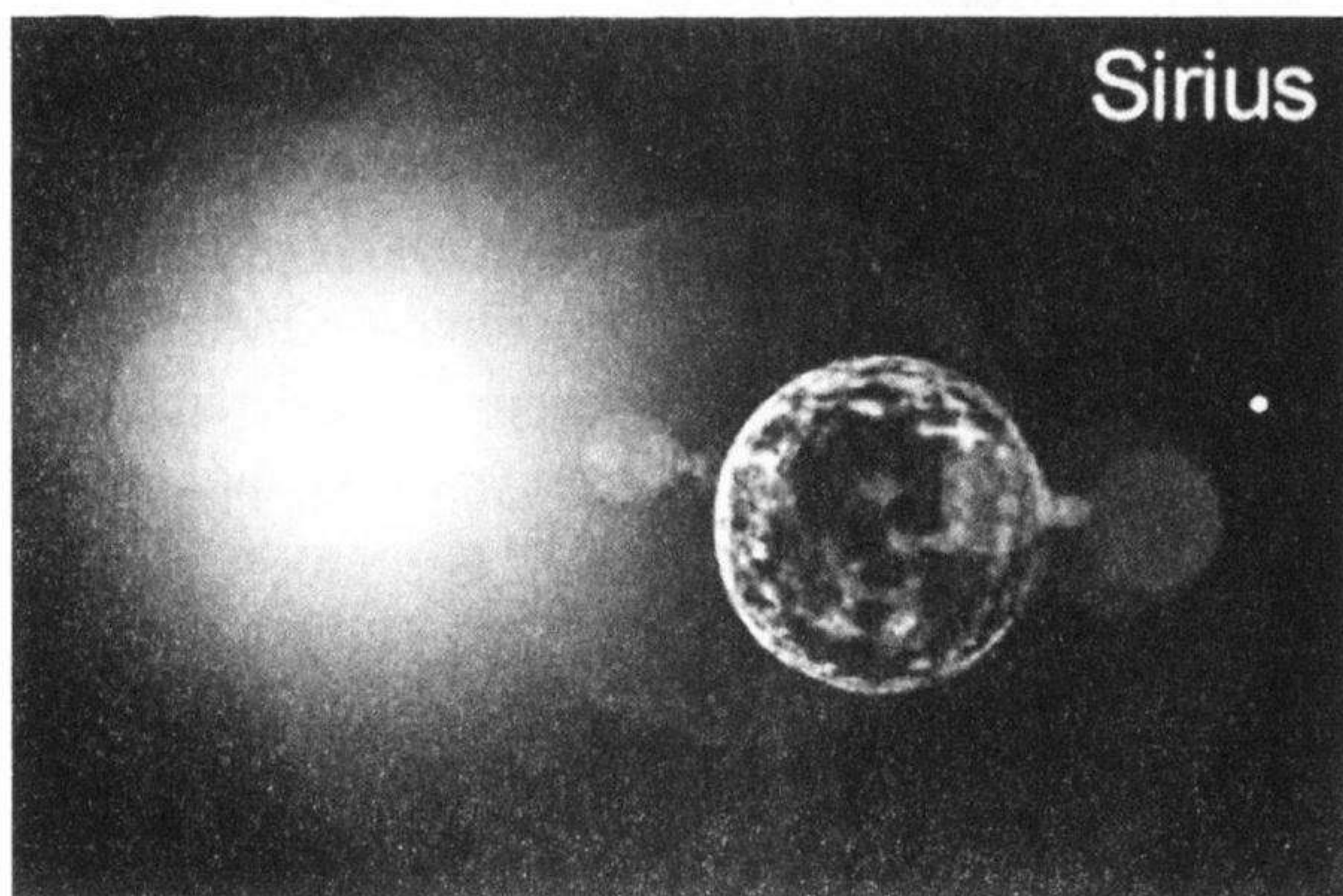


chỉ truyền lại bằng miệng, bện thừng đánh dấu sự việc. Nếu nhìn từ góc độ này thì họ cũng không có gì khác so với các dân tộc da đen Tây Phi khác. Nhưng nghi lễ tín ngưỡng mà họ cử hành lại đem đến nhiều ngạc nhiên và thu hút sự chú ý của các nhà nhân loại học và thiên văn học trên thế giới.

Cứ mỗi chu kỳ 600 năm, khi sao Thiên Lang

xuất hiện giữa hai đỉnh núi thì người Dogon lại cử hành nghi lễ Sigui long trọng nhất, lớn nhất trong đời sống tín ngưỡng của họ.

Vào thập niên 1940 của thế kỷ XX, hai nhà nhân loại học người Pháp Marcel Griaule và Germanie đến Tây Phi cùng ăn cùng ở với người Dogon trong vòng 19 năm. Bằng quan hệ qua lại lâu dài, thân thiết họ đã chiếm được sự tin tưởng và tình cảm của người Dogon. Từ những thầy cúng cao cấp, họ biết được người Dogon trong quá trình duy trì tín ngưỡng của mình hàng trăm nghìn năm nay, luôn ẩn giấu tri thức chính xác đặc biệt về một hiện tượng thiên văn. Trong lưu truyền tín ngưỡng, người Dogon giữ gìn tường tận mọi điều về một ngôi sao ở rất xa, mà ngôi sao này hàng trăm năm trước đây không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Cho đến nay, nếu không có sự trợ giúp



của kính viễn vọng hiện đại nhất thì cũng không thể quan sát, đo đạc được.

Ngôi sao này chính là ngôi sao bạn của sao Thiên Lang. Người Dogon gọi là *Pak Tolu*, *Pak* có nghĩa là *nhỏ*, *Tolu* có nghĩa là *sao*. Họ còn nói đây là “ngôi sao nặng nhất” có màu trắng. Thật kỳ lạ khi người Dogon đã nói chính xác ba đặc trưng cơ bản của ngôi sao này: Nhỏ, nặng và màu trắng. Trên thực tế, sao bạn Thiên Lang đúng là Sao lùn trắng.

Gọi là Sao lùn trắng, không phải gọi riêng một sao nào đó mà là tên gọi chung cho một loại sao có những điểm “trắng” và “lùn”.



Thầy cúng

“Trắng” nói rõ nhiệt độ của nó rất cao, nhiệt độ bên ngoài của Sao lùn trắng khoảng 10.000 độ C phát ra ánh sáng trắng, “lùn” nói rõ thể tích của nó nhỏ. Các nhà thiên văn học cho biết: Cả vạn ngàn Sao lùn trắng ghép lại với nhau mới to như Mặt trời, còn một Sao lùn trắng nhỏ nhất chỉ to bằng một phần nghìn vạn Mặt trời.

Trên bầu trời phía đông nam vào mùa Đông mỗi năm, chúng ta có thể nhìn thấy hằng tinh (như Chức Nữ, Mặt trời) sáng nhất trên bầu trời, nó chính là sao Thiên Lang. Thể tích của nó lớn gấp hai Mặt trời, nhưng ánh sáng của nó lại gấp 20 lần Mặt trời.

Bên cạnh nó còn có một sao nhỏ ta không nhìn thấy quay quanh, sao nhỏ này chính là vệ tinh của Thiên Lang. Tuy có kích thước bé nhỏ, nhưng trọng lượng của nó rất lớn, đúng như người Dogon đã nói nó là một Sao lùn trắng.

Các nhà thiên văn học phỏng đoán, sao bạn Thiên Lang có vào năm 1844. Họ cho rằng vệ tinh của Thiên Lang chịu ảnh hưởng sức hút của một sao khác, từ đó dẫn tới sự vận động của nó không có quy tắc. Năm 1930, nhờ có sự trợ giúp của kính viễn vọng với tầm nhìn rất xa và các dụng cụ thiên văn hiện đại, người ta mới nhận biết được nó là một vệ tinh có thể tích nhỏ nhưng mật độ lại cực lớn.

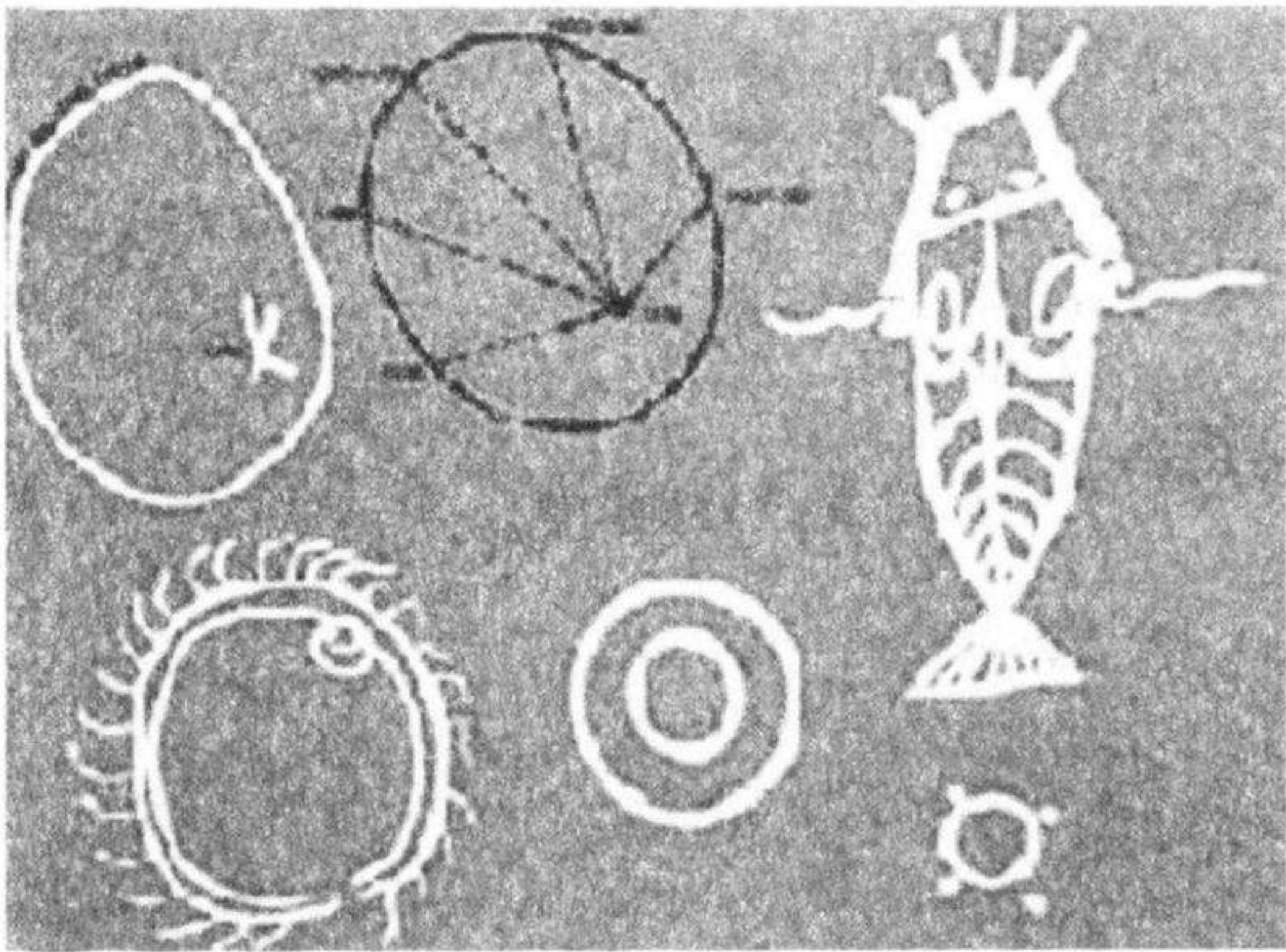
Nhưng đối với loài người trên Trái đất, vệ tinh đó ở quá xa và quá nhỏ, khiến người ta lại bắt đầu nghi ngờ liệu nó có thể gây ảnh hưởng tới Thiên Lang không?

Chúng ta không thể không đặt câu hỏi, người Dogon sinh sống trong các hang động ở châu Phi, làm sao lại có thể có những hiểu biết về hành tinh này? Phải chăng họ dựa vào linh cảm? Không chỉ có thế, người Dogon còn vẽ trên cát một quỹ đạo hình bầu dục của vệ tinh của Thiên Lang chuyển động vòng quanh Thiên Lang, so với quan

trắc của các nhà thiên văn học hầu như không sai chút nào. Người Dogon nói, chu kỳ quỹ đạo của vệ tinh của Thiên Lang là 49,5 năm (trên thực tế con số chính xác là 50,04 năm), bản thân nó tự quay quanh trục chuyển động (điều này cũng được các nhà thiên văn học chứng thực). Người Dogon cho rằng, vệ tinh của Thiên Lang là hành tinh được thần thánh tạo ra, là trung tâm của vũ trụ. Ngoài ra, họ còn biết từ rất sớm các tri thức về thiên văn, về những hành tinh xung quanh Trái đất. Ví dụ như, Mộc tinh có bốn vệ tinh chủ yếu, họ có bốn loại phương pháp làm lịch, tuần tự lấy Mặt trời, Thiên Lang, Mặt trăng và Kim tinh làm căn cứ.



Nghi thức cúng lễ



Quỹ đạo chuyển động sao kèm Thiên Lang

Những thầy tư tế ở địa phương nói, tri thức thiên văn học của họ có được là nhờ sinh vật có trí tuệ của hệ Thiên Lang cử tới Trái đất truyền cho người Dogon, họ gọi sinh vật này là Na Mẫu. Trong truyền thuyết người Dogon, Na Mẫu từ một nơi nào đó ở phương Đông - quê hương người Dogon hiện nay đến Trái đất. Bề ngoài của Na Mẫu vừa giống cá lại vừa giống người, là một loài sinh vật lưỡng thể sống trong nước.

Trong các bức họa và điệu múa của người Dogon đều giữ lại truyền thuyết có liên quan đến Na Mẫu. Người Dogon luôn cho rằng, dân tộc họ vốn không phải là sinh sống trên mảnh đất hiện nay, họ là hậu duệ của người Berber, dân tộc cổ xưa ở Bắc Phi. Người Berber mới đầu

sinh sống ở đầu bắc sa mạc Sahara. Từ thế kỷ I, II Công nguyên họ mới bắt đầu di chuyển xuống phía nam, đến kết hôn với người da đen, nên dần dần họ cũng trở thành tộc người da đen. Mặc dù đạo Do Thái có ảnh hưởng rất lớn, nhưng họ vẫn giữ tôn giáo của tộc mình.

Những tri thức về sao Thiên Lang mà người Dogon lưu truyền qua hàng ngàn năm vẫn hoàn toàn trùng hợp với những tri thức về sao này mà các nhà thiên văn học hiện đại tìm hiểu được. Từ đâu họ có được tri thức thiên văn học thần kỳ ấy? Có thể khẳng định, không có kính viễn vọng thì con người không thể nhìn thấy vệ tinh của Thiên Lang. Nhưng người Dogon cổ đại chắc chắn là không có kính viễn vọng. Phải chăng những tri thức mà họ có được đúng là do sinh vật của hệ sao Thiên Lang dạy cho? Nếu như không phải, thì tri thức về vệ tinh của Thiên Lang của người Dogon có được từ đâu?



Na Mâu

Bí ẩn về đại lục châu Phi và cội nguồn của loài người

Trên Trái đất xanh thắm xinh tươi này, có thể nói, loài người là loài thông minh nhất trong vạn vật. Cùng với sự tiến bộ của lịch sử nhân loại và sự phát triển của khoa học, chúng ta có thể hoàn toàn giải được bản đồ gene của con người, khống chế và phát triển các loài động thực vật của giới tự nhiên, thậm chí có thể quản lý và phát triển bản thân con người. Nhưng con người từ đâu đến? Vấn đề phức tạp, rắc rối và cổ xưa này cho đến tận ngày nay các nhà khoa học vẫn chưa lý giải rõ ràng được.



Theo thuyết tiến hóa của Darwin, con người do loài vượn người dần dần tiến hóa thành, nhưng có một số bước của quá trình tiến hóa đó vẫn chưa được giải thích thấu đáo. Những năm gần đây, một số phát hiện mới trong ngành khảo cổ học đã khiến các nhà khoa học không thể không xem xét lại vấn đề này, và họ cũng đưa ra một số giả thuyết mới trong đó có một số xem ra rất có lý.

Theo nghiên cứu cổ sinh vật học, tổ tiên loài người - vượn cổ sinh sống vào khoảng 400 vạn năm đến 800 vạn năm trước đây, nhưng tổ tiên trực hệ của loài người - vượn cổ phương Nam sống trong khoảng 400 vạn năm trước. Không có tài liệu nào về hóa thạch khoảng giữa 400 vạn năm từ vượn cổ trong rừng sâu đến vượn phương Nam.



Vậy, thời kỳ này đã xảy ra biến hóa gì khiến cho vượn cổ đã quen với cuộc sống trên cây, đi lại bằng bốn chân thay đổi phương hướng tiến hóa: đứng thẳng đi bằng hai chân rồi lại tiến hóa thành người?

Năm 1960, nhà nhân loại học người Anh, Alisthe đưa ra bằng chứng nghiên cứu địa chất chứng minh: 800 vạn năm đến 400 vạn năm trước, ở quê hương của vượn cổ - miền Đông châu Phi, có vết tích một vùng đất rộng lớn, bị nước biển làm chìm ngập, bắt buộc một bộ phận vượn cổ phải xuống biển sinh sống, trở thành vượn nước. Mấy trăm vạn năm sau, nước biển rút, số vượn nước lại trở về với cuộc sống trên cạn, rồi trở thành tổ tiên loài người. Như vậy, giai đoạn không có hóa thạch, là vì tổ tiên loài người sống ở biển chứ không phải ở đất liền. Đó chính là



“thuyết vượn nước” gây xôn xao giới khoa học một thời. Alisthe còn chỉ ra giai đoạn hải dương này trong lịch sử tiến hóa của nhân loại đã để lại nhiều dấu vết trên thân thể con người hiện đại. Rất nhiều đặc trưng sinh lý của con người giống với các loài động vật có vú sống dưới nước như báo biển, ngược lại khác hoàn toàn với các loài động vật có vú sống trên cạn. Ví dụ, tất cả các động vật loài linh trưởng bên ngoài cơ thể đều có một lớp lông dày, chỉ riêng loài người lớp lông bên ngoài ít dần rồi mất hẳn. Ngoài ra, việc tiết nước mắt loại ra một phần muối cũng như tiết mồ hôi, cùng các hành vi khác đều là đặc trưng của động vật có vú sống dưới nước. Đặc biệt là thời kỳ sơ

sinh của con người, nếu ở dưới nước sẽ giống như báo biển, có “phản ứng bơi lặn”, hơn nữa thời gian nghỉ khi lặn của con người vượt xa các động vật trên cạn khác.

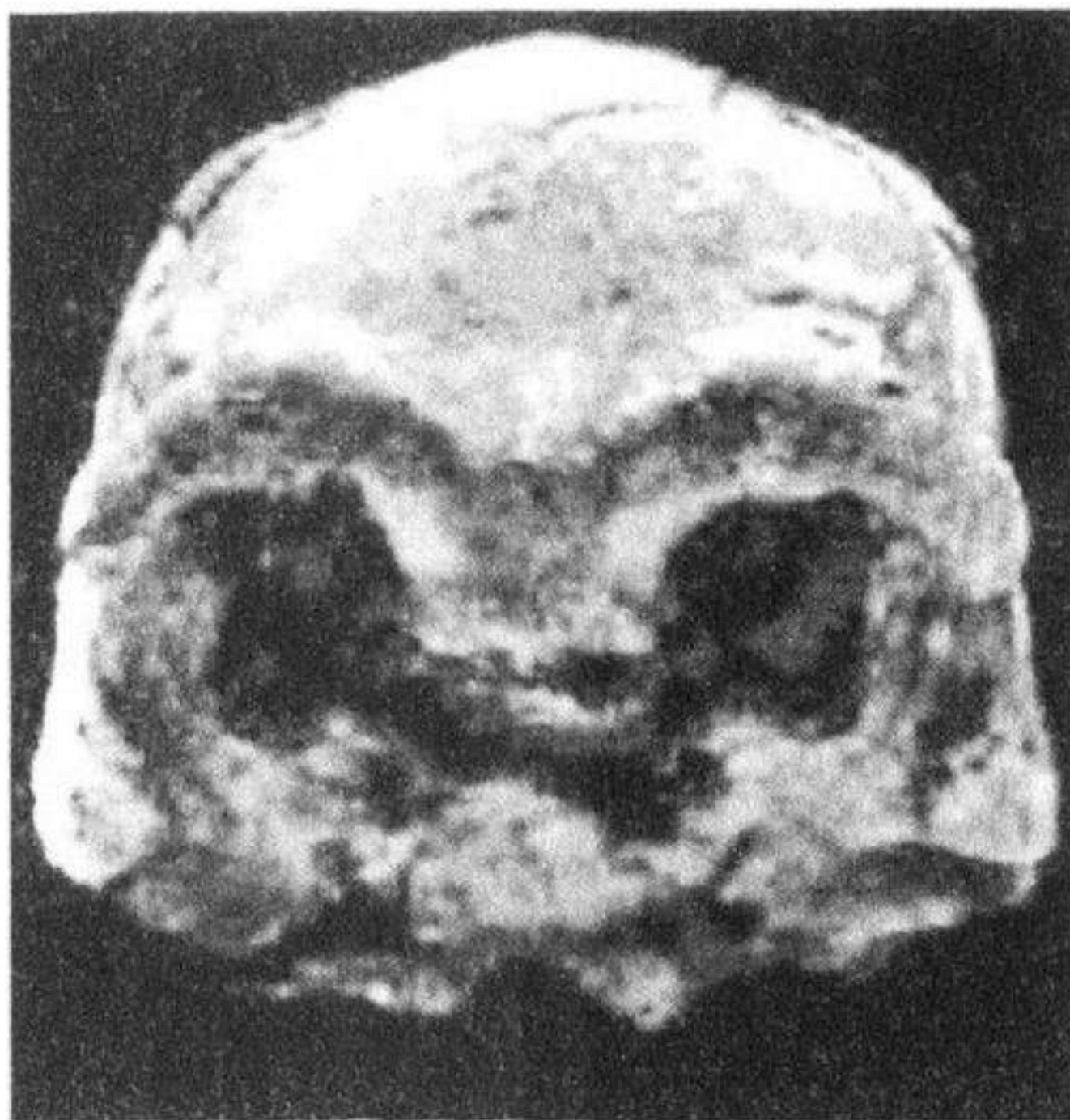
“Thuyết vượn nước” đã đưa ra cách giải thích rất nhiều đặc trưng riêng của loài người, nhưng cũng có không ít các nhà khoa học phản đối, trong đó



So sánh các chi ở vượn người và người

vấn đề lớn nhất là không có đầy đủ căn cứ hóa thạch làm tư liệu.

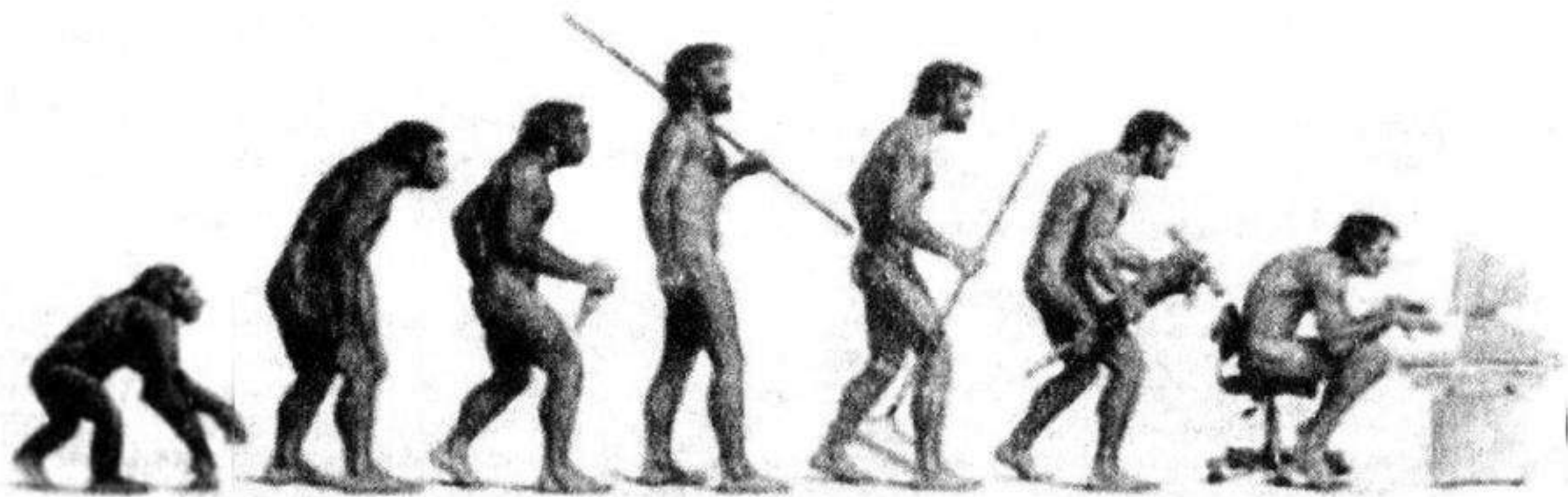
Ngoài ra còn có một cách giải thích khác: Một trong những khác biệt lớn nhất giữa người và động vật là loài người có năng lực ngôn ngữ. Mà công năng đầy đủ của loài



Hóa thạch đầu người ở Ethiopia

người lại không thể tách rời cấu tạo kỳ diệu của cơ quan phát âm ở con người. Nhưng, nghiên cứu của giải phẫu học lại chứng minh, quan sát cấu tạo yết hầu của loài linh trưởng, nó không thể tiến hóa thành yết hầu của loài người, mà là do di truyền sinh học của một loài khác. Vậy “di truyền sinh học của loài khác” đến từ đâu? Họ cho rằng một lần, người ngoài hành tinh cách đây mấy chục vạn năm đã tiến hành cấy ghép gene cho loài người cổ đại lúc đó.

Một số người cho rằng, không chỉ có yết hầu mà trong quá trình tiến hóa, đâu đâu cũng có sự sắp xếp dấu tích “người”. Do vậy, tiến hóa không chỉ là quá trình phát triển liên tục, mà nó còn tiến hành trong quá trình tương đối ổn định và đôi khi có đột biến. Nếu không, chúng ta không có cách gì lý giải được một số đặc trưng cơ bản của



loài người như trí tuệ, ngôn ngữ. Đó là những bước tiến phát sinh trong khoảng thời gian rất ngắn chỉ mấy vạn năm.

Mấy năm gần đây, các nhà khảo cổ đã liên tục phát hiện hàng loạt hóa thạch đầu người ở Ethiopia, Kenya thuộc miền Trung châu Phi. Đặc biệt, phát hiện hóa thạch loài người sớm nhất - Sự kiện Lucia, giúp cho các nhà khảo cổ học và nhân loại học trong khi nghiên cứu quá trình tiến hóa của loài người có thêm căn cứ với những giá trị quan trọng. Cùng với sự nghiên cứu sâu rộng hơn, chúng ta có lý do để tin tưởng rằng, cánh cửa bí ẩn về nguồn gốc loài người nhất định có ngày sẽ mở được.

Bí ẩn về người da đen ở châu Âu

Hang động Grimaldi ở biên giới Bắc Italia là một hang động rất nổi tiếng. Ở đây, các nhà khảo cổ đã từng phát hiện thấy những di tích thể hiện sự sinh tồn của nhân loại từ xa xưa.

Các nhà khảo cổ phân tích, trong thời đại tiền sử xa xôi, những hang động này đã được người cổ đại lấy làm nơi cư trú. Hiện nay, những di vật sớm nhất được khai quật ở đây thuộc về thời đại đồ đá cũ có niên đại khoảng 35.000 trước Công nguyên. Hộp sọ khai quật được là của một nông dân thuộc chủng tộc Roman, đó cũng chính là



người nguyên thủy chính thống của châu Âu. Trong số các bộ hài cốt khai quật, các nhà khảo cổ đã không thể lý giải được khi phát hiện ra hai bộ hài cốt người da đen tiền sử hóa thạch. Hai bộ hài cốt hóa thạch này gồm một phụ nữ và một bé trai được hợp táng, trên đầu có tấm bảo vệ. Căn cứ vào đặc điểm hình dáng hộp sọ, kết cấu xương, độ rộng của trán và chiều dài của cánh tay, các nhà khảo cổ và nhân loại học cho rằng hai bộ hài cốt này thuộc chủng tộc Negro. Nói chính xác hơn, họ là người da đen ở châu Phi.

Phát hiện này khiến các nhà khảo cổ vô cùng kinh ngạc. Người Negro thường sống ở phía nam sa mạc Sahara thuộc lục địa châu Phi chứ không sinh sống ở châu Âu. Theo sử sách, đến năm 1441, Antonio - một sĩ quan hải quân Bồ Đào Nha mới bắt một cặp nam nữ da đen bên bờ biển Nam Phi mang về Bồ Đào Nha. Sau đó, Antonio cùng một đội thuyền khác lại đến châu Phi bắt 10 người da đen nữa mang về Bồ Đào Nha bán làm nô lệ. Đây là những ghi chép mới nhất về người da đen bị đưa đến châu Âu.

Tuy nhiên, hai bộ hài cốt này lại thuộc về thời đại đồ đá cũ, khoảng 40.000 năm trước. Nếu như châu Âu thời đó đã có người da đen sinh sống thì họ từ đâu đến? Và họ đến châu Âu bằng cách nào?

Có người cho rằng họ là người bản địa của châu Âu thời tiền sử. Nhưng tại sao sau này người da đen lại hoàn toàn mất dấu tích ở châu Âu?

Hồ ma vùng Katun

Nhà địa chất Nga Varikov thuật lại chuyện về một cái hồ đã một thời khẳng định là có ma. Hồ đó ở vùng núi hiểm trở tại ngọn nguồn sông Katun. Theo lời đồn đại nơi đây có nhiều hồn ma lang thang, những hung thần bị dày dãi đã về tụ họp ở đó. Ai tò mò đến xem sẽ bị hành, bị đau ốm, bị chết.

Một họa sĩ nghe nói cảnh hồ rất đẹp và đã không tin ở những điều dị đoan liền tìm vào nơi bí ẩn đó. Ông cảm



Sông Katun

lều ngủ lại ở cánh rừng cách hồ 400m. Lạ thay, đêm đó ông thấy người nôn nao khó chịu, bọt mép trào ra như người bị... ma làm. Sáng dậy đến gần hồ thì thấy ánh sáng đỏ thẫm huyền ảo trên vách núi và từng cột hơi lung linh, xanh biếc bốc lên từ mặt nước. Ông càng thấy chóng mặt, khó thở và phải ngồi xuống. Tuy nhiên, ông vẫn gượng để phác thảo một bức họa. Đó là cảnh mặt hồ xanh xám bao quanh những núi tuyết trắng. Ở chân núi tỏa ra ánh sáng mờ nhạt, pha màu đỏ hồng. Những tảng đá lăn từ vách đá xuống nổi bật một màu đỏ thẫm như máu.

Họa sĩ trở về và bị ốm bốn năm trời. Trong thời gian ấy, nhà địa chất Varikov đến thăm ông và được xem, nghe kể về bức tranh hồ ma quỷ. Varikov càng không tin ở chuyện hoang đường và xin họa sĩ bức tranh về nghiên cứu, đến nay vẫn chưa có lời giải thích nào.

Mục lục

Bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia	5
Vì sao chúng ta sợ?	7
Sự lựa chọn bí ẩn của tự nhiên	10
Bí ẩn về những ngọn đèn vĩnh cửu	13
Bí ẩn của những tượng đá trên đảo Phục Sinh	19
Bí ẩn của hiện tượng đa phu	24
Vũ trụ luôn chống lại chúng ta	31
Tảng đá biết đi	38
Dấu chân kỳ quặc	42
Hóa giải huyền thoại tam giác quỷ Bermuda?	46
Những vòng tròn bí ẩn trên cánh đồng	50
Mỗi người chúng ta là một nhà bác học	54
Bí ẩn cuốn di cảo Voynich thế kỷ 13	61
Bí ẩn về người cụt đầu	64
Chuyện lạ về hôn mê	67
Thần giao cách cảm ở loài vật	73
Lời nguyện - truyền thuyết hay điều có thật đã được mã hóa?	76
Hiện tượng “người lơ lửng”	80
Bí ẩn về hiện tượng ảo giác	84
Thần giao cách cảm, thực và hư	93

Bí mật của "Ảnh gương"	97
Tái tạo trạng thái ảnh gương	103
Loài vật cũng có "tâm hồn"	105
Hiện tượng "ma ám" và thuyết đa nhân cách	110
Con người có thực sự phát sáng?	115
Người ba mắt có thêm khả năng "gọi hồn"	119
Thế giới bí ẩn của những người "nghe" màu	123
Ảo giác dòng nước chảy	125
Những bí ẩn khoa học vui	128
Cà chua mọc... tại thỏ	134
"Biết bay" không còn là viễn tưởng	135
Mười điều kỳ lạ nhất của vũ trụ	138
Vụ mất tích bức tượng thần Mặt trời ở đảo Rhodes	146
Giải mã bí ẩn thuật thôi miên	150
Bí ẩn của những điều vượt qua trí tuệ con người	153
Bí ẩn của sao bạn Thiên lang (Sirius) và người Dogon	158
Bí ẩn về đại lục châu Phi và cội nguồn của loài người	165
Bí ẩn về người da đen ở châu Âu	171
Hồ ma vùng Katun	173

BÍ ẨN

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

Tập 2

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: LÂM AN

Biên tập tái bản: VÕ THỊ NGỌC PHƯƠNG

Bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: VƯƠNG NGHĨ

Kỹ thuật vi tính: THANH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (028) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 37734544

Fax: (024) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 028 35261001 - Fax: 028 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ: 13 cm x 19 cm, số: 830-2018/CXBIPH/48-39/Tre

Quyết định xuất bản số 235/QĐA-NXBT, ngày 5 tháng 4 năm 2018

In 5.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2018